

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1657 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 về quy định chi tiết một số điều luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/7/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XXII về phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 và một số chủ trương quan trọng theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố;

Căn cứ Công văn số 4494/BNNMT-ĐĐ ngày 17/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc rà soát, điều chỉnh phương án ứng phó thiên tai phù hợp với tình hình của địa phương và chính quyền 2 cấp;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 198/TTr-SNNMT ngày 04/9/2025, Công văn số 2481/SNNMT-CCTNNTL ngày 09/9/2025 và Công văn số 3152/SNNMT-CCTNNTL ngày 25/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (đính kèm Phương án).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, Quyết định 2078/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam (cũ).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐ PTDS Quốc gia;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy (để báo cáo);
- Thường trực Hội đồng nhân dân Tp (để báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND Tp;
- Các tổ chức hội, đoàn thể;
- Báo và Phát thanh, truyền hình thành phố;
- Lưu: VT, SNNMT.

LSM

107-CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Nam Hưng

phuongdt3-29/09/2025 08:12:47-phuongdt3

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG AN

**Ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1657/QĐ-UBND ngày 26/9/2025
của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)*

Phần I

GIỚI THIỆU CHUNG

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Thành phố Đà Nẵng (sau khi sáp nhập) có diện tích tự nhiên 11.859,59 km², quy mô dân số 3.065.628 người. Phía Bắc giáp thành phố Huế, phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, phía Đông giáp Biển Đông. Đà Nẵng là địa phương có diện tích lớn nhất trong 6 thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Điều kiện địa hình, địa mạo

Địa hình Đà Nẵng nghiêng dần từ Tây sang Đông, căn cứ vào các đặc điểm chung, có thể phân ra 03 vùng địa hình như sau:

- Địa hình vùng núi: Có độ cao trung bình từ 700 đến 800m, hướng thấp dần từ Tây sang Đông; bao gồm các xã mới thuộc 6 huyện (cũ): Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My.

- Địa hình vùng gò đồi, trung du: Là vùng chuyển tiếp giữa vùng núi phía Tây và vùng đồng bằng ven biển, độ cao trung bình từ 100 đến 200m; bao gồm các xã, phường mới thuộc các huyện (cũ): Phú Ninh, Tiên Phước, Hiệp Đức, Quế Sơn, Nông Sơn, Đại Lộc.

- Vùng đồng bằng ven biển: Là dạng địa hình tương đối bằng phẳng, ít biến đổi, có độ cao dưới 30m gồm những dải đồng bằng nhỏ hẹp phía Đông và vùng cồn cát, bãi cát ven biển; bao gồm các xã, phường mới thuộc 06 huyện, thị xã, thành phố (cũ): Núi Thành, Tam Kỳ, Thăng Bình, Duy Xuyên, Điện Bàn, Hội An.

3. Mạng lưới sông ngòi

Thành phố Đà Nẵng có 02 hệ thống sông lớn là hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn và hệ thống sông Tam Kỳ.

- Hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn được hình thành từ 02 sông chính là Vu Gia và Thu Bồn, với diện tích lưu vực 10.350km² (kể cả phần lưu vực nằm trên tỉnh Quảng Ngãi (Kon Tum cũ) và thành phố Đà Nẵng). Hệ thống sông này

đổ ra cửa Hàn (thành phố Đà Nẵng) và Cửa Đại (Phường Hội An Đông, thành phố Đà Nẵng). Trên địa bàn thành phố hiện nay có 44 công trình thủy điện với tổng công suất theo thiết kế là 1.784,16MW, gồm: 12 công trình thủy điện vừa và lớn có tổng công suất theo thiết kế là 1.335,00MW và 32 công trình thủy điện nhỏ có tổng công suất theo thiết kế là 449,16MW.

- Sông Tam Kỳ, có hai nhánh chính là nhánh sông Tam Kỳ và nhánh sông Bàn Thạch, diện tích lưu vực khoảng 1.040km², sông chính dài 70 km, chảy ra biển tại Cửa Lở thuộc xã Tam Hải. Phía thượng nguồn của sông Tam Kỳ có hồ chứa nước Phú Ninh chiếm lưu vực 235 km².

Ngoài 2 hệ thống sông chính nêu trên, dọc theo bờ biển còn có sông Trường Giang, đây là sông tiêu thoát lũ ở khu vực vùng đồng bằng, nối liền sông Thu Bồn và sông Tam Kỳ với chiều dài khoảng 70 km.

4. Khí hậu

Đà Nẵng có lượng mưa trung bình hằng năm khoảng 2.000 mm đến 2.500 mm. Vị trí địa lý, điều kiện địa hình, cùng với những thay đổi phức tạp của chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa đã tạo nên khí hậu Đà Nẵng có 02 mùa rõ rệt trong năm:

- Mùa khô: Từ tháng 01 đến tháng 8, có lượng mưa chiếm 25% đến 30% lượng mưa trung bình năm, thường xảy ra hạn hán, nắng nóng, đông tố, lốc, sét và xâm nhập mặn.

- Mùa mưa: Bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 12, lượng mưa chiếm khoảng 70% đến 75% lượng mưa trung bình cả năm và thường gây ra lũ, lụt.

II. ĐẶC ĐIỂM VÀ TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

1. Tình hình thiên tai từ năm 1997 đến nay

Do vị trí địa lý, đặc điểm địa hình, địa mạo cùng với tác động biến đổi khí hậu toàn cầu, tình hình thiên tai trên địa bàn thành phố diễn ra hết sức phức tạp và có xu thế ngày càng gia tăng về số lượng cũng như mức độ khốc liệt. Các loại hình thiên tai thường xuất hiện ở thành phố Đà Nẵng là áp thấp nhiệt đới (ATNĐ), bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, đông, sét, lốc, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, gió mạnh trên biển, cháy rừng do tự nhiên...

2. Thiệt hại do thiên tai gây ra từ năm 1997 đến nay

Theo tổng hợp trên địa bàn thành phố, từ năm 1997 đến năm 2024 có 38 cơn bão, 14 ATNĐ, 83 trận lũ... ảnh hưởng trực tiếp đến thành phố, đã làm 837 người chết, 2.674 người bị thương, 38.699 nhà bị sập, 604.516 nhà dân bị hư hỏng. Tổng ước tính thiệt hại khoảng 31.400 tỷ đồng.

III. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

1. Đánh giá thiên tai

a) Đối với ATNĐ, bão

Cấp độ rủi ro thiên tai	Vị trí hoạt động của ATNĐ, bão	Khu vực ảnh hưởng
3 (Bão mạnh)	- ATNĐ, bão cấp 8, cấp 9 hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền thành phố Đà Nẵng. - Bão mạnh cấp 10, cấp 11 hoạt động trên Biển Đông, vùng biển ven bờ, trên đất liền thành phố Đà Nẵng và các tỉnh, thành phố lân cận (Huế, Quảng Ngãi). - Bão rất mạnh cấp 12 đến cấp 13 hoạt động trên Biển Đông.	- Các địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp gồm các xã, phường: Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi, Duy Xuyên, Nam Phước, Duy Nghĩa, Thu Bồn, Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Đức Phú, Tam Xuân, Hội An, Hội An Tây, Hội An Đông, Tam Kỳ, Quảng Phú, Bàn Thạch, Hương Trà, Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điện, Thăng Phú, Đồng Dương, Sơn Trà, An Hải, Ngũ Hành Sơn, Thanh Khê, Hải Châu, Hòa Cường, An Khê, Ngũ Hành Sơn, Hòa Khánh, Liên Chiểu, Hải Vân, Cẩm Lệ, Hòa Xuân, Hòa Tiến, Hòa Vang, Bà Nà và đặc khu Hoàng Sa, Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận, Phú Ninh, Tây Hồ, Chiên Đàn, Quế Sơn, Quế Sơn Trung, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước, Tiên Phước, Lãnh Ngọc, Thạnh Bình, Sơn Cẩm Hà, Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà. - Các địa phương bị ảnh hưởng gián tiếp: Các địa phương còn lại trên địa bàn thành phố. - Tàu thuyền và ngư dân neo đậu tại các khu vực neo đậu và hoạt động trên biển Đông.
4 (Bão mạnh)	- Bão rất mạnh cấp 12 đến cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền thành phố Đà Nẵng và các tỉnh, thành phố lân cận (Huế, Quảng Ngãi).	- Toàn thành phố; - Tàu thuyền và ngư dân neo đậu tại các khu vực neo đậu và hoạt động trên biển Đông.

	- Bão từ cấp 14 trở lên hoạt động trên biển Đông.	
5 (Siêu bão)	Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền thành phố Đà Nẵng và các tỉnh, thành phố lân cận (Huế, Quảng Ngãi).	- Toàn thành phố; - Tàu thuyền và ngư dân neo đậu tại các khu vực neo đậu và hoạt động trên biển Đông.

b) Đối với lốc, sét, mưa đá

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Lốc, sét, mưa đá xảy ra dưới 1/2 số đơn vị hành chính cấp xã, phường trên địa bàn thành phố;

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Lốc, sét, mưa đá xảy ra từ 1/2 số đơn vị hành chính cấp xã, phường trên địa bàn thành phố.

c) Đối với mưa lớn

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Lượng mưa trong 24 giờ từ 100 mm đến 200 mm hoặc 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày trên phạm vi dưới 1/2 số đơn vị hành chính cấp xã, phường của thành phố.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Lượng mưa trong 24 giờ từ 100 mm đến 200 mm hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày ở khu vực trung du, miền núi và kéo dài trên 2 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển trên phạm vi hơn 1/2 số đơn vị hành chính cấp xã, phường trên địa bàn toàn thành phố; lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày trên phạm vi hơn 1/2 số đơn vị hành chính cấp xã, phường thành phố.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài trên 4 ngày ở khu vực trung du, miền núi; lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài trên 2 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển; lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài từ 1 ngày đến 4 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài trên 4 ngày ở khu vực trung du, vùng núi; lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ trên 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài trên 4 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển.

*** Mưa lớn gây ngập lụt đô thị:** Qua thống kê, hiện nay trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có tổng cộng 124 vị trí có nguy cơ ngập úng khi xảy ra mưa lớn, cục đoạn. *(Chi tiết tại Phụ lục VI đính kèm).*

Trong đó, một số vị trí, khu vực trọng điểm thường xuyên xảy ra tình trạng ngập úng nặng khi có mưa như: (1) Khu vực xung quanh hồ Thạc Gián -

Vĩnh Trung, (2) Khu vực đường Hải Hồ, (3) Khu vực Kiệt 640 Trưng Nữ Vương, (4) Khu vực kênh Phong Bắc, (5) Khu vực đường Mẹ Suốt, (6) Khu vực đường Núi Thành, (7) Khu vực đường Lê Tấn Trung, (8) Khu vực cổng Khu công nghiệp Hòa Khánh, (9) Khu vực hạ lưu cổng Khe Cạn, (10) Khu vực kênh Yên Thế - Bắc Sơn, (11) Phường Bàn Thạch, (12) Phường Tam Kỳ, (13) Phường Quảng Phú, (14) Phường Hương Trà.

Thông tin, dữ liệu ngập nước các khu vực, tuyến đường trên địa bàn thành phố tại thời điểm mưa lớn, ngập lụt ngày 14/10/2022 (*Chi tiết tại Phụ lục V đính kèm*).

d) Đối với nắng nóng

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 35°C đến 39°C, kéo dài từ 3 ngày tới 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 39°C kéo dài trên 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C kéo dài từ trên 5 ngày đến 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C kéo dài trên 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài từ trên 10 ngày đến 25 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài trên 25 ngày.

đ) Đối với hạn hán

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm; tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với trung bình nhiều năm; tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ trên 3 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên

50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với trung bình nhiều năm.

e) Đối với lũ, ngập lụt

Sông	Hàn	Vu Gia	Thu Bồn	Tam Kỳ
Rủi ro thiên tai cấp độ 1	BĐ1 - dưới BĐ2	BĐ1 - dưới BĐ2	BĐ1 - dưới BĐ2	BĐ1 - dưới BĐ2
Rủi ro thiên tai cấp độ 2	- BĐ2 - dưới BĐ3 (tại trạm Cẩm Lệ)	- BĐ2- dưới BĐ3 (tại trạm Ái Nghĩa) - BĐ2- dưới BĐ3+1m (tại trạm Hội Khách, Thành Mỹ)	- BĐ2- dưới BĐ3 (tại các trạm Giao Thủy, Cầu Lâu, Hội An) - BĐ2- dưới BĐ3+1m (tại các trạm Hiệp Đức, Nông Sơn)	BĐ2 - dưới BĐ3 + 1m
Rủi ro thiên tai cấp độ 3	- BĐ3 trở lên (tại trạm Cẩm Lệ)	- BĐ3 trở lên (tại trạm Ái Nghĩa) - BĐ3+1m trở lên (tại trạm Hội Khách, Thành Mỹ)	- BĐ3 trở lên (tại các trạm Giao Thủy, Cầu Lâu, Hội An) - BĐ3+1m trở lên (tại các trạm Hiệp Đức, Nông Sơn)	BĐ3+1m trở lên

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Mức nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 trên các sông: Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ (tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Cầu Lâu, Hội An, Tam Kỳ, Giao Thủy, Nông Sơn, Thành Mỹ, Hội Khách, Hiệp Đức).

Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang thuộc địa bàn các địa phương: Thạnh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dê, La Ê (huyện Nam Giang cũ); Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận (huyện Đại Lộc cũ); Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi (Thị xã Điện Bàn cũ); Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn (huyện Duy Xuyên cũ); Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, Tân Hiệp (thành phố Hội An cũ); Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước (huyện Quế Sơn cũ); Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà (huyện Hiệp Đức cũ); Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch (thành phố Tam Kỳ cũ); Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Hải (huyện Núi Thành cũ), Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp (huyện Phước Sơn cũ); Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường,

Thăng Điền, Thăng Phú, Đồng Dương (*huyện Thăng Bình cũ*); Hòa Tiến, Bà Nà, Hòa Vang, Hòa Xuân, Cẩm Lệ (*huyện Hòa Vang và quận Cẩm Lệ cũ*).

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2:

+ Mức nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 trên các sông: Vu Gia - Thu Bồn (*tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Hội Khách, Giao Thủy, Cầu Lâu, Hội An*). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia, Thu Bồn thuộc địa bàn các địa phương: Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận (*huyện Đại Lộc cũ*); Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi (*Thị xã Điện Bàn cũ*); Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn (*huyện Duy Xuyên cũ*); Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, Tân Hiệp (*thành phố Hội An cũ*).

+ Mức nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 + 01m trên các sông: Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang (*tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Hội Khách, Thành Mỹ, Hiệp Đức, Nông Sơn, Tam Kỳ*). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang thuộc địa bàn các địa phương: Thanh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dê, La Êê (*huyện Nam Giang cũ*); Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận (*huyện Đại Lộc cũ*); Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi (*Thị xã Điện Bàn cũ*); Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn (*huyện Duy Xuyên cũ*); Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, Tân Hiệp (*thành phố Hội An cũ*); Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước (*huyện Quế Sơn cũ*); Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà (*huyện Hiệp Đức cũ*); Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch (*thành phố Tam Kỳ cũ*); Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Hải (*huyện Núi Thành cũ*); Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp (*huyện Phước Sơn cũ*); Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, Thăng Phú, Đồng Dương (*huyện Thăng Bình cũ*).

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3:

+ Mức nước lũ cao từ mức báo động 3 trở lên trên các sông: Hàn, Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ (*tại các Trạm thủy văn: Cẩm Lệ, Ái Nghĩa, Giao Thủy, Cầu Lâu, Hội An, Cẩm Lệ, Ái Nghĩa, Hội Khách, Thành Mỹ, Hiệp Đức, Nông Sơn, Tam Kỳ*). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã, phường ven các sông Hàn, Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang thuộc địa bàn các địa phương: Ngũ Hành Sơn; Cẩm Lệ; Hòa Xuân; Hải Vân; Bà Nà; Hòa Tiến; Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận (*huyện Đại Lộc cũ*); Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi (*Thị xã Điện Bàn cũ*); Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn (*huyện Duy Xuyên cũ*); Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, Tân Hiệp (*thành phố Hội An cũ*); Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch (*thành phố Tam Kỳ cũ*), Thanh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dê, La Êê (*huyện Nam Giang cũ*); Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước (*huyện Quế Sơn cũ*); Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà (*huyện Hiệp Đức cũ*); Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú,

Tam Hải (*huyện Núi Thành cũ*); Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp (*huyện Phước Sơn cũ*); Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, Thăng Phú, Đồng Dương (*huyện Thăng Bình cũ*).

* Đối với các khu vực không có cấp báo động lũ thì căn cứ vào mực nước ngập trung bình hằng năm (MNTB) (Cấp độ 1: dưới MNTB, Cấp độ 2: MNTB, Cấp độ 3: MNTB trở lên).

g) Đối với lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 ngày đến 2 ngày ở các địa phương: A Vương, Tây Giang, Hùng Sơn (*huyện Tây Giang cũ*); Thạnh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dê, La Êê (*huyện Nam Giang cũ*); Sông Vàng, Sông Kôn, Đông Giang, Bến Hiên (*huyện Đông Giang cũ*); Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp (*huyện Phước Sơn cũ*); Trà Liên, Trà My, Trà Tân, Trà Đốc, Trà Giáp (*huyện Bắc Trà My cũ*); Nam Trà My, Trà Tập, Trà Linh, Trà Vân, Trà Leng (*huyện Nam Trà My cũ*); Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước (*huyện Quế Sơn cũ*); Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà (*huyện Hiệp Đức cũ*); Lãnh Ngọc, Tiên Phước, Thạnh Bình, Sơn Cẩm Hà (*huyện Tiên Phước cũ*); Tây Hồ, Chiên Đàn, Phú Ninh (*huyện Phú Ninh cũ*); Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Hải (*huyện Núi Thành cũ*); Hòa Vang, Hòa Tiến, xã Bà Nà, Hải Vân, Liên Chiểu, Hòa Khánh, Sơn Trà (*thành phố Đà Nẵng cũ*) và lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại các địa phương còn lại của thành phố.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Lượng mưa trên 200mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày ở các địa phương: A Vương, Tây Giang, Hùng Sơn (*huyện Tây Giang cũ*); Thạnh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dê, La Êê (*huyện Nam Giang cũ*); Sông Vàng, Sông Kôn, Đông Giang, Bến Hiên (*huyện Đông Giang cũ*); Trà Liên, Trà My, Trà Tân, Trà Đốc, Trà Giáp (*huyện Bắc Trà My cũ*); Nam Trà My, Trà Tập, Trà Linh, Trà Vân, Trà Leng (*huyện Nam Trà My cũ*); Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp (*huyện Phước Sơn cũ*); Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà (*huyện Hiệp Đức cũ*); Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước (*huyện Quế Sơn cũ*); Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, Thăng Phú, Đồng Dương (*huyện Thăng Bình cũ*); Lãnh Ngọc, Tiên Phước, Thạnh Bình, Sơn Cẩm Hà (*huyện Tiên Phước cũ*); xã Tây Hồ, Chiên Đàn, Phú Ninh (*huyện Phú Ninh cũ*); Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Hải (*huyện Núi Thành cũ*); Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn (*huyện Duy Xuyên cũ*); Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận (*huyện Đại Lộc cũ*); Hòa Vang, Hòa Tiến, Bà Nà, Hải Vân, Liên Chiểu, Hòa Khánh, Sơn Trà (*thành phố Đà Nẵng cũ*) và lượng mưa từ trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại các địa phương còn lại của thành phố.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ và mưa

đã xảy ra trước đó trên 2 ngày ở các địa phương: Vương, Tây Giang, Hùng Sơn (*huyện Tây Giang cũ*); Thanh Mỹ, Bến Giằng, Nam Giang, Đắc Pring, La Dê, La Êê (*huyện Nam Giang cũ*); Sông Vàng, Sông Kôn, Đông Giang, Bến Hiên (*huyện Đông Giang cũ*); Trà Liên, Trà My, Trà Tân, Trà Đốc, Trà Giáp (*huyện Bắc Trà My cũ*); Nam Trà My, Trà Tập, Trà Linh, Trà Vân, Trà Leng (*huyện Nam Trà My cũ*); Khâm Đức, Phước Năng, Phước Chánh, Phước Thành, Phước Hiệp (*huyện Phước Sơn cũ*); Hiệp Đức, Việt An, Phước Trà (*huyện Hiệp Đức cũ*); Quế Sơn Trung, Quế Sơn, Xuân Phú, Nông Sơn, Quế Phước (*huyện Quế Sơn cũ*); Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, Thăng Phú, Đồng Dương (*huyện Thăng Bình cũ*); Lãnh Ngọc, Tiên Phước, Thanh Bình, Sơn Cẩm Hà (*huyện Tiên Phước cũ*); Tây Hồ, Chiên Đàn, Phú Ninh (*huyện Phú Ninh cũ*); Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Hải (*huyện Núi Thành cũ*); Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn (*huyện Duy Xuyên cũ*); Đại Lộc, Hà Nha, Thượng Đức, Vu Gia, Phú Thuận (*huyện Đại Lộc cũ*); Hòa Vang, xã Hòa Tiến, Bà Nà, Hải Vân, Liên Chiểu, Hòa Khánh, Sơn Trà (*thành phố Đà Nẵng cũ*).

h) Đối với gió mạnh trên biển

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Khi có gió mạnh trên biển cấp 6 xảy ra trên vùng biển ven bờ; gió mạnh trên biển từ cấp 7 đến cấp 8 xảy ra trên vùng biển ngoài khơi. Ngoài các tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, các khu vực dân cư ven biển, các phương tiện, tàu, thuyền neo đậu tại các khu neo đậu tránh trú được xác định có nguy cơ cao gặp nguy hiểm: Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang (phường Sơn Trà); Cửa Đại, Cù Lao Chàm (Hội An); Hồng Triều (Duy Xuyên); An Hoà (Núi Thành).

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Khi có gió mạnh trên biển từ cấp 7 trở lên xảy ra trên vùng biển ven bờ; gió mạnh trên biển từ cấp 9 trở lên trên vùng biển ngoài khơi. Ngoài các tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, các khu vực dân cư ven biển, các phương tiện, tàu, thuyền neo đậu tại các khu neo đậu tránh trú được xác định có nguy cơ cao gặp nguy hiểm: Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang (phường Sơn Trà); Cửa Đại, Cù Lao Chàm (Hội An); Hồng Triều (Duy Xuyên); An Hoà (Núi Thành).

i) Đối với xâm nhập mặn

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ 15 km đến 25 km tính từ cửa sông ảnh hưởng trực tiếp đến các khu vực như: Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, (*huyện Thăng Bình cũ*); Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, xã Tân Hiệp (*thành phố Hội An cũ*); Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch (*thành phố Tam Kỳ cũ*); Núi Thành, Tam Anh, Tam Xuân, Tam Hải (*huyện Núi Thành cũ*); Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn (*huyện Duy Xuyên cũ*); Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi (*thị xã Điện Bàn cũ*); Hòa Vang, Hòa Tiến, Bà Nà, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Hải Vân, Liên Chiểu.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 25 km đến 50 km tính từ cửa sông ảnh hưởng trực tiếp đến các khu vực như: Thăng Bình, Thăng An, Thăng Trường, Thăng Điền, Thăng Phú, Đồng Dương (*huyện Thăng Bình cũ*); Hội An, Hội An Đông, Hội An Tây, Tân Hiệp (*thành phố Hội An cũ*); Tam Kỳ, Quảng Phú, Hương Trà, Bàn Thạch (*thành phố Tam Kỳ cũ*); Núi Thành, Tam Mỹ, Tam Anh, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Hải (*huyện Núi Thành cũ*); Nam Phước, Duy Nghĩa, Duy Xuyên, Thu Bồn (*huyện Duy Xuyên cũ*); Điện Bàn, Điện Bàn Đông, An Thắng, Điện Bàn Bắc, Điện Bàn Tây, Gò Nổi (*Thị xã Điện Bàn cũ*) với ranh giới độ mặn trên 4‰.

k) Đối với động đất

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Cường độ chấn động từ cấp V đến cấp VI, xảy ra ở bất kỳ khu vực nào thuộc thành phố.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Cường độ chấn động từ cấp VI đến cấp VII, xảy ra ở khu vực nông thôn, khu vực đô thị.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Cường độ chấn động từ cấp VI đến cấp VII, xảy ra ở khu vực có các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Cường độ chấn động từ cấp VII đến cấp VIII, xảy ra ở khu vực đô thị hoặc khu vực có các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 5: Cường độ chấn động trên cấp VIII, xảy ra ở bất kỳ khu vực nào thuộc thành phố.

l) Đối với sóng thần

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng dưới 2 m và cường độ sóng thần cấp VI.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 2 m đến dưới 4 m và cường độ sóng thần từ cấp VII đến cấp VIII.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 4 m đến dưới 8 m và cường độ sóng thần từ cấp IX đến cấp X.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 8 m đến dưới 16 m và cường độ sóng thần cấp XI.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 5: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng trên 16 m và cường độ sóng thần cấp XII.

m) Đối với cháy rừng do tự nhiên (Có 4 cấp độ theo Điều 54, QĐ 18)

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1 khi: Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 10 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2 khi: Nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài không quá 15 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3 khi: Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 25 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4 khi: Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp trên 35 ngày.

2. Đánh giá năng lực ứng phó thiên tai

a) Về chỉ đạo, chỉ huy ứng phó

- Cấp thành phố: Đề chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, UBND thành phố, Ban Chỉ huy PTDS thành phố kịp thời tổ chức kiện toàn bộ máy, phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy PTDS thành phố; ban hành các văn bản chỉ đạo tăng cường công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn thành phố, ban hành Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro cấp thành phố và các kế hoạch liên quan. Ngoài ra, đối với các sự cố thiên tai xảy ra nghiêm trọng, ảnh hưởng đến người, công trình, tài sản; căn cứ mức độ sự cố, vụ việc cần thiết, UBND thành phố thành lập Sở Chỉ huy hiện trường kết nối với Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và TKCN để chỉ đạo công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn.

- Cấp xã, phường, đặc khu:

+ Thực hiện các nội dung công việc tương tự như cấp thành phố về: Kiện toàn tổ chức bộ máy Ban Chỉ huy PTDS cùng cấp, ban hành Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro; tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, phương án đã ban hành.

+ Trong chỉ huy, chỉ đạo đảm bảo tính thống nhất, phân công các thành viên Ban Chỉ huy PTDS đứng điểm trên từng địa bàn để chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng tránh và ứng phó với thiên tai.

+ Chấp hành chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá của Ban Chỉ huy PTDS cấp trên trực tiếp.

b) Về lực lượng: *(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)*

c) Về vật tư, phương tiện: *(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)*

d) Về dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết: *(Chi tiết có Phụ lục III kèm theo)*

e) Vị trí neo đậu, sức chứa của các cảng neo trú tàu, thuyền: *(Chi tiết có Phụ lục IV kèm theo)*

Phần II

CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;
2. Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày 17/6/2020;
3. Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023;
4. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;
5. Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đề điều;
6. Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;
7. Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều luật Phòng thủ dân sự;
8. Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với cấp độ rủi ro thiên tai;
9. Kế hoạch số 318-KH/TU ngày 24/6/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam cũ về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;
10. Kế hoạch số 133-KH/TU ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Thành ủy Đà Nẵng cũ về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Kế hoạch số 6623/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2020 của UBND thành phố về Kế hoạch triển khai Kế hoạch số 133-KH/TU ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Thành ủy Đà Nẵng về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;
11. Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/7/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XXII về phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 và một số chủ trương quan trọng theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố;

12. Công văn số 4494/BNNMT-ĐĐ ngày 17/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc rà soát, điều chỉnh phương án ứng phó thiên tai phù hợp với tình hình của địa phương và chính quyền 2 cấp.

II. MỤC ĐÍCH

1. Chủ động các hoạt động phòng ngừa, ứng phó với thiên tai theo từng cấp độ nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản của nhân dân.
2. Đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân, chủ động sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế thấp nhất mọi rủi ro do thiên tai gây ra.

III. YÊU CẦU

1. Các cấp các ngành thực hiện có hiệu quả phương châm “Bón tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc “phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”; hoàn thành việc di dời, sắp xếp và ổn định đời sống nhân dân vùng thường xuyên xảy ra thiên tai.
2. Bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước, giữ gìn trật tự an ninh, an toàn xã hội.
3. Bảo đảm an toàn cho hệ thống đê điều, hồ chứa, đặc biệt là các hồ chứa nước lớn, các hồ gần nơi khu dân cư đông đúc hoặc gần trung tâm kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng quan trọng ở hạ du công trình thủy lợi, thủy điện.
4. Đảm bảo giao thông được thông suốt trong mọi tình huống; hoàn thành hệ thống thông tin liên lạc từ cấp thành phố đến cấp xã (hữu tuyến, vô tuyến, di động, lực lượng hỏa tốc).
5. Người dân theo dõi chặt chẽ diễn biến của thiên tai, nghiêm chỉnh chấp hành các mệnh lệnh, hướng dẫn cảnh báo của chính quyền, của cơ quan chức năng; đồng thời nâng cao ý thức chủ động, tự giác tham gia cùng chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở địa phương trong công tác phòng chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Phần III

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Huy động các nguồn lực để chủ động ứng phó có hiệu quả trước mọi tình huống thiên tai có thể xảy ra trong phạm vi quản lý, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, di sản văn hóa, cơ sở hạ tầng và các công trình trọng yếu do thiên tai có thể gây ra, góp phần quan trọng phát triển bền vững kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

2. Các đơn vị, địa phương trên địa bàn được phân công, chủ động xây dựng phương án ứng phó để làm cơ sở xây dựng phương án ứng phó thiên tai ở cấp cao hơn nhằm ứng phó kịp thời, đạt hiệu quả với từng tình huống cụ thể do thiên tai gây ra.

II. PHƯƠNG CHÂM ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI

Ứng phó nhanh, kịp thời, hiệu quả; có sự chỉ đạo, chỉ huy, triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền địa phương, đơn vị và người dân nhằm đảm bảo được các mục tiêu đã đặt ra.

III. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI TƯƠNG ỨNG THEO CÁC CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

1. Công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

a) Ứng phó ATNĐ, bão

a1) Đối với rủi ro ATNĐ, bão cấp độ 3

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PTDS thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường:

+ Ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố, UBND thành phố các Công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương, đơn vị tổ chức phòng, tránh bão, ATNĐ.

+ Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, UBND các xã, phường ven biển, xã đảo thống kê các phương tiện, tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, báo cáo Trung ương, thành phố để chỉ đạo.

+ Phối hợp Sở Ngoại vụ tham mưu UBND thành phố ban hành văn bản đề nghị Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao can thiệp trong các trường hợp tàu, thuyền của thành phố cần vào các đảo hoặc lãnh thổ nước bạn để tránh, trú ATNĐ, bão.

- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố:

+ Chỉ đạo các Đài canh TKCN trực thuộc phối hợp cùng các gia đình chủ tàu thống kê, rà soát, kiểm đếm kỹ số lượng phương tiện, tàu, thuyền của thành phố. Cần chú ý các phương tiện, tàu, thuyền ở khu vực ảnh hưởng của bão,

ATNĐ hoặc gió mạnh, hướng dẫn, yêu cầu phải quay vào bờ hoặc di chuyển tránh trú bão.

+ Thống kê danh sách các tàu, thuyền hoạt động trong khu vực nguy hiểm, báo cáo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, UBND thành phố, Ban Chỉ huy PTDS thành phố để theo dõi, chỉ đạo.

+ Chủ động công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền hoạt động trên biển.

+ Quản lý chặt chẽ việc ra biển hoạt động của các tàu thuyền. Tổ chức lực lượng, phương tiện thông báo, kêu gọi các phương tiện, tàu cá đang hoạt động trên vùng biển Đà Nẵng vào nơi tránh trú ATNĐ, bão; tổ chức bắn pháo hiệu thông báo ATNĐ, bão theo quy định.

- *Sở Giáo dục và Đào tạo*: Theo dõi thông tin diễn biến của ATNĐ, bão và các văn bản chỉ đạo của UBND thành phố, Ban Chỉ huy PTDS thành phố để chủ động công tác đảm bảo an toàn học sinh, sinh viên trong thời gian bị ảnh hưởng của ATNĐ, bão.

- *Sở Khoa học và Công nghệ*: Chỉ đạo công tác đảm bảo kết nối thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó ATNĐ, bão, tổ chức thông tin tuyên truyền, nhắc tin về công tác ứng phó ATNĐ, bão đến người dân.

- *UBND, Ban Chỉ huy PTDS các xã, phường*:

+ Chủ động chỉ đạo triển khai phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro của địa phương đảm bảo.

+ Các xã, phường ven biển phối hợp với các Đoàn Biên phòng của Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, gia đình các chủ tàu, rà soát, thống kê cụ thể các tàu, thuyền của địa phương đang hoạt động trên biển. Theo dõi chặt chẽ thông tin diễn biến bão, ATNĐ. Sử dụng tất cả các phương tiện thông tin liên lạc hiện có thông báo cho các chủ phương tiện, tàu, thuyền biết về diễn biến của bão, ATNĐ để chủ động phòng, tránh.

+ Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Khí tượng thủy văn, thông tấn, báo chí thường xuyên cung cấp thông tin về diễn biến bão, ATNĐ đến các địa phương và nhân dân để chủ động phòng tránh.

a2) Đối với rủi ro ATNĐ, bão cấp độ 4

Ngoài nội dung được triển khai như ATNĐ, bão cấp độ 3, các địa phương, đơn vị triển khai các biện pháp sau:

- *Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PTDS thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường*:

Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND thành phố thành lập Ban Chỉ huy tiền phương tại địa bàn có nguy cơ bão đổ bộ.

Tham mưu Chủ tịch UBND thành phố ban hành các Công điện, văn bản

chỉ đạo công tác phòng, chống bão, ATNĐ.

Tham mưu Ban Chỉ huy PTDS thành phố chỉ đạo chủ các hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện triển khai phương án PCTT đảm bảo an toàn đập và an toàn cho nhân dân vùng hạ du công trình; chú trọng đến các hồ chứa, công trình dễ điều xung yếu.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan khí tượng thủy văn, thông tấn, báo chí thường xuyên cung cấp thông tin về diễn biến bão, ATNĐ đến các địa phương và nhân dân để chủ động phòng tránh.

Phối hợp với các địa phương rà soát, thống kê cụ thể số lượng người cần di dời, sơ tán, báo cáo Trung ương, thành phố để chỉ đạo.

Phối hợp cùng Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố triển khai lực lượng, phương tiện hỗ trợ chính quyền các địa phương và nhân dân tổ chức phòng, tránh bão, ATNĐ.

- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố:

Sẵn sàng phương tiện, lực lượng để hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân trong việc phòng, tránh bão, ATNĐ khi có yêu cầu của UBND thành phố hoặc Ban Chỉ huy PTDS thành phố.

Triển khai các biện pháp kêu gọi, hướng dẫn tàu thuyền khẩn trương di chuyển tránh, trú bão, ATNĐ; đảm bảo an toàn cho người, tàu thuyền tại nơi neo đậu.

Sẵn sàng phương tiện, lực lượng để hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân trong việc phòng, tránh bão, ATNĐ khi có yêu cầu của UBND thành phố hoặc Ban Chỉ huy PTDS thành phố.

Chủ trì, phối hợp cùng các địa phương, đơn vị liên quan trong việc tổ chức cứu hộ, cứu nạn nhân dân vùng thiên tai.

Sẵn sàng lực lượng, phương tiện hỗ trợ các đơn vị liên quan ứng phó sự cố công trình hồ chứa thủy lợi, thủy điện, đê điều.

- Công an thành phố:

Triển khai lực lượng đảm bảo tình hình ANTT trên địa bàn thành phố; tổ chức chốt chặn, hướng dẫn người, phương tiện qua lại tại các khu vực ngập, tràn đảm bảo an toàn. Chủ động cấm người, phương tiện qua lại tại các khu vực bị ngập sâu, nước chảy xiết; cấm các phương tiện thuyền, đò lưu thông trên sông khi có lũ.

Sẵn sàng phương tiện, lực lượng hỗ trợ chính quyền địa phương và Nhân dân trong việc phòng, tránh bão, ATNĐ; tham gia ứng cứu sự cố các công trình thủy lợi, thủy điện, đê điều,... khi có yêu cầu của Chủ tịch UBND thành phố hoặc Ban Chỉ huy PTDS thành phố.

- UBND, Ban Chỉ huy PTDS các xã, phường:

Tổ chức PCTT, TKCN và PTDS theo phương án đã được lập. Trong đó cần chú ý các nội dung sau:

Tổ chức sơ tán dân tại những khu vực vùng ven biển, trũng, thấp, vùng thường xuyên bị ngập sâu, vùng nguy cơ sạt lở đất, núi, bờ sông, bờ biển.

Thông báo thường xuyên tình hình diễn biến thiên tai đến từng cộng đồng dân cư (kể cả truyền thanh lưu động). Trong bất cứ trường hợp nào cũng phải đảm bảo nhân dân nhận được thông tin về diễn biến thiên tai.

Sẵn sàng lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc men cần thiết để cứu trợ nhân dân trong vùng.

Chuẩn bị lực lượng, phương tiện của địa phương và hỗ trợ nhân dân vùng thiên tai trong việc di dời, sơ tán phòng, tránh thiên tai.

Chỉ đạo các cơ quan, trường học, trạm y tế tại địa phương tạo điều kiện cho nhân dân đến trú, tránh thiên tai.

Phối hợp với các đơn vị liên quan trên địa bàn tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình đê điều, hồ, đập thủy lợi, thủy điện; đặc biệt là các công trình xuống cấp, xung yếu, các công trình đang thi công dở dang.

Tổ chức khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Tổng hợp tình hình thiệt hại tại địa phương, báo cáo UBND thành phố, Ban Chỉ huy PTDS thành phố.

- *Các Sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể thành phố:*

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức phòng, chống bão, ATNĐ cho cơ quan, đơn vị mình. Huy động lực lượng, hỗ trợ các địa phương, đơn vị phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai.

a3) Đối với rủi ro bão cấp độ 5

- *Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PTDS thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường:*

Phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ theo dõi diễn biến bão.

Xác định khu vực nguy cơ bão đổ bộ, mực nước dâng do bão làm cơ sở trong việc di dời, sơ tán dân.

Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND thành phố thành lập Sở Chỉ huy tiền phương tại địa phương có nguy cơ bão đổ bộ để điều hành trực tiếp công tác phòng, chống bão.

Tham mưu UBND thành phố huy động tối đa nguồn lực hiện có hoặc đề xuất Trung ương hỗ trợ thành phố để thực hiện công tác phòng, chống bão mạnh, siêu bão.

Thực hiện các nội dung công tác khác như ATNĐ, bão cấp độ 3 nêu trên.

- *Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố, các Hội đoàn thể:*

Triển khai thực hiện các nội dung như với ANTĐ, bảo cấp độ 4. Riêng Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố tổ chức bổ sung các nội dung sau:

Tạo điều kiện cho nhân dân vào trú ẩn tại các doanh trại quân đội trên địa bàn.

Đề nghị các lực lượng quân đội của Bộ Quốc phòng và Quân Khu 5 đóng trên địa bàn thành phố hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân phòng, chống bão.

- *UBND các xã, phường, đặc khu:*

Chỉ đạo, tổ chức sơ tán nhân dân đến các vị trí an toàn. Các vị trí an toàn được khuyến khích bao gồm: Nhà kiên cố, trụ sở, cơ quan, trạm y tế kiên cố, hầm tránh bão,...

Các khu vực phải tổ chức di dời bao gồm: Các xã ven biển, nhà dân không kiên cố, các khu vực dân cư nằm vùng trũng, thấp, ven sông, suối, hạ du các hồ chứa.

Thường xuyên cập nhật tình hình di dời, sơ tán dân tại địa phương, báo cáo thành phố để biết, hỗ trợ trong các tình huống cấp bách.

- *Các Sở, ban, ngành*

Tổ chức chằng, chống, gia cố trụ sở, triển khai phương án PCTT tại đơn vị.

Sẵn sàng lực lượng, trang thiết bị, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức và khắc phục hậu quả thiên tai khi có yêu cầu từ UBND thành phố, Ban Chỉ huy PTDS thành phố.

+ Cứu hộ, cứu nạn trên biển

Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố (Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố) chỉ đạo, giao Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

Khi nhận được tin thiên tai, tai nạn, yêu cầu người báo tin cung cấp thông tin: Thời gian, vị trí (tọa độ hoặc khu vực) xảy ra tai nạn; tên phương tiện; thuyền trưởng; số người trên tàu; lý do bị nạn; hậu quả ban đầu; điều kiện thời tiết sóng, gió ở khu vực bị nạn; tần số, thời gian các phiên liên lạc; số điện thoại, địa chỉ của thuyền trưởng, chủ tàu; đề nghị, yêu cầu của thuyền trưởng.

Chỉ đạo thông tin TKCN của đơn vị phối hợp với Đài thông tin duyên hải miền Trung, gia đình chủ tàu, thuyền trưởng giữ liên lạc với tàu bị nạn, đồng thời phát thông báo tàu bị nạn và huy động những tàu thuyền đang hoạt động gần khu vực tham gia cứu nạn.

Chỉ thị cho các Đoàn Biên phòng sẵn sàng lực lượng, phương tiện cơ động cứu hộ, cứu nạn khi có lệnh, đồng thời thông báo cho các lực lượng chức năng (Trung tâm phối hợp Hàng hải khu vực, Hải quân, Cảnh sát biển, Biên phòng các

tỉnh lân cận) sẵn sàng lực lượng, phương tiện phối hợp tham gia cứu hộ, cứu nạn.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm khu vực được phân công và điều kiện khả năng cho phép tham mưu Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Ban Chỉ huy PTDS thành phố điều động, huy động lực lượng, phương tiện từ bờ ra cứu hộ, cứu nạn. Trường hợp không có khả năng hoặc không thuộc phạm vi địa bàn phụ trách, kịp thời báo cáo Ban Chỉ huy PTDS thành phố đề nghị Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia điều động lực lượng, phương tiện ra cứu hộ, cứu nạn.

Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, chính quyền địa phương chuẩn bị mọi mặt thường trực tại bến để tiếp nhận, chăm sóc y tế ban đầu, chuyển nạn nhân nặng đến cơ sở y tế cấp cứu, điều trị.

Trường hợp chưa tổ chức lực lượng phương tiện cơ động ra hiện trường TKCN, nhưng qua hệ thống thông tin liên lạc phát hiện trên tàu bị nạn có người bị thương, chỉ đạo quân y đơn vị sử dụng máy trực canh TKCN để thăm khám, hướng dẫn những người trên tàu sơ cứu, điều trị ban đầu cho nạn nhân. Qua máy thông tin hướng dẫn thuyền trưởng đưa nạn nhân vào nơi gần nhất, có điều kiện để cấp cứu và thường xuyên giữ liên lạc với trạm canh của Bộ đội biên phòng để xử lý các tình huống.

Kết thúc vụ việc, tổng hợp báo cáo Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, UBND thành phố theo quy định.

b. Ứng phó với lũ, ngập lụt

b1) Đối với rủi ro lũ, ngập lụt cấp độ 1

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PTDS thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường:

Tham mưu ban hành các Công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương tổ chức phòng, tránh lũ.

Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố chỉ đạo các hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn thực hiện theo quy trình vận hành liên hồ chứa đã ban hành.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (Cơ quan tham mưu về công tác phòng chống thiên tai):

Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy lợi thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra.

Phối hợp với Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PTDS thành phố, Sở Công Thương theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa.

Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy lợi để tham mưu Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố chỉ đạo

phòng, chống lũ cho công trình và vùng hạ du.

- Sở Công Thương:

Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy điện thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PTDS thành phố theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa.

Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy điện để phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy điện do mưa, lũ gây ra.

- UBND, Ban Chỉ huy PTDS các xã, phường, đặc khu:

Các địa phương thuộc lưu vực các sông Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ: Rà soát các khu vực dân cư vùng trũng, thấp, khu vực có nguy cơ cao bị sạt lở đất, núi, bờ sông. Tổ chức di dời, sơ tán dân tương ứng cấp độ lũ, lụt.

Các xã miền núi: Kiểm tra, rà soát các khu vực dân cư ven sông, suối, khu vực có nguy cơ cao bị sạt lở. Tổ chức di dời, sơ tán dân; các vị trí an toàn được xác định chủ yếu là trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế hoặc nhà dân nơi cao ráo, không bị ảnh hưởng của lũ, sạt lở đất.

b2) Đối với rủi ro lũ, ngập lụt cấp độ 2, 3

Từ mức rủi ro thiên tai cấp độ 2, hầu hết các địa phương trên địa bàn thành phố bị ảnh hưởng. Trong đó, phải chú ý mức ngập lụt tại các xã, phường, vào trận lũ lịch sử năm 2009 để làm căn cứ sơ tán dân.

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PTDS thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường:

Tham mưu UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố ban hành Công điện chỉ đạo phòng, tránh lũ. Trong đó cần chú ý đến các nội dung: Sơ tán dân, an toàn hồ chứa thủy lợi, thủy điện, giao thông trước, trong và sau lũ.

Cập nhật thường xuyên tình hình sơ tán dân tại các địa phương, báo cáo kịp thời cho Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia, UBND thành phố để hỗ trợ trong các tình huống cấp bách.

Theo dõi tình hình vận hành các hồ chứa thủy lợi, thủy điện trên địa bàn thành phố. Theo dõi việc thực hiện Quy trình vận hành liên hồ đối với hồ thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.

Phối hợp với Văn phòng UBND thành phố tham mưu UBND thành phố thành lập các Đoàn công tác chỉ đạo phòng, chống và khắc phục lũ tại các địa phương.

Phối hợp cùng các Hội, đoàn thể thành phố trong việc cung cấp tình hình thiệt hại do lũ gây ra làm cơ sở cho công tác kêu gọi cộng đồng, doanh nghiệp trong và ngoài nước hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả.

- *Sở Nông nghiệp và Môi trường* (Cơ quan tham mưu về công tác phòng chống thiên tai):

Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy lợi thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra.

Phối hợp với Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PTDS thành phố, Sở Công Thương theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa.

Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy lợi để tham mưu Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố chỉ đạo phòng, chống lũ cho công trình, vùng hạ du công trình và các tình huống sự cố khẩn cấp.

- *Sở Công Thương*

Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy điện thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PTDS thành phố theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa.

Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy điện để phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy điện do mưa, lũ gây ra.

+ *Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố*: Huy động tối đa lực lượng, phương tiện của đơn vị hỗ trợ chính quyền các địa phương và nhân dân phòng, chống lũ.

- *Báo và Phát thanh, truyền hình thành phố*: Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PTDS thành phố cập nhật thông tin, diễn biến mưa, lũ cung cấp thường xuyên cho nhân dân được biết, chủ động phòng, tránh.

- *Sở Khoa học và Công nghệ*: Đảm bảo kết nối thông tin liên lạc trong mọi tình huống phục vụ công tác chỉ đạo ứng phó mưa, lũ.

- *Sở Giáo dục và Đào tạo*: Theo dõi thông tin diễn biến của lũ, ngập lụt và các văn bản chỉ đạo của UBND thành phố, Ban Chỉ huy PTDS thành phố để chủ động cho học sinh, sinh viên nghỉ học trong thời gian bị ảnh hưởng của lũ, ngập lụt.

- *Các Sở, ban, ngành, Hội đoàn thể thành phố*: Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia cùng chính quyền và nhân dân các địa phương phòng, chống và khắc phục hậu quả lũ, ngập lụt.

- *UBND, Ban Chỉ huy PTDS các xã, phường, đặc khu*:

Tổ chức di dời, sơ tán hết nhân dân tại nơi ngập sâu (kể cả nhân dân vùng hạ du các hồ chứa thủy lợi, thủy điện), khu dân cư có nguy cơ bị sạt lở.

Kiểm tra, kiểm soát giao thông trên các tuyến đường trong và sau lũ.

Cứu trợ nhân dân vùng thiên tai.

Thường xuyên cập nhật tình hình thiên tai và thiệt hại ban đầu tại địa phương, báo cáo UBND thành phố, Ban Chỉ huy PTDS thành phố.

Chỉ đạo các Đài Truyền thanh - Truyền hình tiếp nhận các thông tin từ Báo và Phát thanh, truyền hình thành phố hoặc cập nhật thông tin từ Ban Chỉ huy PTDS địa phương thường xuyên thông báo cho nhân dân được biết. Tuyệt đối không để nhân dân không tiếp cận được thông tin diễn biến lũ, lụt.

Huy động lực lượng, phương tiện phối hợp với các chủ công trình, hồ đập ứng cứu sự cố công trình khi có đề nghị.

Tổ chức khắc phục thiệt hại sau lũ, ngập lụt tại các khu vực bị thiệt hại. Báo cáo đề xuất hỗ trợ trong các tình huống vượt khả năng của địa phương.

c) Các kịch bản mưa lớn gây ngập úng đô thị

c1) Các kịch bản

- Kịch bản 1: Dự báo mưa vừa (Lượng mưa < 50mm/trận mưa)
- Kịch bản 2: Dự báo mưa to đến rất to (lượng mưa từ (50÷300)mm/trận mưa)
- Kịch bản 3: Dự báo mưa lớn bất thường (lượng mưa > 300mm/trận mưa)
- Kịch bản 4: Dự báo có bão xảy ra: Ứng phó với kịch bản 1: (Dự báo mưa vừa (Lượng mưa < 50mm/trận mưa))

Đối với khu vực trọng điểm, các đơn vị thực hiện phương án ứng phó cụ thể đối với từng vị trí theo đúng nhiệm vụ được giao. (*Chi tiết tại Phụ lục VII đính kèm*).

Đối với các vị trí ngập úng khác, các đơn vị thực hiện theo phương án ứng phó ngập úng do từng đơn vị xây dựng, trong đó lưu ý các nhiệm vụ chung như sau:

c2) Công tác truyền thông

+ Theo dõi thường xuyên các bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai qua các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Các bản tin về mưa, bão của cơ quan khí tượng thủy văn được cung cấp cho các cơ quan truyền thông và các cơ quan chức năng từ cấp thành phố đến cấp cơ sở để chủ động triển khai ứng phó.

Hình thức truyền thông tin đến cộng đồng dân cư:

- + Qua hệ thống truyền thanh của địa phương.
- + Qua loa cầm tay trực tiếp, xe loa tuyên truyền cơ động.
- + Qua các Trung tâm Truyền hình Việt Nam khu vực Miền Trung và Tây Nguyên, Báo và Phát thanh, truyền hình Đà Nẵng.
- + Nhận thông tin qua: Điện thoại cố định, điện thoại di động, fax, email.
- + Các hình thức thông tin, truyền thông chính thống khác: Tổng đài 1022, Cổng thông tin điện tử thành phố.

c3) Công tác tổ chức ứng phó

- Ứng phó với kịch bản 1

Với lượng mưa này thì trên địa bàn thành phố hầu như không có điểm ngập, chỉ tồn tại một số vị trí ngập úng cục bộ gây đọng nước trên mặt đường. Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải Đà Nẵng và UBND các địa phương cần triển khai các biện pháp ứng phó như sau:

+ Trước khi mưa:

Tổng ra quân khơi thông, nạo vét các cửa thu nước dọc các tuyến đường trên địa bàn quản lý và chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, thiết bị, nhân lực để kịp thời xử lý tại những vị trí xung yếu về thoát nước.

Kiểm tra, rà soát tình trạng máy bơm, nguồn điện bảo đảm các trạm bơm chống ngập cố định và di động hoạt động ổn định, bố trí nhân lực trực thường xuyên và thực hiện phương án bơm nước kịp thời khi có mưa.

+ Ứng phó trong mưa:

Triển khai thực hiện phương án phòng, chống thiên tai, ngập úng và các kịch bản ứng phó sự cố đối với công trình thoát nước đô thị trên địa bàn thành phố do từng đơn vị quản lý ban hành hàng năm.

Bố trí lực lượng ứng trực thực hiện các biện pháp khơi thông thoát nước thường xuyên tại các vị trí ngập úng cục bộ trên địa bàn thành phố (thu nhặt rác, vật cản dòng chảy ở các cửa thu nước bỏ vào thùng rác, trường hợp cửa thu không kịp nhưng mương cống thoát nước vẫn còn năng lực thoát nước thì cho tháo dỡ đan, nắp cửa thu nước, hố ga, đồng thời thực hiện biện pháp cảnh giới, hướng dẫn đảm bảo an toàn giao thông).

Bố trí lực lượng ứng trực tại các trạm bơm chống ngập Ông Ích Khiêm, Thuận Phước, Đảo Xanh, Trương Chí Cương, K20...

+ Công tác khắc phục hậu quả: Kiểm tra vớt các vật cản, rác, lá cây tồn đọng tại các cửa thu mương thu nước và đập các tấm đan, nắp cửa thu, nắp hố ga để đảm bảo an toàn.

- Ứng phó với kịch bản 2: Dự báo mưa to đến rất to (lượng mưa từ $(50\div 300)\text{mm/trận mưa}$).

+ Công tác truyền thông: Về cơ bản giống kịch bản 1, lưu ý nội dung sau: Chuyển tải các văn bản chỉ đạo của Trung ương, địa phương đến các cơ quan, đơn vị, quần chúng nhân dân.

+ Công tác tổ chức ứng phó

Sở Xây dựng: Tham mưu UBND thành phố triển khai phương án phòng chống ngập lụt đô thị

Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải Đà Nẵng

Trước khi mưa:

Kịp thời cập nhật các thông tin dự báo, cảnh báo về tình hình thời tiết, khí tượng, thủy văn của các cơ quan thông tin đại chúng cùng những nội dung chỉ đạo, điều hành của cơ quan chức năng về các biện pháp phòng chống, ứng phó để chủ động thực hiện Phương án phòng chống thiên tai, ngập úng và ứng phó sự cố do đơn vị ban hành hàng năm.

Tổng ra quân khơi thông, nạo vét các cửa thu nước dọc các tuyến đường trên địa bàn quản lý và chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, thiết bị, nhân lực để kịp thời xử lý tại những vị trí xung yếu về thoát nước. Tổ chức rào chắn cảnh báo tại các vị trí nguy hiểm, kênh mương bị sạt lở và các vị trí đận, mương cống hư hỏng chưa được sửa chữa.

Kiểm tra, rà soát tình trạng máy bơm, nguồn điện bảo đảm các trạm bơm chống ngập cố định và di động hoạt động ổn định, bố trí nhân lực trực thường xuyên và thực hiện phương án bơm nước kịp thời, hợp lý khi có mưa, không để xảy ra tình trạng ngập úng tại khu vực.

Chuẩn bị các máy bơm di động để sẵn sàng xử lý ngập úng các vị trí thấp trũng tại các khu dân cư.

Phân công lực lượng ứng trực, thực hiện công tác khơi thông thoát nước tại các vị trí có nguy cơ ngập úng trên địa bàn thành phố.

Chủ động mở cửa phai hạ mực nước trong các hồ điều tiết xuống mức thấp nhất (hồ Công viên 29/3, hồ Thạc Gián - Vĩnh Trung, hồ K5...) để tăng khả năng điều tiết nước.

Có phương án vận hành các cửa phai phù hợp tại các tuyến ven sông, ven biển, hồ điều tiết, trạm bơm chống ngập (đối với các công trình cửa phai, trạm bơm của các dự án đang thực hiện thì phối hợp chặt chẽ với ban QLDA để điều tiết vận hành kịp thời).

Khơi thông dòng chảy bị bồi lấp và chuẩn bị xe đào khơi thông dòng chảy các cửa xả, các tuyến kênh mương bị bèo, cỏ, rác bồi lấp gây tắc nghẽn dòng chảy.

+ Ứng phó trong mưa:

Triển khai thực hiện phương án phòng, chống thiên tai, ngập úng và các kịch bản ứng phó sự cố đối với công trình thoát nước đô thị trên địa bàn thành phố do đơn vị ban hành hàng năm.

Bố trí lực lượng ứng trực 24/24 giờ (ít nhất 01 người/01 vị trí), thực hiện các biện pháp khơi thông thoát nước thường xuyên tại các vị trí có nguy cơ ngập úng trên địa bàn thành phố (thu nhặt rác, vật cản dòng chảy ở các cửa thu nước bỏ vào thùng rác, trường hợp cửa thu không kịp nhưng mương cống thoát nước vẫn còn năng lực thoát nước thì cho tháo dỡ đan, nắp cửa thu nước, hố ga, đồng thời thực hiện biện pháp cảnh giới, hướng dẫn đảm bảo an toàn giao thông).

Bố trí lực lượng ứng trực và vận hành tại các trạm bơm chống ngập Ông Ích Khiêm, Thuận Phước, Đảo Xanh, Trương Chí Cương, K20 và các tổ vận hành trạm bơm chống ngập di động khi có yêu cầu hỗ trợ phối hợp của địa phương.

Vận hành các cửa phai: Cửa xả Yên Khê 1, 2, hồ Công viên 29/3, hồ Thạc Gián - Vĩnh Trung, hồ điều tiết thượng lưu cống Tây Nam Hòa Cường (hồ K5), trạm bơm Thuận Phước, trạm bơm Trương Chí Cương - Nguyễn Xuân Nhĩ, trạm bơm Đảo Xanh, trạm bơm K20, trạm bơm Ông Ích Khiêm và các cửa phai của các cửa xả dọc tuyến ven biển (Mỹ An, Mỹ Khê, 2/1), cửa phai cống Yên Thế - Bắc Sơn.

Cập nhật thường xuyên tình hình ngập úng trên địa bàn thành phố báo cáo về Sở Xây dựng để chỉ đạo thực hiện các nội dung công việc liên quan.

UBND, Ban Chỉ huy PTDS các xã, phường

Trước khi mưa:

+ Kịp thời cập nhật các thông tin dự báo, cảnh báo về tình hình thời tiết, khí tượng, thủy văn của các cơ quan thông tin đại chúng cùng những nội dung chỉ đạo, điều hành của cơ quan chức năng về các biện pháp phòng chống, ứng phó để chủ động thực hiện Phương án phòng chống thiên tai, ngập úng và ứng phó sự cố do đơn vị ban hành hàng năm.

+ Xác định các khu vực sẽ bị ảnh hưởng do ngập úng để thông tin cảnh báo đến các cơ quan, đơn vị và nhân dân được biết nhằm chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống và ứng phó kịp thời, tránh tình trạng bị động, lúng túng, hoang mang khi xảy ra tình trạng ngập úng kéo dài trên diện rộng.

+ Tổng ra quân khơi thông, nạo vét các cửa thu nước dọc các tuyến đường trên địa bàn quản lý và chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, thiết bị, nhân lực để kịp thời xử lý tại những vị trí xung yếu về thoát nước. Tổ chức rào chắn cảnh báo tại các vị trí nguy hiểm, kênh mương bị sạt lở và các vị trí đan, mương cống hư hỏng chưa được sửa chữa.

Ứng phó trong mưa:

+ Triển khai thực hiện phương án phòng, chống thiên tai, ngập úng và các kịch bản ứng phó sự cố đối với công trình thoát nước đô thị trên địa bàn thành phố do đơn vị ban hành hàng năm.

+ Bố trí lực lượng ứng trực 24/24 giờ (ít nhất 01 người/01 vị trí), thực hiện các biện pháp khơi thông thoát nước thường xuyên tại các vị trí có nguy cơ ngập úng trên địa bàn thành phố (thu nhặt rác, vật cản dòng chảy ở các cửa thu nước bỏ vào thùng rác, trường hợp cửa thu không kịp nhưng mương cống thoát nước vẫn còn năng lực thoát nước thì cho tháo dỡ đan, nắp cửa thu nước, hố ga, đồng thời thực hiện biện pháp cảnh giới, hướng dẫn đảm bảo an toàn giao thông).

+ Cập nhật thường xuyên tình hình ngập úng trên địa bàn thành phố báo cáo về Sở Xây dựng để chỉ đạo thực hiện các nội dung công việc liên quan.

Các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án: Thực hiện các phương án thoát nước tạm tại các công trình đang thi công dở dang trên địa bàn thành phố nhằm tránh tình trạng ngập úng cục bộ tại các khu vực này.

Các đơn vị khác (gồm Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Báo và Phát thanh, truyền hình Đà Nẵng, Sở Công Thương và Công ty Điện lực Đà Nẵng, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ):

+ Sẵn sàng chuẩn bị nhân vật lực trong trường hợp thành phố huy động tổng hợp các nguồn lực để thực hiện công tác truyền thông, phòng chống, ứng phó ngập úng và hỗ trợ người dân di dời đến nơi an toàn.

+ Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố điều lực lượng đến các vị trí trọng điểm, xung yếu: khu vực Khe Cạn (phường Thanh Khê); khu vực đường Mẹ Suốt (phường Hoà Khánh); khu vực đường Nguyễn Nhân (phường Cẩm Lệ)...

+ Thực hiện các nhiệm vụ được giao trong công tác ứng phó tại các vị trí ngập úng trọng điểm trên địa bàn thành phố.

Công tác khắc phục hậu quả

+ Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải Đà Nẵng

Tổ chức bơm cưỡng bức tại các khu vực ngập úng cục bộ, nước không có hướng thoát ngay khi có ý kiến chỉ đạo thực hiện.

Huy động lực lượng, phương tiện tổ chức vớt bèo, cỏ rác chắn dòng ảnh hưởng đến khả năng thoát nước tại các kênh, mương, hồ điều tiết trên địa bàn thành phố nhằm tăng cường khả năng tiêu thoát nước của hệ thống.

Tổng hợp toàn bộ công tác ứng phó, khắc phục hậu quả và thống kê, đánh giá thiệt hại theo quy định sau đợt mưa lớn gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND thành phố.

+ UBND, Ban Chỉ huy PTDS các xã, phường

Đảm bảo giao thông thông suốt, tổ chức cảnh báo tại các vị trí hệ thống thoát nước bị hư hỏng, sạt lở do mưa lớn gây ra.

Kiểm tra vớt các vật cản, rác, lá cây tồn đọng tại các cửa thu mương thu nước và đập các tấm đan, nắp cửa thu, nắp hố ga để đảm bảo an toàn.

Tổng hợp toàn bộ công tác ứng phó, khắc phục hậu quả và thống kê, đánh giá thiệt hại theo quy định sau đợt mưa lớn gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND thành phố.

+ Các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án

Phối hợp với UBND các xã, phường và Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải thực hiện các biện pháp thoát nước và khắc phục hậu quả sau mưa.

- Ứng phó với Kịch bản 3: Dự báo mưa lớn bất thường (lượng mưa > 300mm/trận mưa)

Với cường độ mưa này thì trên địa bàn thành phố sẽ xảy ra tình trạng ngập úng trên diện rộng ở nhiều khu vực gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến giao thông và đời sống sinh hoạt của người dân. Để giảm thiểu tình trạng ngập úng và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do mưa lớn gây ra, các đơn vị cần triển khai các biện pháp ứng phó như sau:

+ Công tác truyền thông

Về cơ bản giống kịch bản 2, tập trung vào các nội dung sau:

Các đài truyền hình, truyền thanh, phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tăng cường thời lượng đưa tin, cảnh báo, lưu ý cho người dân, các cơ quan, đơn vị về cường độ mưa; đưa ra các số liệu thiệt hại trong lịch sử để mọi người nâng cao mức độ cảnh giác.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn hệ thống thông tin cơ sở đăng tải thông tin về thiên tai và các giải pháp phòng chống, ứng phó phù hợp.

+ Tổ chức ứng phó

Thực hiện các nội dung đã nêu ở kịch bản 2.

UBND, Ban Chỉ huy PTDS các xã, phường

Triển khai khẩn cấp các biện pháp huy động tổng hợp các nguồn lực trên địa bàn để thực hiện công tác phòng chống và ứng phó, hỗ trợ di dời người dân đến nơi an toàn, bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhân dân.

Tuyên truyền người dân chủ động dự trữ nước sạch, lương thực, thực phẩm cần thiết, thuốc chữa bệnh thông thường để sử dụng. Cung cấp thông tin về tình trạng ngập úng tại khu vực sinh sống cho cơ quan chức năng, báo, đài và chính quyền địa phương để được trợ giúp, ứng cứu kịp thời. Thường xuyên theo dõi tình hình dự báo, cảnh báo, hướng dẫn của cơ quan chức năng để thực hiện các biện pháp phòng, tránh, không đi vào khu vực ngập sâu, nguy hiểm. Quản lý trẻ em, chăm sóc người già, người bệnh, người tàn tật (nếu có) an toàn. Kiểm tra an toàn

các thiết bị điện, hàng hóa, vật tư, sắp xếp đồ đạc và tài sản ở những nơi cao ráo. Chấp hành lệnh sơ tán, di dời của chính quyền địa phương đến nơi an toàn.

Triển khai lực lượng phân luồng, điều phối, hướng dẫn giao thông, cấm biển báo tại các khu vực, tuyến đường nguy hiểm, bị ngập sâu để người dân biết và hạn chế đi lại. Huy động và cung ứng phương tiện vận tải để vận chuyển người, hàng hóa qua các khu vực nguy hiểm, ra khỏi vùng ngập sâu, bị chia cắt được an toàn, đảm bảo giao thông huyết mạch tại các tuyến đường quan trọng, cửa ngõ ra vào thành phố, duy trì hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, chỉ huy thông suốt trong quá trình triển khai thực hiện.

Thực hiện biện pháp huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân... trên địa bàn để tổ chức ứng phó.

Các đơn vị khác (gồm Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Báo và Phát thanh, truyền hình Đà Nẵng, Sở Công Thương và Công ty Điện lực Đà Nẵng, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ):

Sẵn sàng chuẩn bị nhân vật lực trong trường hợp thành phố huy động tổng hợp các nguồn lực để thực hiện công tác truyền thông, phòng chống, ứng phó ngập úng và hỗ trợ người dân di dời đến nơi an toàn.

Phối hợp với UBND các xã, phường triển khai lực lượng, phương tiện (xe tải, xe buýt, ca nô, tàu, thuyền, xuồng...) hỗ trợ công tác sơ tán, di dời người dân và tài sản của nhân dân tại các khu vực ngập sâu, bị chia cắt, cô lập đến nơi an toàn, trợ giúp người dân đi lại an toàn và tổ chức việc cứu hộ - cứu nạn khi xảy ra ngập úng. Sẵn sàng phối hợp với các đơn vị, hỗ trợ, tiếp ứng cho các địa phương khi cần thiết.

Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố điều lực lượng đến các vị trí trọng điểm, xung yếu: khu vực Khe Cạn (phường Thanh Khê); khu vực đường Mẹ Suốt (phường Hoà Khánh); khu vực đường Nguyễn Nhân (phường Cẩm Lệ)...

Phối hợp, hỗ trợ địa phương đưa người dân sơ tán, di dời về nơi ở an toàn, trật tự sau khi nước rút.

- Ứng phó với Kịch bản 4: Dự báo có bão xảy ra

+ Trong trường hợp có bão xảy ra, các đơn vị cần thường xuyên cập nhật các thông tin dự báo, cảnh báo về tình hình thời tiết, khí tượng, thủy văn của các cơ quan thông tin đại chúng cùng những nội dung chỉ đạo, điều hành của cơ quan chức năng về các biện pháp phòng chống, ứng phó để chủ động thực hiện Phương án phòng chống thiên tai, bão lũ, ngập úng và ứng phó sự cố do đơn vị ban hành.

+ Nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung tại kịch bản Mưa lớn gây ngập lụt đô thị tại Phường án phòng chống và khắc phục hậu quả ứng với một số kịch bản thiên tai do Chủ tịch UBND thành phố ban hành hàng năm, đặc biệt lưu ý các vị trí ngập úng trọng điểm, ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt của người dân.

+ Sau bão, các đơn vị tổng hợp công tác ứng phó, khắc phục hậu quả và thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai, bão lũ gây ra theo quy định, đồng thời đề xuất phương án khắc phục các sự cố liên quan đến công trình thoát nước gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND thành phố.

d. Ứng phó đông, lốc, sét

Đối với rủi ro đông, lốc, sét xảy ra cấp độ 1, 2, UBND, Ban Chỉ huy PTDS các cấp chủ động tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung sau:

- Công tác tổ chức phòng, tránh và ứng phó

+ Trên đất liền

Tổ chức tập huấn tuyên truyền các biện pháp, kỹ năng phòng tránh khi xảy ra đông, lốc sét.

Thường xuyên kiểm tra, chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc. Ở các vùng ven biển, cửa sông, ven sông nơi trồng trái, nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibroximăng, ngói có thể dần lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có đông gió, lốc, sét.

Chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pa nô, áp phích; các khu vực nhà lá, nhà tạm bợ và các dàn giáo của công trình cao tầng đang thi công.

Khi có mưa kèm theo đông, cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm bợ, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn; tránh núp dưới bóng cây, trú ẩn trong nhà tạm bợ để bị ngã đổ gây tai nạn.

Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời có biện pháp phòng, tránh và ứng phó hiệu quả.

+ Trên sông, biển

Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Biển đảo và Thủy sản), Sở Xây dựng, các xã, phường ven biển thông báo, yêu cầu và kiểm tra các chủ phương tiện tàu thuyền hoạt động trên biển, trên sông đảm bảo các yêu cầu sau:

Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường thủy.

Khi thấy mây đông thì phải nhanh chóng trở vào bờ hoặc di chuyển tìm nơi tránh, trú an toàn.

Tổ chức hợp lý đội hình khai thác trên biển theo tổ, nhóm, trong đó đảm bảo cự ly, khoảng cách hợp lý giữa các tàu thuyền kịp thời hỗ trợ nhau khi gặp nạn.

Thường xuyên kiểm tra hệ thống, thiết bị thông tin liên lạc, đảm bảo luôn hoạt động hiệu quả để kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng khi gặp sự cố, tình huống nguy hiểm, bất lợi.

- Công tác tổ chức khắc phục hậu quả

Sau khi xảy ra dông gió, lốc, sét, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, thiết bị để nhanh chóng xử lý sự cố, khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó tập trung một số công việc cấp thiết:

Khẩn trương cứu nạn, cứu hộ cho người và tài sản.

Chủ động tiến hành cắt điện cục bộ tại nơi xảy ra sự cố ngay khi phát hiện tình trạng mất an toàn trong vận hành lưới điện do bị ảnh hưởng của dông gió, lốc, sét. Sau khi khắc phục, sửa chữa và đảm bảo chắc chắn an toàn của hệ thống điện thì phải khôi phục lại ngay việc cung cấp điện cho khu vực để nhân dân ổn định sinh hoạt và sản xuất.

Khẩn trương sửa chữa gia cố công trình, nhà ở dân cư bị hư hỏng, thu dọn cây xanh bị ngã đổ và xử lý vệ sinh môi trường theo quy định.

Khắc phục các sự cố tàu thuyền bị đánh chìm, trôi dạt, hư hỏng và tổ chức tìm kiếm người, tàu thuyền bị mất liên lạc.

Kịp thời cứu trợ các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại sau thiên tai.

Thống kê, đánh giá thiệt hại và đề xuất các biện pháp khôi phục sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống cho nhân dân.

- Công tác báo cáo, thống kê thiệt hại

UBND, Ban Chỉ huy PTDS cấp xã, phường tổ chức đến hiện trường khi trên địa bàn xảy ra dông gió, lốc, sét gây ra; thống kê, báo cáo, thông tin kịp thời mọi tình huống về Ban Chỉ huy PTDS thành phố để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ khi cần thiết.

đ) Ứng phó lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy cấp độ 1, 2, 3

- Công tác phòng ngừa

+ Chỉ đạo lập Quy hoạch phân vùng có nguy cơ sạt lở đất.

+ Chỉ đạo, kiểm tra rà soát hiện trạng các vùng dân cư, ngăn chặn việc xây mới và có kế hoạch di chuyển dân ra khỏi vùng bãi bồi, ven sông, suối, vùng sườn đồi, núi, vùng ven taluy đường giao thông có nguy cơ sạt lở. Nghiêm cấm việc san lấp sông suối và đổ chất thải rắn làm ảnh hưởng đến tiêu thoát lũ.

+ Xây dựng hệ thống cảnh báo, biển báo đối với vùng có nguy cơ bị sạt lở đất.

+ Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục và phổ biến kiến thức về phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư.

- Công tác ứng phó

+ Chỉ đạo, thực hiện công tác trực ban, theo dõi chặt chẽ diễn biến của mưa lũ.

+ Chỉ đạo các đơn vị sẵn sàng lực lượng để cứu hộ cứu nạn khi có yêu cầu.

+ Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND, Ban Chỉ huy PTDS cấp trên về phòng, tránh sạt lở đất.

+ Thông báo cho nhân dân biết về tình hình mưa lớn, các sự cố có thể xảy ra do mưa lớn để chủ động di chuyển ra khỏi các vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất như: Đồi dốc, chân vách đá, bờ bãi thấp ven sông suối, trên đường đi của dòng chảy lũ, các chân taluy dễ bị sạt lở...

+ Triển khai lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã kiểm tra, rà soát, chốt chặn, cấm biển cảnh báo... tại các khu vực ngằm tràn, vùng trũng thấp, sườn đồi núi, khu dân cư nằm sâu trong núi,...; hỗ trợ, di dời dân đến nơi an toàn đối với các khu vực có nguy cơ, được cảnh báo xảy ra lũ ống, lũ quét hoặc sạt lở đất. Chú ý ưu tiên sơ tán trước các đối tượng dễ bị tổn thương: người già, phụ nữ, trẻ em, người tàn tật...; thực hiện hoạt động tìm kiếm, cứu nạn người bị vùi lấp, mất tích; cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị sạt lở; hỗ trợ chỗ ở cho những hộ bị mất nhà ở do lũ quét, sạt lở đất gây ra.

- Công tác khắc phục

+ Tăng cường cán bộ trực tiếp đến hiện trường các điểm xảy ra sự cố để xử lý, khắc phục hậu quả.

+ Tổ chức khắc phục các sự cố về hệ thống thông tin liên lạc, giao thông; dọn dẹp vệ sinh môi trường; thực hiện cứu hộ, cứu nạn đối với người, công trình và cơ sở hạ tầng khu vực bị thiệt hại.

+ Báo cáo kịp thời các sự cố sạt lở đất đến UBND, Ban Chỉ huy PTDS cấp trên để chỉ đạo.

+ Thống kê, báo cáo, thông tin kịp thời mọi tình huống xấu về UBND, Ban Chỉ huy PTDS cấp trên để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ khi cần thiết.

e) Ứng phó gió mạnh trên biển

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PTDS thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường:

Ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố, UBND thành phố các Công điện, văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương ven biển tổ chức phòng, tránh gió mạnh trên biển.

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, UBND các xã, phường ven biển thống kê các phương tiện, tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, báo cáo Trung ương, thành phố để chỉ đạo.

Phối hợp Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Sở Ngoại vụ tham mưu UBND thành phố ban hành văn bản đề nghị Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao can thiệp trong các trường hợp tàu, thuyền của thành phố cần vào các đảo hoặc lãnh thổ nước bạn để tránh, trú gió mạnh trên biển.

- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, UBND các xã, phường ven biển, đặc khu:

Chỉ đạo các Đoàn Biên phòng trực thuộc phối hợp cùng các gia đình chủ tàu thống kê, rà soát, kiểm đếm kỹ số lượng phương tiện, tàu, thuyền của thành phố. Cần chú ý, các phương tiện, tàu, thuyền ở khu vực có gió mạnh, hướng dẫn, yêu cầu phải quay vào bờ hoặc di chuyển tránh gió.

Thống kê danh sách các tàu, thuyền hoạt động trong khu vực nguy hiểm, báo cáo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, UBND thành phố, Ban Chỉ huy PTDS thành phố để theo dõi, chỉ đạo.

Chủ động công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền hoạt động trên biển.

- UBND, Ban Chỉ huy PTDS các xã, phường ven biển

Phối hợp với các Đoàn Biên phòng của Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, gia đình các chủ tàu, rà soát, thống kê cụ thể các tàu, thuyền của địa phương đang hoạt động trên biển. Theo dõi chặt chẽ thông tin diễn biến của gió mạnh trên biển. Sử dụng tất cả các phương tiện thông tin liên lạc hiện có thông báo cho các chủ phương tiện, tàu, thuyền biết về diễn biến của gió mạnh để chủ động phòng, tránh.

Phối hợp với các Đoàn Biên phòng tổ chức, hướng dẫn neo đậu tàu thuyền an toàn để tránh gió mạnh.

g) Ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, tham mưu, trình UBND thành phố phê duyệt Phương án phòng, chống hạn, nhiễm mặn trên địa bàn toàn thành phố.

h) Ứng phó động đất, sóng thần

Động đất, sóng thần là loại hình thiên tai mà hầu như đến nay chưa thể dự báo trước được. Vì vậy, để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do động đất gây ra, công tác chuẩn bị trước khi xảy ra động đất là hết sức quan trọng.

h1) Đối với UBND, Ban Chỉ huy PTDS cấp xã, phường và các cơ quan chức năng ở địa phương

- Công tác chuẩn bị

Khảo sát, xác định và chuẩn bị các khu vực sơ tán an toàn cho nhân dân.

Chủ động xây dựng kế hoạch sơ tán dân của từng thôn, bản, tổ dân phố và sẵn sàng triển khai thực hiện khi có động đất, sóng thần.

Dự trữ lương thực, thực phẩm, các nhu yếu phẩm, thuốc y tế đảm bảo cho công tác cứu trợ nhân dân trong khu vực bị động đất, sóng thần. .

Có kế hoạch chuẩn bị lực lượng tại chỗ (Đội xung kích PTDS) để hỗ trợ kịp thời nhân dân bị thương vong, mất tích trong vùng bị động đất, sóng thần. Đồng thời, có kế hoạch hiệp đồng với các lực lượng vũ trang để hỗ trợ trong công tác tìm kiếm cứu nạn khi động đất, sóng thần có cường độ lớn, xảy ra trên phạm vi rộng.

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thường xuyên cho nhân dân các kỹ năng phòng, tránh động đất, sóng thần.

- Công tác chỉ đạo, chỉ huy

Phát cảnh báo trên hệ thống cảnh báo thiên tai đa mục tiêu, trên các mạng viễn thông đến từng người dân.

Chỉ đạo công tác trực ban 24/24 giờ để nhận và truyền tin cảnh báo từ Viện Vật lý địa cầu.

Chỉ đạo công tác ứng phó bằng các văn bản (công điện, chỉ thị,...).

Ra lệnh sơ tán dân toàn bộ khu vực có nguy cơ xảy ra động đất, sóng thần.

Chỉ đạo các sở ngành triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn khu vực xảy ra động đất, sóng thần.

Chỉ đạo công tác kêu gọi tàu thuyền ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc chạy ra xa bờ.

Chỉ huy lực lượng ứng phó tại hiện trường.

- Công tác ứng phó

Huy động lực lượng toàn thành phố để tổ chức sơ tán dân; ứng cứu tìm kiếm cứu nạn.

Huy động lực lượng, phương tiện kinh phí, vật tư tại chỗ hỗ trợ vận chuyển người dân sơ tán, hỗ trợ lương thực, nước uống, nhu yếu phẩm... tại nơi sơ tán.

Tổ chức lực lượng, phương tiện, vật tư để chỉ viện, tìm kiếm cứu nạn khi có động đất, sóng thần: thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn đối với người bị nạn trong tình huống bị sập đổ, cuốn trôi, tàu thuyền bị chìm... do động đất, sóng thần gây ra.

Tăng cường lực lượng các y, bác sĩ của các bệnh viện thực hiện công tác cứu chữa người bị thương. Có thể lập phương án bệnh viện dã chiến khi có nhiều người bị thương; hỗ trợ dịch vụ y tế cho khu vực bị ảnh hưởng.

Kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và cung cấp nước

sạch tại các vùng trọng điểm. Căn cứ vào tình hình sức khỏe, bệnh tật tại cộng đồng dân cư ở những vùng xảy ra động đất, sóng thần để hỗ trợ tăng cường cơ sở thuốc, hoá chất phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và xử lý vệ sinh môi trường.

Triển khai phương án dò tìm, xử lý và vô hiệu hóa các kho hóa chất phát tán ra môi trường.

Triển khai phương án đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực dân di dời để bảo vệ tài sản người dân; điều phối giao thông, đảm bảo an ninh trật tự, tránh trường hợp kẻ xấu lợi dụng tình hình.

h2) Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu triển khai thực hiện các nội dung tại Công văn số 4992/UBND-KTN ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam (cũ) về triển khai thực hiện Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 27/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó thảm họa động đất, sóng thần; Kế hoạch số 5628/KH-UBND ngày 24/8/2020 của UBND thành phố về Ứng phó với thảm họa động đất, sóng thần của thành phố Đà Nẵng; kịp thời tham mưu, đề xuất UBND thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Sẵn sàng điều động các lực lượng vũ trang trên địa bàn bao gồm cán bộ, chiến sĩ, lực lượng dân quân tự vệ và phương tiện theo kế hoạch đã hiệp đồng, khẩn trương tổ chức ứng cứu nhân dân vùng bị động đất, sóng thần.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện phối hợp, tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn vùng bị động đất, sóng thần. Bảo đảm an ninh trật tự khu vực biên giới; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng thiên tai để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh biên giới.

h3) Công an thành phố

Huy động lực lượng, phương tiện phối hợp tổ chức thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ và đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn bị động đất, sóng thần; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tình hình thiên tai để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

h4) Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Phối hợp với chính quyền địa phương chỉ đạo công tác sơ tán dân vùng bị động đất, sóng thần đến nơi an toàn.

- Phối hợp với chính quyền địa phương xử lý môi trường sau khi động đất, sóng thần xảy ra.

h5) Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương và các đoàn thể khẩn trương tổ chức thực hiện cứu trợ cho nhân dân ở khu vực bị ảnh hưởng của động đất, sóng thần; thăm viếng, động viên và giải quyết chính sách kịp thời cho

những người bị chết, bị thương; tham mưu UBND thành phố hỗ trợ lương thực, thực phẩm (gạo, mì tôm, nhu yếu phẩm khác) cho người dân vùng bị ảnh hưởng động đất, sóng thần.

- Chủ trì, phối hợp với Hội Chữ thập đỏ cấp cứu và đảm bảo các dụng cụ y tế, thuốc, dược phẩm thực hiện công tác sơ cứu tại chỗ người bị nạn và chăm sóc sức khỏe người dân vùng bị ảnh hưởng động đất, sóng thần. Đồng thời, có kế hoạch ưu tiên bố trí xe cấp cứu vận chuyển người bị thương về Trung tâm Y tế, Trạm Y tế gần nhất để cấp cứu những người bị thương nặng được chuyển đến.

h7) Sở Xây dựng

Chỉ đạo khẩn trương xử lý khẩn cấp các tuyến đường bị sạt lở, cầu cống bị hư trong thời gian sớm nhất để phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ và đi lại của nhân dân.

h8) Sở Khoa học và Công nghệ

Chỉ đạo công tác đảm bảo kết nối thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó động đất, sóng thần, tổ chức thông tin tuyên truyền, nhấn tin về công tác ứng phó động đất, sóng thần đến người dân.

h9) Công ty Điện lực Đà Nẵng

Tổ chức khắc phục sự cố về điện phục vụ cho nhân dân vùng động đất, sóng thần.

h10) Các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chủ tịch UBND thành phố có trách nhiệm điều động, bố trí phương tiện, lực lượng phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả của động đất, sóng thần ở các địa phương.

i) Ứng phó cháy rừng do tự nhiên

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm Lâm) theo dõi, tham mưu, trình UBND thành phố triển khai hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn toàn thành phố theo từng cấp độ đảm bảo Điều 54, Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

2. Kế hoạch di dời, sơ tán dân:

a) Đối với bão (Chi tiết có Phụ lục V kèm theo)

b) Đối với lũ, ngập lụt, ngập lụt đô thị (Chi tiết có Phụ lục VI kèm theo)

c) Đối với sạt lở đất (Chi tiết có Phụ lục VII kèm theo)

d) Đối với lũ quét (Chi tiết có Phụ lục VIII kèm theo)

đ) Đối với động đất, sóng thần: (Chi tiết có kế hoạch ứng phó với động đất, sóng thần của Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố)

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai và Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/7/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XXII về phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 và một số chủ trương quan trọng theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Công văn số 602/UBND-KT ngày 18/7/2025 của UBND thành phố về tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ phòng chống thiên tai trong thời gian tới, Công văn số 1245/UBND-KT ngày 18/8/2025 về triển khai thực hiện Thông báo số 394/TB-VPCP ngày 03/8/2025 của Văn phòng Chính phủ và các nội dung sau:

1. UBND, Ban Chỉ huy PTDS các xã, phường, đặc khu

- Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro để đảm bảo an toàn trong chỉ đạo, ứng phó với thiên tai. Trong đó: đối với nội dung phương án sơ tán dân, chỉ đạo thực hiện rà soát danh sách các hộ gia đình có nhà kiên cố, cập nhật phương án sơ tán dân theo phương châm **"4 tại chỗ"**; **tăng cường tối đa công tác di dời, sơ tán tại chỗ, xen ghép**; hạn chế sơ tán tập trung.

- Rà soát, xây dựng, ban hành Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro; hỗ trợ, phối hợp với các Điện lực trực thuộc Công ty Điện lực Đà Nẵng triển khai chặt tĩa cây cối nằm gần các tuyến đường dây điện trước khi bão đổ bộ, đảm bảo an toàn lưới điện và sớm khôi phục cấp điện sau bão.

- Chỉ đạo rà soát, củng cố và nâng cao năng lực lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, phường.

- Chỉ đạo, phổ biến các nội dung của Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro đến các địa phương, đơn vị trên địa bàn.

- Chuẩn bị trang thiết bị, máy móc, cơ sở thuốc, đội ngũ y, bác sĩ... cần thiết để đo thân nhiệt, phân loại các đối tượng để xây dựng phương án sơ tán.

- UBND các xã miền núi, rà soát, chủ động tổ chức dự trữ lương thực; thực phẩm và các mặt hàng thiết yếu tại trụ sở UBND cấp xã, trường học, Trung tâm Y tế, các công trình kiên cố, những vị trí an toàn,...; đối với các địa bàn, khu vực có nguy cơ bị chia cắt, cô lập khi có mưa bão, sạt lở đất đảm bảo dùng đủ trong 30 ngày trở lên.

- Chỉ đạo rà soát đối tượng dễ bị tổn thương do thiên tai (nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ dễ bị ảnh hưởng từ thiên tai và khó phục hồi hơn so với những nhóm người khác trong cộng đồng; *bao gồm: Trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người*

khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo, người nghèo).

- Chủ động triển khai kế hoạch di dời, sơ tán dân theo các cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn; đề xuất Ban Chỉ huy PTDS thành phố hỗ trợ trong các trường hợp vượt quá khả năng của địa phương.

- Chủ động sử dụng nguồn lực tại chỗ để khắc phục hậu quả thiên tai, trường hợp vượt quá khả năng cân đối đề xuất nhu cầu, báo cáo UBND thành phố, Ban Chỉ huy PTDS thành phố (*báo cáo phải cụ thể tình hình sử dụng ngân sách địa phương, quỹ phòng chống thiên tai và các nguồn tài chính hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị, địa phương để khắc phục; thừa, thiếu so với nhu cầu và đề xuất*) đảm bảo quy định tại Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cho nhân dân về phòng, chống thiên tai và nâng cao ý thức của người dân trong việc phối hợp cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với thiên tai, đặc biệt là ngư dân trên biển.

- Đề xuất nhu cầu tập huấn của địa phương về công tác phòng, chống thiên tai.

2. Ban Chỉ huy PTDS thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện phương án. Theo dõi, đôn đốc các địa phương, đơn vị rà soát, hoàn chỉnh lại phương án di dời, sơ tán dân cho phù hợp; tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị: Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố tham mưu UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn hỗ trợ các địa phương trong việc tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với cơ quan Khí tượng thủy văn theo dõi thường xuyên tình hình thời tiết, diễn biến thiên tai, kịp thời ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Ban Chỉ huy PTDS thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố, UBND thành phố các văn bản, Công điện chỉ đạo phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Y tế, các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND thành phố phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ các địa phương để cứu trợ khẩn cấp, khắc phục thiên tai khi các địa phương đã sử dụng hết nguồn dự phòng của ngân sách cấp mình và các nguồn tài chính hợp pháp khác nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Tổng hợp thiệt hại và đề xuất nhu cầu hỗ trợ của các địa phương, đơn vị, tổ chức có liên quan trình UBND thành phố xem xét, quyết định.

- Tổng hợp; đề xuất nhu cầu tập huấn của địa phương về công tác phòng, chống thiên tai.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố

- Chỉ đạo Ban CHQS các xã, phường chủ động tham mưu rà soát các kế hoạch ứng phó cụ thể với các tình huống thiên tai có thể xảy ra trên địa bàn; đặc biệt là phương án sơ tán nhân dân ra khỏi vùng có nguy cơ bị sạt lở, ngập lụt và ảnh hưởng của bão; hướng dẫn, xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã để thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”;

- Rà soát các địa điểm sơ tán tập trung; kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn và chuẩn bị các trang thiết bị cần thiết cho công tác PCTT.

- Tham mưu cho cấp ủy, địa phương bổ sung kịp thời trang thiết bị cho lực lượng làm nhiệm vụ như: quân sự, công an, y tế, lực lượng khác... trong PCTT ở cơ sở.

- Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố, Chủ tịch UBND thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác PCTT, TKCN và PTDS hằng năm trên địa bàn thành phố. Tham mưu UBND thành phố đề nghị các cơ quan Trung ương bổ sung trang thiết bị cần thiết cho thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PTDS thành phố thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn trên sông và đất liền.

4. Công an thành phố

- Chỉ đạo Công an các địa phương tham mưu chính quyền các cấp triển khai đồng bộ các biện pháp công tác, đảm bảo an ninh, trật tự tại cơ sở trong điều kiện xảy ra thiên tai.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm soát chặt chẽ các thông tin trong dư luận, mạng xã hội... kịp thời xử lý nghiêm hành vi vi phạm, như đưa thông tin sai sự thật, bịa đặt, kích động, cản trở, chống đối.

- Huy động lực lượng của đơn vị hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố, Chủ tịch UBND thành phố.

- Phối hợp với các địa phương ven biển tăng cường quản lý, kiểm soát tàu thuyền, kiên quyết không để các tàu đánh bắt thủy sản, hải sản hết hạn đăng kiểm; trang thiết bị an toàn, thông tin liên lạc không đảm bảo; thuyền trưởng, máy trưởng thiếu chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ ra khơi; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật Việt Nam và Quốc tế có liên quan đến hoạt động đánh bắt, hành nghề trên biển để bà con ngư dân hiểu, chấp hành. Chủ động công tác đảm bảo an toàn hoạt động trên biển, tổ chức nghiêm cấm tàu thuyền ra khơi (*bao gồm ghe thuyền các xã bãi ngang ven biển, hoạt động gần bờ, tàu du lịch,...*) đảm bảo an toàn khi có hình thái thời tiết nguy hiểm trên biển. Chủ động triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn cho người và

tài sản của Nhân dân vùng ven biển, trên đảo, trên các lồng bè và khu vực nuôi trồng thủy, hải sản khi có hình thái thời tiết nguy hiểm trên biển.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PTDS thành phố tổ chức công tác cứu hộ, cứu nạn các phương tiện, tàu thuyền và ngư dân bị gặp nạn trên biển và hải đảo.

- Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố, Chủ tịch UBND thành phố.

- Phối hợp tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cho ngư dân về phòng, chống thiên tai và nâng cao ý thức của ngư dân trong việc phối hợp cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với thiên tai trên biển.

5. Sở Y tế

- Chủ động trong công tác dự phòng, sẵn sàng ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kịp thời trong các tình huống thiên tai, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản.

- Nâng cao năng lực xử lý tình huống, chỉ huy và điều hành tại chỗ để chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời thiên tai. Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, thuốc, hóa chất để đáp ứng kịp thời mọi tình huống. Đảm bảo các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân khi có thiên tai.

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, cảnh báo hướng dẫn, các biện pháp phòng, tránh, ứng phó thiên tai kịp thời đến nhân viên y tế và cộng đồng. Đảm bảo an toàn về tính mạng cho nhân viên y tế và người bệnh, nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng tránh với thiên tai; đảm bảo về tài sản, thuốc, trang thiết bị y tế.

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cứu trợ tại các địa phương phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định hiện hành của Nhà nước, không để xảy ra thất thoát, tiêu cực.

- Tham mưu UBND thành phố phân bổ nguồn hàng hóa, lương thực, nhu yếu phẩm cần thiết hỗ trợ các địa phương ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Chủ động phối hợp với UBND các địa phương kịp thời tổ chức công tác cứu trợ theo quy định, đồng thời đề xuất UBND thành phố quyết định các biện pháp cứu trợ khẩn cấp nhằm sớm ổn định đời sống nhân dân vùng bị thiên tai.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tổ chức trực ban, theo dõi tình hình thiên tai, nắm chắc tình hình thiệt hại của nhân dân vùng bị thiên tai.

- Theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy lợi khi có mưa lớn, lũ, lụt xảy ra; phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường ven biển tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an

toàn tàu thuyền trên biển và ở nơi trú tránh khi có thiên tai trên biển xảy ra.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cho ngư dân về phòng, chống thiên tai và nâng cao ý thức của ngư dân trong việc phối hợp cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với thiên tai trên biển.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện đảm bảo việc vận hành các hồ chứa theo đúng quy định tại Quy trình vận hành liên hồ trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.

- Phối hợp, hướng dẫn các địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thu gom rác thải, vệ sinh môi trường sau khi thiên tai xảy ra.

7. Sở Công Thương

- Theo dõi, phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy điện khi có thiên tai xảy ra.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện đảm bảo việc vận hành các hồ chứa theo đúng quy định tại Quy trình vận hành liên hồ trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.

- Phối hợp với địa phương tổ chức rà soát, tổng hợp kế hoạch dự trữ và khả năng cung ứng lương thực, thực phẩm, các mặt hàng thiết yếu tại các doanh nghiệp, thương nhân phân phối, cung ứng hàng hóa để tổ chức huy động, trưng mua kịp thời đảm bảo nguồn lương thực, thực phẩm cứu trợ cho nhân dân tại các vùng bị thiên tai, chia cắt, cô lập đủ dùng trong 07 ngày trở lên.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp phân phối, cung ứng hàng hóa tăng cường dự trữ hàng hóa, nhất là các mặt hàng nhu yếu phẩm, lương thực, thực phẩm... bảo đảm phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân trước, trong và sau khi có thiên tai xảy ra; đồng thời tham gia với chính quyền địa phương nơi bị ảnh hưởng nặng nề do thiên tai gây ra, kịp thời cung ứng lương thực, thực phẩm, nước uống, vật tư... cho nhân dân tại các khu vực bị chia cắt do lụt, bão.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông, Cổng Thông tin điện tử thành phố thường xuyên đưa tin, cập nhật thông tin thời tiết, thiên tai; tăng cường tuyên truyền pháp luật, phổ biến kiến thức, hướng dẫn kỹ năng nhận biết, ứng phó, phòng tránh thiên tai cho người dân trên Cổng và kênh Zalo OA 1022 Đà Nẵng.

- Chỉ đạo công tác đảm bảo kết nối thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó phòng chống thiên tai trong mọi tình huống. Tổ chức thông tin tuyên truyền, nhấn tin thông báo kịp thời về công tác ứng phó phòng chống thiên tai đến người dân trên địa bàn thành phố theo chỉ đạo của Ban Chỉ huy PTDS thành phố.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo các cơ sở lưu trú, doanh nghiệp lữ hành, khu, điểm du lịch trên địa bàn thành phố thuộc chức năng, thẩm quyền quản lý xây dựng kế hoạch công tác phòng, chống thiên tai tại đơn vị, lưu ý có biện pháp đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho du khách.

Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn thành phố đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cho người dân việc thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai để người dân hiểu và tự giác chấp hành; truyền tải sớm thông tin về tình hình thiên tai thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Phối hợp với các đơn vị liên quan, kiểm tra, đề xuất xử lý, tháo dỡ, hạ các biển quảng cáo (nếu cần thiết) nhằm đảm bảo an toàn khi có thiên tai.

10. Sở Tài chính

- Phối hợp với Ban Chỉ huy PTDS thành phố tham mưu cho UBND thành phố phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương và ngân sách thành phố cho các địa phương, đơn vị thực hiện việc phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo quy định hiện hành.

- Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện công tác phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Có trách nhiệm tham mưu UBND thành phố báo cáo các Bộ, ngành Trung ương về nhu cầu vốn đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai.

- Tham mưu UBND thành phố phân bổ kế hoạch vốn cho các công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố từ nguồn Trung ương hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành.

11. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, các Ban Quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành thành phố

Chỉ đạo, yêu cầu các doanh nghiệp, đơn vị thi công tổ chức tuyên truyền xây dựng, rà soát, bổ sung phương án PCTT tại đơn vị mình; thường xuyên tổ chức tuyên truyền cho các doanh nghiệp, đơn vị thi công chủ động thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản, các kho hàng, nhà xưởng trọng yếu và tính mạng công nhân khi có thiên tai, thảm họa; tổ chức, chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư để ứng phó theo phương châm **“4 tại chỗ”**; kiểm tra hệ thống cây xanh trong khu vực để thực hiện tỉa cành, xử lý cây xanh có nguy cơ gãy, đổ; phối hợp khắc phục sau thiên tai, thực hiện chế độ báo cáo kịp thời về tình hình và thiệt hại do thiên tai đối với lĩnh vực ngành.

12. Công ty Điện lực Đà Nẵng

Có kế hoạch đảm bảo an toàn về điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân, các cơ quan, doanh nghiệp trong mùa mưa bão; có phương án khắc phục kịp thời các sự cố về điện do thiên tai gây ra.

13. Đối với các đơn vị quản lý hồ thủy điện, thủy lợi

- Tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện phương án ứng phó thiên tai theo quy định tại Điều 22 Luật Phòng, chống thiên tai.

- Lập phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập; phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.

- Tăng cường công tác kiểm tra kỹ thuật đối với công trình thủy công, khi phát hiện những vấn đề bất thường hoặc các nguy cơ tiềm ẩn không an toàn phải lập tức báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền biết để chỉ đạo khắc phục; đồng thời triển khai ngay các biện pháp xử lý ban đầu nhằm ngăn chặn hậu quả xấu có thể xảy ra.

- Ngoài việc thực hiện đúng quy trình vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải chấp hành nghiêm túc các nội dung chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố trong công tác cắt lũ, giảm lũ và chậm lũ cho vùng hạ du.

14. Các Sở, Ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ của Sở, Ban, ngành, sẵn sàng lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai khi có chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS thành phố.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố

Phối hợp chặt chẽ với UBND thành phố (qua Ban Chỉ huy PTDS thành phố) trong việc phân bổ các nguồn hàng hóa, nhu yếu phẩm và tài chính hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai.

Đề nghị Hội Chữ thập đỏ thành phố phối hợp tập huấn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai; tổng hợp nhu cầu đề xuất tập huấn về phòng, chống thiên tai tại địa phương; xây dựng Đề án về cộng đồng an toàn trước thiên tai.

16. Đài Khí tượng Thủy văn Trung bộ

Phối hợp cung cấp các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai nhằm phục vụ công tác chỉ đạo phòng ngừa, ứng phó với thiên tai trên địa bàn thành phố.

Trên đây là Phương án ứng phó với thiên tai các cấp độ rủi ro trên địa bàn thành phố, yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu triển khai thực hiện./.



Phụ lục I.

THÔNG KÊ NHÂN LỰC PHỤC VỤ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn thành phố năm 2025)

TT	Tên địa phương, đơn vị	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Văn phòng thường trực các cấp	Lực lượng vũ trang tham gia khi có thiên tai xảy ra			Thanh niên xung kích
				Quân sự	Công an	Dân quân	
1	Phường Hải Châu	127	32	19	112	283	
2	Phường Hòa Cường	78	45	20	71	126	404
3	Phường Thanh Khê	19	79	28	43	497	1.061
4	Phường An Khê	17		28	95	84	20
PA	Phường An Hải	64	22	12	27	157	
6	Phường Sơn Trà	20		70	20	30	60
7	Phường Ngũ Hành Sơn	191	97	72	80	153	720
8	Phường Hòa Khánh	262	5	28	32	394	557
9	Phường Hải Vân	70	20	21	21	452	
10	Phường Liên Chiểu	90	10	13	30	9	
11	Phường Cẩm Lệ	78	80	32	35	207	650
12	Phường Hòa Xuân	180	30	52	63	487	378
13	Phường Tam Kỳ	62	16	23	123	189	80
14	Phường Quảng Phú	64	80	8	86	157	155
15	Phường Hương Trà	73	94	7	84	140	60
16	Phường Bàn Thạch	62	16	15	47	189	4
17	Phường Điện Bàn	64	80	8	86	157	11
18	Phường Điện Bàn Đông	73	94	7	84	140	52
19	Phường An Thắng	80	60	22	41	64	10
20	Phường Điện Bàn Bắc	87	4	23	31	119	52
64	Xã Điện Bàn Tây	67	11	23	28	84	10
65	Xã Gò Nổi	52	12	3	17	28	85
21	Phường Hội An	62	16	23	123	189	30
22	Phường Hội An Đông	88	2	40	14	9	233
23	Phường Hội An Tây	23	22	14	51	412	305
24	Xã Hòa Vang	80	60	22	41	64	
25	Xã Hòa Tiến	55		224	57	388	102
26	Xã Bà Nà	30	40	111	30	132	465
27	Xã Núi Thành	62	16	23	123	189	67
28	Xã Tam Mỹ	64	80	8	86	157	62
29	Xã Tam Anh	73	94	7	84	140	64
30	Xã Đức Phú	22	11	26	9	45	20
31	Xã Tam Xuân	87	4	23	31	119	80
32	Xã Tây Hồ	23	22	14	51	412	305
33	Xã Chiên Đàn	70	52	21	51	452	67
34	Xã Phú Ninh	90	10	2	30	9	70
35	Xã Lãnh Ngọc	70	52	21	51	452	90

TT	Tên địa phương, đơn vị	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Văn phòng thường trực các cấp	Lực lượng vũ trang tham gia khi có thiên tai xảy ra			Thanh niên xung kích
				Quân sự	Công an	Dân quân	
36	Xã Tiên Phước	90	10	2	30	9	70
37	Xã Thạnh Bình	61	13	32	39	190	180
38	Xã Sơn Cẩm Hà	100	30	52	63	92	62
39	Xã Trà Liên	64	80	8	86	157	64
40	Xã Trà Giáp	73	94	7	84	140	73
41	Xã Trà Tân	29		23	18	137	67
42	Xã Trà Đốc	87	4	23	31	119	62
43	Xã Trà My	46			20	377	150
44	Xã Nam Trà My	70	52	21	51	452	73
45	Xã Trà Tập	64	80	8	86	157	80
46	Xã Trà Vân	73	94	7	84	140	87
47	Xã Trà Linh	80	60	22	41	64	67
48	Xã Trà Leng	87	4	23	31	119	70
49	Xã Thăng Bình	67	11	23	28	84	90
50	Xã Thăng An	70	52	21	51	452	70
51	Xã Thăng Trường	90	10	2	30	9	70
52	Xã Thăng Điện	70	52	21	51	452	62
53	Xã Thăng Phú	90	10	2	30	9	64
54	Xã Đồng Dương	61	13	32	35	207	73
55	Xã Quế Sơn Trung	100	30	52	63	92	67
56	Xã Quế Sơn	80	60	22	41	64	62
57	Xã Xuân Phú	87	4	23	31	119	64
58	Xã Nông Sơn	35	13	14	20	188	200
59	Xã Quế Phước	70	52	21	51	452	80
60	Xã Duy Nghĩa	90	10	2	30	9	87
61	Xã Nam Phước	180	78	80	80	62	511
62	Xã Duy Xuyên	85	9	3	24	93	273
63	Xã Thu Bồn	73	94	7	84	140	90
66	Xã Đại Lộc	80	60	22	41	64	70
67	Xã Hà Nha	87	4	23	31	119	93
68	Xã Thượng Đức	14	11	31	20	84	
69	Xã Vu Gia	16		21	25	57	26
70	Xã Phú Thuận			14	23		57
71	Xã Thạnh Mỹ	70	52	21	51	452	10
72	Xã Bến Giằng	90	10	2	30	9	52
73	Xã Nam Giang	61	13	32	35	207	10
74	Xã Đặc Pring	87	4	23	31	119	13
75	Xã La Dêê	67	11	23	28	84	4
76	Xã La Êê	70	52	21	51	452	11
77	Xã Sông Vàng	90	10	2	30	9	52
78	Xã Sông Kôn	70	52	21	51	452	10
79	Xã Đông Giang	90	10	2	30	9	52
80	Xã Bến Hiên	61	13	32	35	207	10
81	Xã Avuong	67	11	23	28	84	13
82	Xã Tây Giang	122	6	37	31	12	149
83	Xã Hùng Sơn	90	10	2	30	9	70
84	Xã Hiệp Đức	57		40	49		210

TT	Tên địa phương, đơn vị	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Văn phòng thường trực các cấp	Lực lượng vũ trang tham gia khi có thiên tai xảy ra			Thanh niên xung kích
				Quân sự	Công an	Dân quân	
85	Xã Việt An	15	3	3	26	100	365
86	Xã Phước Trà	41		22	21	95	
87	Xã Khâm Đức	87	4	23	31	119	90
88	Xã Phước Năng	67	11	23	28	84	70
89	Xã Phước Chánh	70	52	21	51	452	90
90	Xã Phước Thành	90	10	2	30	9	61
91	Xã Phước Hiệp	70	52	21	51	452	87
92	Xã Tam Hải	90	10	2	30	9	67
93	Xã Tân Hiệp	61	13	32	35	207	70
94	Đặc khu Hoàng Sa	3					
	Tổng cộng	6.834	2.871	2.207	4.354	15.856	11.109



Phụ lục II.

THÔNG KÊ PHƯƠNG TIỆN, DỤNG CỤ CỨU HỘ, CỨU NẠN HIỆN CÓ
(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn thành phố năm 2025)

TT	Địa phương/ Đơn vị	Tên phương tiện, dụng cụ cứu hộ, cứu nạn																			
		Tàu, thuyền	Ca nô	Ghe	Xe cứu hộ	Xe ô tô	Xe cứu thương	Máy cưa	Máy phát điện	Mặt nạ các loại	Cuộc dây cứu người	Đèn pin	Rửa	Nhà bạt	Bao cát	Bộ đàm cầm tay	Bộ đàm để bàn	Loa cầm tay	Phao bè	Phao cứu sinh	Áo phao
1	Phường Hải Châu			2		5	2	15	11			48		19		22		21		70	83
2	Phường Hòa Cường	6				14		6	3			35		15		5		10	2	105	100
3	Phường Thanh Khê	5	3	2		24		50	10			255		35		2		34	15	873	966
4	Phường An Khê							6	3			40		7					3	95	50
5	Phường An Hải	5		7				10	7			54		4		2				40	112
6	Phường Sơn Trà	174	1				1	9	3			60		4						190	190
7	Phường Ngũ Hành Sơn		7	6			2	19				42		3						130	150
8	Phường Hòa Khánh		1	10				12	12			160		17		4		18	7	1.015	1.070
9	Phường Hải Vân	5	2	20				8	5			155		2		8		25	1	404	400
10	Phường Liên Chiểu			16				3	4			30		2				19	7	214	130
11	Phường Cẩm Lệ	2							5			23				5			6	134	160
12	Phường Hòa Xuân			16				10	8										6	340	460
13	Phường Tam Kỳ					8	3	66	15		200	259	560	3	3.224	5	1	6		30	86
14	Phường Quảng Phú	72	16	176	20	41	3	40	68			400	100	30				96	3	540	810
15	Phường Hương Trà	16						3	6		1.000	420		8				80		320	322
16	Phường Bàn Thạch					34			3												170
17	Phường Điện Bàn		3	64				25	17		201	115	74	17				25	7	1.066	500
18	Phường Điện Bàn Đông	-	1	3	3	13	2	24	15	2		211	59	8	1.600	6		27	7	154	260
19	Phường An Thắng	2	35	4	4	88	2	28	35	68	23	223	118	17	2.600	195	18	10	37	1.433	1.542
20	Phường Điện Bàn Bắc		22			6	1	5	2					34					7	200	500
64	Xã Điện Bàn Tây	2	6	127	0	107		56	64	15	413	681	141	33	2.520	42	6	216	9	1.186	1.556
65	Xã Gò Nổi		0	20		15		3	1		1		3	1	100			3		100	100
21	Phường Hội An	17	4		56		5	21	25					2				88		730	520
22	Phường Hội An Đông		2	2		6	3	5	2			120	120	2	200			12		150	177
23	Phường Hội An Tây	25	6	40	4	20	4	9	40			100	20	11	20.000	59	16	17	2	1.000	1.200
24	Xã Hòa Vang		2	2		51	2	10	31					9	10.600	2		23	2	580	580
25	Xã Hòa Tiến	1																			299
26	Xã Bà Nà	6	2					10	12	5	1	159	84	11	350	12	2	30	7	415	420
27	Xã Núi Thành		6		5	2		5	2					24				7		221	1.050
28	Xã Tam Mỹ	0	2	12		1	2	28	15		550	130	65	10	880	0		51	2	385	633
29	Xã Tam Anh	1					2														100
30	Xã Đức Phú		1	2	0	15	2	10	15			35		10	1.500	1		6	2	45	150
31	Xã Tam Xuân					8	3	66	15		200	259	560	3	3.224	5	1	6		30	86

TT	Địa phương/ Đơn vị	Tên phương tiện, dụng cụ cứu hộ, cứu nạn																			
		Tàu, thuyền	Ca nô	Ghe	Xe cứu hộ	Xe ô tô	Xe cứu thương	Máy cưa	Máy phát điện	Mặt nạ các loại	Cuộc dây cứu người	Đèn pin	Rửa	Nhà bạt	Bao cát	Bộ đàm cầm tay	Bộ đàm để bàn	Loa cầm tay	Phao bè	Phao cứu sinh	Áo phao
32	Xã Tây Hồ	72	16	176	20	41	3	40	68												
33	Xã Chiên Đàn	16						3	6		1.000	400	100	30				96	3	540	810
34	Xã Phú Ninh					34			3					8				80		320	322
35	Xã Lãnh Ngọc		3	64				25	17		201	115	74	17							170
36	Xã Tiên Phước	2	6	127	0	107		56	64	15	413	681	141	33	2.520	42		25	7	1.066	500
37	Xã Thanh Bình		3				2								2.520	42	6	216	9	1.186	1.556
38	Xã Sơn Cẩm Hà	17	4		56		5	21	25					2							340
39	Xã Trà Liên		2	2		6	3	5	2			120	120	2	200			88		730	520
40	Xã Trà Giáp	25	6	40	4	20	4	9	40			100	20	11	20.000	59	16	12		150	177
41	Xã Trà Tân		2	2		51	2	10	31					9	10.600	2		17	2	1.000	1.200
42	Xã Trà Đốc	1														2		23	2	580	580
43	Xã Trà My	6	2					10	12	5	1	159	84	11	350	12	2	30	7	415	420
44	Xã Nam Trà My		6		5	2		5	2					24					7	221	1.050
45	Xã Trà Tập	0	2	12		1	2	28	15		550	130	65	10	880	0			2	385	633
46	Xã Trà Vân	1					2											51			100
47	Xã Trà Linh		1	2	0	15	2	10	15			35		10	1.500	1		6	2	45	150
48	Xã Trà Leng					8	3	66	15		200	259	560	3	3.224	5	1	6		30	86
49	Xã Thăng Bình	72	16	176	20	41	3	40	68			400	100	30				96	3	540	810
50	Xã Thăng An	16						3	6		1.000	420		8				80		320	322
51	Xã Thăng Trường					34			3												170
52	Xã Thăng Điện		3	64				25	17		201	115	74	17							170
53	Xã Thăng Phú	-	1	3	3	13	2	24	15	2		211	59	8	1.600	6		25	7	1.066	500
54	Xã Đồng Dương	2	35	4	4	88	2	28	35	68	23	223	118	17	2.600	195	18	27	7	154	260
55	Xã Quế Sơn Trung		22			6	1	5	2					17	2.600	195	18	10	37	1.433	1.542
56	Xã Quế Sơn	2	6	127	0	107		56	64	15	413	681	141	33	2.520				7	200	500
57	Xã Xuân Phú		3				2						141	33	2.520	42	6	216	9	1.186	1.556
58	Xã Nông Sơn	1	1	3		10	1	1	1			10	10	6		7					340
59	Xã Quế Phước		2	2		6	3	5	2			120	120	2	200				6	100	350
60	Xã Duy Nghĩa	5		40	2	6	1	3	2			150	20		20.000	1		12		150	177
61	Xã Nam Phước			14	56	45	5	5	31					2		5		3	2	60	100
62	Xã Duy Xuyên	1		5		50	1	15	6		150	15	30		7.200			88	2	20	150
63	Xã Thu Bồn	6	2					10	12	5	1	159	84	11	350	12	2	5		86	35
66	Xã Đại Lộc		6		5	2		5	2									30	7	415	420
67	Xã Hà Nha	0	2	12		1	2	28	15		550	130	65	10	880	0			7	221	1.050
68	Xã Thượng Đức	1					2											51	2	385	633
69	Xã Vu Gia		1	2	0	15	2	10	15												100
70	Xã Phú Thuận					8	3	66	15			35		10	1.500	1		6	2	45	150
71	Xã Thanh Mỹ	72	16	176	20	41	3	40	68		200	259	560	3	3.224	5	1	6		30	86
72	Xã Bến Giằng	16						3	6		1.000	400	100	30				96	3	540	810
73	Xã Nam Giang	2	6	127	0	107		56	64	15	413	681	141	33	2.520	42	6	216	9	1.186	1.556

TT	Địa phương/ Đơn vị	Tên phương tiện, dụng cụ cứu hộ, cứu nạn																			
		Tàu, thuyền	Ca nô	Ghe	Xe cứu hộ	Xe ô tô	Xe cứu thương	Máy cưa	Máy phát điện	Mặt nạ các loại	Cuộc dây cứu người	Đèn pin	Rựa	Nhà bạt	Bao cát	Bộ đàm cầm tay	Bộ đàm để bàn	Loa cầm tay	Phao bè	Phao cứu sinh	Áo phao
74	Xã Đắc Pring		3				2														
75	Xã La Dêê	17	4		56		5	21	25												340
76	Xã La Êê		2	2		6	3	5	2				2					88		730	520
77	Xã Sông Vàng	25	6	40	4	20	4	9	40			120	120	2	200			12		150	177
78	Xã Sông Kôn		2	2		51	2	10	31			100	20	11	20.000	59	16	17	2	1.000	1.200
79	Xã Đông Giang	1												9	10.600	2		23	2	580	580
80	Xã Bến Hiên	6	2					10	12	5	1	159	84	11	350	12	2				299
81	Xã Avương		6		5	2		5	2					24				30	7	415	420
82	Xã Tây Giang				10	4	3	28	9		350	186	260	3	1.704	5	1		7	221	1.050
83	Xã Hùng Sơn	1					2									5	1	8		50	50
84	Xã Hiệp Đức		1	2	0	15	2	10	15												100
85	Xã Việt An					8	3	66	15		200	259	560	3	3.224	5	1	6	2	45	150
86	Xã Phước Trà	72	16	176	20	41	3	40	68			400	100	30				96	3	540	810
87	Xã Khâm Đức	16						3	6		1.000	420		8				80		320	322
88	Xã Phước Năng					34			3												170
89	Xã Phước Chánh		3	64				25	17		201	115	74	17							500
90	Xã Phước Thành	-	1	3	3	13	2	24	15	2		211	59	8	1.600	6		25	7	1.066	260
91	Xã Phước Hiệp	2	35	4	4	88	2	28	35	68	23	223	118	17	2.600	195	18	10	37	1.433	1.542
92	Xã Tam Hải		22			6	1	5	2					34							500
93	Xã Tân Hiệp	2	35	4	4	88	2	28	35	68	23	223	118	17	2.600	195	18		7	200	500
94	Đặc khu Hoàng Sa																				
	Tổng cộng	817	435	2.008	393	1.699	136	1.595	1.550	358	10.703	13.313	6.203	1.003	173.044	1.292	158	2.958	408	35.687	46.402

Phụ lục III.
KẾ HOẠCH DỰ TRÙ LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2025
(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn thành phố năm 2025)

STT	Đơn vị dự trữ (theo Báo cáo của Sở Công thương tại văn bản số 939/SCT-TLTM ngày 26/8/2025)	Mặt hàng lương thực, thực phẩm					Nhiên liệu		
		Mỹ ăn liền	Lương khô	Gạo	Nước uống đóng chai	Các mặt hàng khác	Xăng	diezen	dầu hỏa
I	CÁC DOANH NGHIỆP PHÂN PHỐI CUNG ỨNG HÀNG HÓA THIẾT YẾU	<i>thùng</i>	<i>thùng</i>	<i>tấn</i>	<i>thùng</i>	<i>tấn</i>	<i>lít</i>	<i>lít</i>	<i>lít</i>
1	Chuỗi Siêu thị Winmart+	14.375		39,62	6.365	8,6			
2	Siêu thị GO! Đà Nẵng	7.250	368	4	1.875	102,5			
3	Siêu thị LOTTEMart Đà Nẵng	5.000		20	3.000			4.000	
4	Siêu thị Co.opMart Đà Nẵng	50.000	2.000	15	20.000	50			
5	Siêu thị CoopMart Sơn Trà	3.000	1.000	15	1.000	17			
6	Siêu thị MM Mega Market	10.000		15	2.000	200		435	
7	Siêu thị Coopmart Tam Kỳ	15.000	20	500	2.000	100			
8	Siêu thị Bách Hoá Xanh Tam Kỳ	5.000	50	300	1.000	100			
9	Đại lý Gạo Phương Nam			50					
10	Công ty TNHH Thái Đông Hưng	15.000	4.000		6.000	200			
11	Cơ sở Trứng gà Tuyệt Vinh					5			
12	Công ty Ba Đức			50					
13	Công ty Gạo Đạo			1.000					
14	Công ty TNHH TM Cát Thiên Lộc	3.800	20			20			
15	Vissan					150			
II	CHỢ TRUYỀN THỐNG								
1	Chợ thuộc quản lý của Sở Công Thương	2.970	172	7,6	920	139			
2	Chợ thuộc do doanh nghiệp quản lý	500	202	15,5	250	17			
3	Chợ thuộc xã, phường quản lý	15.280	2.093	248,8	6.080	256,4			
III	DOANH NGHIỆP KINH DOANH XĂNG DẦU								
1	Công ty Xăng dầu KV5						1.280.000	1.280.000	
2	Công ty Xăng dầu Quân đội Khu vực 2						4.300.000	8.000.000	
3	Công ty TNHH Tấn Thanh Toàn						12.000	4.000	
4	Công ty TNHH TM&DVTH Xăng dầu Hòa Khánh						675.167	757.572	
IV	CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU								
1	Phường An Khê	6.545	2.882	165	6.730	231,6			
2	Phường Hải Châu	1.999	9.700	15	7.900	429			
3	Phường Hòa Xuân	3.000	3.000	35	3.000	18			
4	Phường Thanh Khê	19.565	8.159	191,7	14.400	133,7			
5	Phường Liên Chiểu	185.870	4.688	175	8.150	27			
6	Phường Tam Kỳ	2.000		20	2.000	5			
7	Phường Quảng Phú	1.000		20	2.000	5			
8	Phường Hương Trà	1.000		20	2.000	5			
9	Phường Bàn Thạch	1.000	500	20	1.000	5			
10	Phường Điện Bàn	1.000		10	1.000	5			
11	Phường Điện Bàn Đông	1.000		10	1.000	5			
12	Phường An Thắng	1.000		20	1.000	5			
13	Phường Điện Bàn Bắc	100		1	100	5			
14	Phường Hội An	1.000		20	1.000	5			
15	Phường Hội An Đông	1.000		20	1.000	5			

STT	Đơn vị dự trữ (theo Báo cáo của Sở Công thương tại văn bản số 939/SCT-TLTM ngày 26/8/2025)	Mặt hàng lương thực, thực phẩm					Nhiên liệu		
		Mỳ ăn liền	Lương khô	Gạo	Nước uống đóng chai	Các mặt hàng khác	Xăng	diezen	dầu hỏa
16	Phường Hội An Tây	1.000		20	1.000	5			
17	Xã Núi Thành	1.000		20	1.000	5			
18	Xã Tam Mỹ	1.000		20	1.000	5			
19	Xã Tam Anh	1.000		20	1.000	5			
20	Xã Đức Phú	1.000		20	1.000	5			
21	Xã Tam Xuân	1.000		20	1.000	5			
22	Xã Tây Hồ	1.000		20	1.000	5			
23	Xã Chiên Đàn	280		90	80				
24	Xã Phú Ninh	1.000		20	1.000	5			
25	Xã Lãnh Ngọc	1.380		140	1.610	107			
26	Xã Tiên Phước	1.000		20	1.000				
27	Xã Thạnh Bình	1.000		20	1.000				
28	Xã Sơn Cẩm Hà	150		1	10	2			

Phụ lục IV.
CÁC KHU NEO ĐẬU TÀU THUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh năm 2025)

TT	Tên khu neo đậu	Khả năng neo đậu		Địa điểm
		<90 Cv	>90 Cv	
1	Ấu thuyền Cù Lao Chàm	200		Cù Lao Chàm
2	Ấu thuyền Hồng Triều	200-300		Xã Duy Nghĩa, Duy Xuyên
3	Ấu thuyền An Hòa	100-300		Xã Tam Quang, Núi Thành
4	Thôn Thanh Nhứt, thôn Thanh Tam, thôn Vồng Nhị	300		Xã Cẩm Thanh, Hội An
5	Vịnh Châu - Thanh Hà	200		Thanh Hà, Hội An
6	Thôn An Lương 2, Duy Hải; Thôn Trà Đông, Duy Vinh; dọc sông Cỏ Cò phường Cẩm An, Cửa Đại; thôn Vạn Lãng, Cẩm Thanh; Thanh Nam, Cẩm Nam; khu vực cồn 3 xã Cẩm Châu, Cẩm Thanh, Cẩm Nam; An Hội, Minh An; Đông Hà, Cẩm Kim	1100		
7	Thôn 2 Tam Hải Cảng cá Tam Giang	200-300		
8	Thôn 1, thôn 7, Tam Tiến Thôn 5, thôn 7, Tam Hòa	300		
9	Thôn Tân An, Hà Bình, Bình Tịnh xã Bình Minh Thôn 6, thôn Duy Hà xã Bình Dương Thôn Đông Tri, Bình Hải Thôn Vĩnh Giang, Phương Tân, Bình Nam	tháo máy, kéo phươg tiện lên với phươg tiện có công suất 15 Cv		
10	Thôn Tân Phú, Tam Phú	50		
11	Ấu thuyền Thọ Quang (B1)	950		
12	Khu vực hậu phươg cảng phươg Thọ Quang và khu vực Cồn Mân Quang) (B2)	700		
13	Khu vực Hói Kiểng	100 (≤ 15m)		
14	Tàu được kéo lên bờ và ở trên triển đà sửa chữa	300		
15	Tại khu vực nam Bán đảo Sơn Trà	300 (trong đó: 200 chiếc tàu cá có chiều dài dưới 12m trở xuống và có khoảng 100 tàu cá nằm trên các triển đà đang sửa chữa		

Phụ lục V.

DI DỜI, SƠ TÁN DÂN ỨNG PHÓ VỚI GIÓ, NƯỚC BIÊN DÂNG DO BÃO MẠNH, SIÊU BÃO

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn thành phố năm 2025)

TT	Tên xã, phường	BÃO MẠNH					SIÊU BÃO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
1	Phường Hải Châu	350	64	414	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	842	900	1.742	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
2	Phường Hòa Cường	233	783	1.016	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	1.492	594	2.086	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
3	Phường Thanh Khê	1.502	248	1.750	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	3.246	1.721	4.967	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
4	Phường An Khê	762	664	1.426	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	1.253	1.745	2.998	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
5	Phường An Hải	437	0	437	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	846	844	1.690	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
6	Phường Sơn Trà	1.191	100	1.291	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	2.279	809	3.088	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
7	Phường Ngũ Hành Sơn	3.281	1.126	4.407	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	988	7.408	8.396	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
8	Phường Hòa Khánh	2.591	2.794	5.385	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	6.179	3.635	9.814	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
9	Phường Hải Vân	2.304	1.014	3.318	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	4.876	7.725	12.601	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
10	Phường Liên Chiểu	1.212	491	1.703	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	4.637	4.625	9.262	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
11	Phường Cẩm Lệ	996	795	1.791	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	777	1.405	2.182	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
12	Phường Hòa Xuân	473	188	661	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	2.147	539	2.686	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
13	Xã Hòa Vang	815	398	1.213	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	2.572	800	3.372	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
14	Xã Hòa Tiến	610	112	722	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	1.997	222	2.219	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
15	Xã Bà Nà	1.627	260	1.887	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ	2.941	1.160	4.101	Trường học, các nhà thờ; chùa; nhà văn hóa; nhà sinh hoạt cộng đồng; các công trình kiên cố tập trung tại địa phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
16	Đặc khu Hoàng Sa	0	0	0			0	0	0		
17	Phường Điện Bàn	520	0	520	0	0	1.459	102	1.567		

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Điện Minh	215	0	215		Ôtô, xe máy, đi bộ	251	0	251		Ôtô, xe máy, đi bộ
	Vĩnh Điện	111	0	111		Ôtô, xe máy, đi bộ	155	0	155		Ôtô, xe máy, đi bộ
	Điện Phương	194	0	194		Ôtô, xe máy, đi bộ	1.053	102	1.161	Trường THCS Nguyễn Du, Trường TH Nguyễn Văn Cừ, Trường TH Phạm Phú Thứ, Trường Mẫu giáo Điện Phương	Ôtô, xe máy, đi bộ
18	Phường An Thắng	277	0	277	0	0	166	152	318		
	Điện An	87	0	87		Ôtô, xe máy, đi bộ	49	39	88	Trường Mẫu Giáo Điện An, Trường Tiểu học Phan Thành Tài, Trường THCS Phan Châu Trinh, Trạm Y tế phường Điện An, Trường Tiểu học Phan Bội	Ôtô, xe máy, đi bộ
	Điện Thắng Nam	113	0	113		Ôtô, xe máy, đi bộ	0	113	113	Trường Nguyễn Trãi, Thu Bồn và Trường Mẫu Giáo; Trụ sở UBND xã, nhà Văn hoá	Ôtô, xe máy, đi bộ
	Điện Thắng Trung	77	0	77		Ôtô, xe máy, đi bộ	117	0	117		Ôtô, xe máy, đi bộ
19	Phường Điện Bàn Tây	399	9.083	445	0	0	288	627	915		
	Điện Phước	113	20	133	Nhà đa năng	Ôtô, xe máy, đi bộ	139	20	159	Nhà đa năng	Ôtô, xe máy, đi bộ
	Điện Thọ	149	9.037	149		Ôtô, xe máy, đi bộ	149	0	149		Ôtô, xe máy, đi bộ
	Điện Hồng	137	26	163	Trường MG Điện Hồng	Ôtô, xe máy, đi bộ	0	607	607	Trường TH Cao Bá Quát, Trụ sở UBND xã, Trường MG Điện Hồng, Trường TH Huỳnh Thúc Kháng	Ôtô, xe máy, đi bộ
20	Phường Điện Bàn Bắc	1.039	0	1.039	0	0	1.469	448	1.917		
	Điện Tiến	112	0	112		Ôtô, xe máy, đi bộ	0	173	173	Trường TH Hoàng Văn Thụ, Chùa Phước Châu, Trường MG cơ sở 2, UBND xã, Trường THCS Lê Văn Tám, Trường MG cơ sở 1, Trường TH Hoàng Văn Thụ cơ sở 2	Ôtô, xe máy, đi bộ
	Điện Hòa	600	0	600		Ôtô, xe máy, đi bộ	1.077	0	1.077		Ôtô, xe máy, đi bộ
	Điện Thắng Bắc	327	0	327		Ôtô, xe máy, đi bộ	392	275	667	Nhà văn hoá thôn, Trường Nguyễn Huệ, Trường Lê Trí Viễn	Ôtô, xe máy, đi bộ
21	Phường Điện Bàn Đông	1.971	786	2.837	0	0	5.576	2.410	8.126		

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Điện Ngọc	620	0	620		Ôtô, xe máy, đi bộ	780	900	1.680	Phân viện học viện hành chính quốc gia khu vực miền trung, Trường TH Lê Hồng Phong, Trường TH Phạm Như Xương, Trung tâm PTQĐ, Công ty CP LĐS XK Quảng Nam	Ôtô, xe máy, đi bộ
	Điện Dương	449	0	449		Ôtô, xe máy, đi bộ	2.992	0	2.992		Ôtô, xe máy, đi bộ
	Điện Nam Bắc	450	180	710	Nhà Văn hoá, Nhà truyền thống khối; Trường TH Phan Ngọc Nhân	Ôtô, xe máy, đi bộ	650	400	1.190	Nhà văn hoá khối phố; Trường TH Phan Ngọc Nhân	Ôtô, xe máy, đi bộ
	Điện Nam Trung	67	0	67		Ôtô, xe máy, đi bộ	73	24	97	Nhà Đa năng	Ôtô, xe máy, đi bộ
	Điện Nam Đông	385	606	991	UBND phường, THCS Đinh Châu, Trường TH Hồ Xuân Hương, Trường Cao đẳng nghề Bắc Quảng Nam	Ôtô, xe máy, đi bộ	1.081	1.086	2.167	UBND phường, THCS Đinh Châu, Trường TH Hồ Xuân Hương, Trường Cao đẳng nghề Bắc Quảng Nam	Ôtô, xe máy, đi bộ
22	Xã Gò Nổi	147	156	160	Trụ sở UBND xã, các trường, nhà văn hóa thôn	Ôtô, xe máy, đi bộ	709	655	1.364	Trụ sở UBND xã, các trường, Trung tâm văn hóa xã, các nhag văn hóa thôn	Ôtô, xe máy, đi bộ
23	Phường Hội An	0	1.988	1.988	0	0	0	4.007	4.007		
	Xã Cẩm Kim		737	737	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã	Xe máy, đi bộ		1.323	1.323	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND phường	Xe máy, đi bộ
	Phường Cẩm Nam		781	781	Trường THCS; Trụ sở UBND phường; Các nhà cao tầng, nhà kiên cố tại phường	Xe máy, ô tô		1.540	1.540	Trường THCS; Trụ sở UBND phường; Các nhà cao tầng, nhà kiên cố tại phường	Xe máy, ô tô
	Phường Cẩm Phô		470	470	Trường Tiểu học, Trung học; Nhà kiên cố tại xã	Xe máy, ô tô		1.144	1.144	Trường Tiểu học, Trung học; Nhà kiên cố tại xã	Xe máy, ô tô
24	Phường Hội An Đông	0	6.062	6.062	0	0	0	7.969	7.969		
	Xã Cẩm Thanh		2.540	2.540	Các địa điểm sơ tán tập trung của thành phố (trường THPT, THCS)	Xe máy, ô tô		3.025	3.025	Các địa điểm sơ tán tập trung của thành phố (trường THPT, THCS)	Xe máy, ô tô
	Phường Cửa Đại		2.718	2.718	Nhà kiên cố; Các nhà cao tầng; Trụ sở các cơ quan ban ngành của phường	Đi bộ, xe máy		3.146	3.146	Các địa điểm sơ tán tập trung của thành phố (trường THPT, THCS)	Đi bộ, xe máy
	Phường Cẩm Châu		804	804	Trường THCS, Tiểu học và nhà cao tầng	Xe máy, ô tô		1.798	1.798	Trường THCS, Tiểu học và nhà cao tầng	Xe máy, ô tô
25	Xã Tân Hiệp	0	324	324	0	0	0	681	681		
	Xã Tân Hiệp		324	324	Đồn Biên phòng, trụ sở UBND xã, trạm xá Quân dân y, Tiểu đoàn 70	Đi bộ, xe máy		681	681	Đồn Biên phòng, trụ sở UBND xã, trạm xá Quân dân y, Tiểu đoàn 70	Đi bộ, xe máy
26	Phường Hội An Tây	0	2.431	2.431	0	0	0	3.851	3.851		

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Phường Thanh Hà		1.180	1.180	Nhà kiên cố, cao tầng, trụ sở UBND, trường THCS	Đi bộ, xe máy, ô tô		2.211	2.211	Nhà kiên cố, cao tầng, trụ sở UBND, trường THCS	Đi bộ, xe máy, ô tô
	Phường Cẩm An		1.251	1.251	Nhà kiên cố, nhà cao tầng, các điểm sơ tán tập trung của thành phố	Đi bộ, xe máy, ô tô		1.640	1.640	Các địa điểm sơ tán tập trung của thành phố (trường THPT, THCS)	Xe máy, ô tô
27	Xã Duy Xuyên	242	0	242	0	0	242	0	242		
	Xã Duy Trinh	50		50	Nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ	50		50	Nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
	Xã Duy Sơn	55		55	Nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ	55		55	Nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
	Xã Duy Trung	137		137	Nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ	137		137	Nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
28	Xã Duy Nghĩa	261	269	530	0	0	569	819	1.388		
	Xã Duy Hải	47	120	167	Trường THCS tại Thuận Trị; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ	47	479	526	Trường THCS tại Thuận Trị; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
	Xã Duy Nghĩa	171	99	270	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ	435	280	715	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
	Xã Duy Thành	43	50	93	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ	87	60	147	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
29	Xã Nam Phước	2.676	1.500	4.176	0	0	17.481	13.700	31.181		
	Xã Duy Vinh	1.019	1.200	2.219	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã	xe tải, thuyền, xe máy	6.474	2.100	8.574	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã	xe tải, thuyền, xe máy
	Xã Duy Phước	925	300	1.225	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ	6.463	1.100	7.563	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
	TT. Nam Phước	732	0	732	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà cao tầng; Trụ sở UBND xã; Các cơ quan ban ngành	Ô tô, xe máy, đi bộ	4.544	10.500	15.044	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà cao tầng; Trụ sở UBND xã; Các cơ quan ban ngành	Ô tô, xe máy, đi bộ
30	Xã Thu Bồn	1.633	1.400	3.033	0	0	7.914	7.847	15.761		
	Xã Duy Hoà	158	0	158	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	400	397	797	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ
	Xã Duy Phú	687	500	1.187	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	1.550	2.200	3.750	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ
	Xã Duy Châu	151	0	151	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	xe tải, xe máy, đi bộ	910	1.900	2.810	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	xe tải, xe máy, đi bộ
	Xã Duy Tân	303	100	403	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	xe tải, xe máy, đi bộ	1.532	1.600	3.132	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	xe tải, xe máy, đi bộ
	Xã Duy Thu	334	800	1.134	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	3.522	1.750	5.272	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
31	Xã Đại Lộc	1.568	691	2.259	0	0	1.568	691	2.259		
	TT Ái Nghĩa		86	86	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy		86	86	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
	Xã Đại Hòa		102	102	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy		102	102	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
	Xã Đại An	448		448	UBND xã, THCS Mỹ Hòa, trường mầm non, trường Nguyễn Công Sáu, hội trường thôn, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy	448		448	UBND xã, THCS Mỹ Hòa, trường mầm non, trường Nguyễn Công Sáu, hội trường thôn, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
	Xã Đại Hiệp	1.120	162	1.282	UBND xã, THCS Trần Phú, chùa Bửu Hiệp, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy	1.120	162	1.282	UBND xã, THCS Trần Phú, chùa Bửu Hiệp, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
	Xã Đại Nghĩa		341	341	UBND xã, trường THCS Trần Hưng Đạo, trung tâm y tế, chi cục Thuế, trạm thủy nông, trường mẫu giáo, trường Đoàn Nghiễn, hội trường thôn, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy		341	341	UBND xã, trường THCS Trần Hưng Đạo, trung tâm y tế, chi cục Thuế, trạm thủy nông, trường mẫu giáo, trường Đoàn Nghiễn, hội trường thôn, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
32	Xã Hà Nha	882	1.269	2.151	0	0	541	1.962	2.503		
	Xã Đại Hồng	208	278	486	Nhà kiên cố, nhà văn hóa thôn Hòa Hữu Tây, chùa Đông Phước, Trường Phù Đồng, chùa Hòa Hữu, Chùa Hồng Đức	Đi bộ, xe bò, xe máy		971	971	Nhà kiên cố, nhà văn hóa thôn Hòa Hữu Tây, chùa Đông Phước, Trường Phù Đồng, chùa Hòa Hữu, Chùa Hồng Đức	Đi bộ, xe bò, xe máy
	Xã Đại Quang	541	838	1.379	Trường tiểu học Trịnh Thị Liên, Trần Tổng, THCS Nguyễn Du, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy	541	838	1.379	Trường tiểu học Trịnh Thị Liên, Trần Tổng, THCS Nguyễn Du, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
	Xã Đại Đồng	133	153	286	Trường Chu Văn An, Hồ Phước Hậu, Kim Đồng, trụ sở UBND, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy		153	153	Trường Chu Văn An, Hồ Phước Hậu, Kim Đồng, trụ sở UBND, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
33	Xã Vu Gia	1.273	1.080	2.353	0	0	1.472	980	2.452		
	Xã Đại Cường	173		173	Các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy	173		173	Các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
	Xã Đại Phong		100	100	UBND xã, trường tiểu học Trần Đình Tri, trạm y tế, chùa Tam Phước, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy	199		199	UBND xã, trường tiểu học Trần Đình Tri, trạm y tế, chùa Tam Phước, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
	Xã Đại Minh	1.100	980	2.080	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy	1.100	980	2.080	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
34	Xã Thượng Đức	1.203	261	1.464	0	0	1.203	261	1.464		
	Xã Đại Lãnh	467		467	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy	467		467	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
	Xã Đại Hưng	736		736	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy	736		736	Nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
	Xã Đại Sơn		261	261	Trường Tiểu học Lê Phong, trạm y tế, trường mẫu giáo, các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy		261	261	Trường Tiểu học Lê Phong, trạm y tế, trường mẫu giáo, các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
35	Xã Phú Thuận	659	645	1.304	0	0	659	645	1.304		

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Xã Đại Thắng	61	180	241	Trường Đoàn Quý Phi, trường mầm non, khu văn hóa, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy	61	180	241	Trường Đoàn Quý Phi, trường mầm non, khu văn hóa, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
	Xã Đại Tân	268		268	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy	268		268	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
	Xã Đại Thạnh	330	214	544	Hội trường thôn, các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy	330	214	544	Hội trường thôn, các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
	Xã Đại Chánh		251	251	UBND xã, trường THCS Lê Lợi, tiểu học Lê Dật	Đi bộ, xe bò, xe máy		251	251	UBND xã, trường THCS Lê Lợi, tiểu học Lê Dật	Đi bộ, xe bò, xe máy
36	Xã Xuân Phú	5.500	1.100	6.600	0	0	5.500	9.683	9.683		
	Xã Quế Xuân 1	956	191	1.147	Nhà sinh hoạt ND thôn, các nhà dân cao tầng, UBND xã, TT VH TT xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học.	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy	956	2.867	2.867	Nhà sinh hoạt ND thôn, các nhà dân cao tầng, UBND xã, TT VH TT xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học.	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy
	Xã Quế Xuân 2	1.112	222	1.334	Nhà tránh lũ xã Quế Xuân 2, các nhà dân cao tầng, UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học.	Xe khách, xe tải, ô tô	1.112	1.668	1.668	Nhà tránh lũ xã Quế Xuân 2, các nhà dân cao tầng, UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học.	Xe khách, xe tải, ô tô
	Xã Quế Phú	1.896	379	2.275	Nhà tránh lũ xã Quế Phú, các nhà dân cao tầng, UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học.	Đi bộ, xe máy, xe tải	1.896	2.844	2.844	Nhà tránh lũ xã Quế Phú, các nhà dân cao tầng, UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học.	Đi bộ, xe máy, xe tải
	TT Hương An	1.536	307	1.843	Trụ sở UBND thị trấn, Trung tâm VH TT, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế, Nhà văn hóa TDP. Nhà dân kiên cố	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ	1.536	2.304	2.304	Trụ sở UBND thị trấn, Trung tâm VH TT, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế, Nhà văn hóa TDP. Nhà dân kiên cố	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ
37	Xã Quế Sơn Trung	5.194	1.039	6.233	0	0	5.194	7.791	7.791		
	Xã Quế Mỹ	1.941	388	2.329	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ	1.941	2.911	2.911	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ
	Xã Quế Thuận	1.250	250	1.500	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe máy, xe tải, đi bộ	1.250	1.874	1.874	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe máy, xe tải, đi bộ
	Xã Quế Hiệp	793	159	951	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe máy, xe tải, đi bộ	793	1.189	1.189	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe máy, xe tải, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Xã Quế Châu	1.211	242	1.453	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe máy, xe tải	1.211	1.817	1.817	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe máy, xe tải
38	Xã Quế Sơn	5.189	1.038	6.227	0	0	5.189	7.784	7.784		
	Xã Quế Long	932	186	1.119	Các NVH thôn Xuân Quê, Lành An, Lộc thượng, trung Thượng, Trụ sở UBND xã, TTVH xã, trường TH, THCS, MG và sơ tán xen ghép trong dân cư	Xe máy, xe ô tô	932	1.399	1.399	Các NVH thôn Xuân Quê, Lành An, Lộc thượng, trung Thượng, Trụ sở UBND xã, TTVH xã, trường TH, THCS, MG và sơ tán xen ghép trong dân cư	Xe máy, xe ô tô
	Xã Quế An	881	176	1.057	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, THCS, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe máy, xe tải	881	1.322	1.322	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, THCS, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe máy, xe tải
	Xã Quế Minh	810	162	972	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe máy, xe tải	810	1.215	1.215	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe máy, xe tải
	Xã Quế Phong	981	196	1.177	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe máy, xe tải	981	1.472	1.472	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa thôn.	Xe máy, xe tải
	TT Đông phú	1.585	317	1.902	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa TDP.	Xe máy, xe tải	1.585	2.377	2.377	UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trường mẫu giáo, Trường Tiểu học, Trạm y tế xã, Nhà văn hóa TDP.	Xe máy, xe tải
39	Xã Nông Sơn	6030	4050	10080	Các trường học trên địa bàn xã; Trụ sở UBND các xã Sơn Viên; Quê Lộc, TT Trung Phước cũ; Các Nhà kiên cố	xe Ô tô, xe tải	6530	4820	11350	Các trường học trên địa bàn xã; Trụ sở UBND các xã Sơn Viên; Quê Lộc, TT Trung Phước cũ; các Nhà kiên cố	Xe Ô tô, xe tải
40	Xã Sơn Viên	4.152	1.900	6.052	0	0	2.200	4.062	6.262		
	Xã Quế Lâm	850	380	1.230	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Đi bộ, xe máy, xe tải	1.100	520	1.620	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Đi bộ, xe máy, xe tải
	Xã Phước Ninh	1.982	1.040	3.022	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải		3.022	3.022	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải
	Xã Ninh Phước	1.320	480	1.800	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải	1.100	520	1.620	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải
41	Xã Thăng An	0	1.301	1.301	0	0	8.062	3.326	11.388		
	Xã Bình Minh		402	402	Trường THPT Tiểu La - Hà Lam; Các nhà kiên cố; Trụ sở UBND xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy	2.929	749	3.678	Trường THPT Tiểu La - Hà Lam; Các nhà kiên cố; Trụ sở UBND xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Xã Bình Dương		46	46	Trường Tiểu học Kim Đồng - Hà Lam; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy	1.625	387	2.012	Trường Tiểu học Kim Đồng - Hà Lam; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy
	Xã Bình Đào		276	276	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải, đi bộ	1.886	645	2.531	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải, đi bộ
	Xã Bình Triều		375	375	Trường PTTH Tiểu La	Xe máy, xe ô tô	1.022	841	1.863	Trường PTTH Tiểu La	Xe máy, xe ô tô
	Xã Bình Giang		202	202	Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải	600	704	1.304	Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải
42	Xã Thăng Trường	0	1.347	1.347	0	0	3.095	2.202	5.297		
	Xã Bình Hải		503	503	Trường THCS Thái Phiên, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Đi bộ, xe máy, xe tải	1.148	769	1.917	Trường THCS Thái Phiên, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Đi bộ, xe máy, xe tải
	Xã Bình Sa		214	214	Trường THCS Bình Trúc 1; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ	678	258	936	Trường THCS Bình Trúc 1; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ
	Xã Bình Nam		630	630	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải	1.269	1.175	2.444	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải
43	Xã Thăng Điền	0	393	393	0	0	3.888	2.196	6.084		
	Xã Bình An		68	68	Trường PTTH Tiểu La	Xe máy, xe ô tô	2.301	693	2.994	Trường PTTH Tiểu La	Xe máy, xe ô tô
	Xã Bình Tú		260	260	Trường THCS Bình Tú; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ	766	859	1.625	Trường THCS Bình Tú; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ
	Xã Bình Trung		65	65	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải	821	644	1.465	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải
44	Xã Thăng Bình	0	713	713	0	0	3.005	2.904	5.909		
	TT. Hà Lam		50	50	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải	300	835	1.135	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải
	Xã Bình Phục		113	113	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải	546	557	1.103	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải
	Xã Bình Nguyên		91	91	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	489	408	897	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
	Xã Bình Quý		459	459	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	1.670	1.104	2.774	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
45	Xã Thăng Phú	0	1.715	1.715	0	0	1.389	2.441	3.830		
	Xã Bình Quế		680	680	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	631	1.013	1.644	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
	Xã Bình Phú		656	656	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	294	841	1.135	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Xã Bình Chánh		379	379	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	464	587	1.051	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
46	Xã Đồng Dương	0	3.654	3.654	0	0	1.243	4.698	5.941		
	Xã Bình Định		789	789	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	640	1.251	1.891	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
	Xã Bình Trị		2.185	2.185	Trường THCS C.Lâm; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe máy, xe tải, đi bộ	603	2.471	3.074	Trường THCS C.Lâm; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe máy, xe tải, đi bộ
	Xã Bình Lãnh		680	680	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ		976	976	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
47	Phường Quảng Phú	0	2.102	2.102	0	0	0	5.278	5.278		
	Xã Tam Thanh		530	530	Trường Quân sự tỉnh; Trường CD KTKT, ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.482	1.482	Trường Quân sự tỉnh; Trường CD KTKT, ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
	Xã Tam Phú		553	553	Trường Quân sự tỉnh; Trường CD KTKT, ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.718	1.718	Trường Quân sự tỉnh; Trường CD KTKT, ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
	Phường An Phú		1.019	1.019	Trụ sở UBND phường; Trường Quân sự tỉnh, THCS	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		2.078	2.078	Trụ sở UBND phường; Trường Quân sự tỉnh, THCS	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
48	Phường Bàn Thạch	0	2.120	2.120	0	0	0	4.764	4.764		
	Xã Tam Thăng		1.164	1.164	Trụ sở UBND xã; Trường THCS Lê Lợi, Trung cấp Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		2.063	2.063	Trụ sở UBND xã; Trường THCS Lê Lợi, Trung cấp Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
	Phường Tân Thạnh		381	381	Trụ sở UBND phường; Trường Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.276	1.276	Trụ sở UBND phường; Trường Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
	Phường Hoà Thuận		575	575	Trụ sở UBND phường; Trường Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.425	1.425	Trụ sở UBND phường; Trường Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
49	Phường Hương Trà	0	1.899	1.899	0	0	0	5.041	5.041		
4	Xã Tam Ngọc		831	831	Sư đoàn 272; Trường CD KTKT, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.619	1.619	Sư đoàn 272; Trường CD KTKT, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
6	Phường Hoà Hương		654	654	Trường Phan Bội Châu, Trụ sở UBND phường, Trường CD KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.886	1.886	Trường Phan Bội Châu, Trụ sở UBND phường, Trường CD KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
7	Phường An Sơn		414	414	Trường Phan Bội Châu, Trụ sở UBND phường, Trường CD KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.536	1.536	Trường Phan Bội Châu, Trụ sở UBND phường, Trường CD KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
50	Phường Tam Kỳ	0	1.683	1.683	0	0	0	5.006	5.006		
	Phường An Mỹ		522	522	Trụ sở UBND phường; Trường THPT Trần Cao Vân, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.829	1.829	Trụ sở UBND phường; Trường THPT Trần Cao Vân, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Phường An Xuân		270	270	Trụ sở UBND phường; Trường THPT Lê Quý Đôn, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		912	912	Trụ sở UBND phường; Trường THPT Lê Quý Đôn, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
	Phường Phước Hoà		209	209	Trụ sở UBND phường; Trường ĐHS	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		747	747	Trụ sở UBND phường; Trường ĐHS	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
	Phường Trường Xuân		682	682	Trụ sở UBND phường; Trường THCS, CĐ KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1.518	1.518	Trụ sở UBND phường; Trường THCS, CĐ KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
51	Xã Tam Xuân	0	4.858	4.858	0	0	0	11.143	11.143		
	Xã Tam Tiến		2.048	2.048	Trường THCS, Tiểu học Tam Tiến 1,2, CĐ KTKT, Quân sự tỉnh	Xe máy, công nông, đi bộ, xe khách, ô tô		4.073	4.073	Trường THCS, Tiểu học Tam Tiến 1,2, CĐ KTKT, Quân sự tỉnh	Xe máy, công nông, đi bộ, xe khách, ô tô
	Xã Tam Xuân I		1.485	1.485	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách, xe tải		3.753	3.753	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách, xe tải
	Xã Tam Xuân II		1.325	1.325	Khu vực thôn Lý Trà xã Tam Anh Bắc; Trường Cao Bá Quát; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Xe ô tô, công nông, xe máy, đi bộ, xe khách, xe tải		3.317	3.317	Khu vực thôn Lý Trà xã Tam Anh Bắc; Trường Cao Bá Quát; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Xe ô tô, công nông, xe máy, đi bộ, xe khách, xe tải
52	Xã Tam Anh	0	2.469	2.469	0	0	0	5.803	5.803		
	Xã Tam Hoà		462	462	Trường Quân sự tỉnh, THCS Tam Hoà, Tiểu học Bình An	xe tải, xe máy, đi bộ, tàu đánh cá		978	978	Trường Quân sự tỉnh, THCS Tam Hoà, Tiểu học Bình An	xe tải, xe máy, đi bộ, tàu đánh cá
	Xã Tam Anh Bắc		1.004	1.004	Trường Cao Bá Quát; Các nhà xây kiên cố	Xe ô tô, xe máy, đi bộ, xe khách		2.154	2.154	Trường Cao Bá Quát; Các nhà xây kiên cố	Xe ô tô, xe máy, đi bộ, xe khách
	Xã Tam Anh Nam		1.003	1.003	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS Cao Bá Quát; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách, xe tải		2.671	2.671	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS Cao Bá Quát; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách, xe tải
53	Xã Đức Phú	0	2.245	2.245	0	0	0	3.338	3.338		
	Xã Tam Thạnh		947	947	UBND xã; Trường Tiểu học thôn 2; Các nhà kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ		1.404	1.404	UBND xã; Trường Tiểu học thôn 2; Các nhà kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ
	Xã Tam Sơn		1.298	1.298	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ		1.934	1.934	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ
54	Xã Tam Mỹ	0	2.271	2.271	0	0	0	5.085	5.085		
	Xã Tam Mỹ Tây		741	741	Chùa thôn 7; UBND xã; Trường Tiểu học thôn 5; Các nhà kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ, ô tô		2.010	2.010	Chùa thôn 7; UBND xã; Trường Tiểu học thôn 5; Các nhà kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ, ô tô
	Xã Tam Mỹ Đông		741	741	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách		1.900	1.900	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách
	Xã Tam Trà		789	789	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ		1.175	1.175	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
55	Xã Núi Thành	0	4.018	4.018	0	0	0	10.876	10.876		
	Xã Tam Giang		349	349	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS, THPT Núi Thành	Ô tô, xe máy, xe khách		921	921	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS, THPT Núi Thành	Ô tô, xe máy, xe khách
	Xã Tam Quang		1.271	1.271	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, xe khách		3.525	3.525	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, xe khách
	Xã Tam Hiệp		1.075	1.075	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách		2.965	2.965	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách
	Xã Tam Nghĩa		1.323	1.323	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách		3.465	3.465	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách
56	Xã Tam Hải	0	937	937	0	0	0	2.295	2.295		
	Tam Hải		937	937	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học; Đồn Biên phòng, Bộ CHQS tp; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ		2.295	2.295	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học; Đồn Biên phòng, Bộ CHQS tp; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ
57	Xã Tiên Phước	1.081	2.387	3.468	0	0	1.877	3.511	5.388		
	TT. Tiên Kỳ	462	1.025	1.487	Trường THPT Phan Châu Trinh; Huyện đội; Huyện Ủy; UBND huyện; Trường THCS Lý Tự Trọng	Xe tải và các phương tiện tự có	654	1.552	2.206	Trường THPT Phan Châu Trinh; Huyện đội; Huyện Ủy; UBND huyện; Trường THCS Lý Tự Trọng	Xe tải và các phương tiện tự có
	Xã Tiên Mỹ	265	541	806	Trường THCS Võ Thị Sáu, Tiểu học Tiên Mỹ	Xe tải và các phương tiện tự có	401	765	1.166	Trường THCS Võ Thị Sáu, Tiểu học Tiên Mỹ	Xe tải và các phương tiện tự có
	Xã Tiên Phong	248	536	784	Nhà Văn hoá xã; UBND xã; Trường THCS Lê Văn Tám, Tiểu học Tiên Phong	Xe tải và các phương tiện tự có	501	744	1.245	Nhà Văn hoá xã; UBND xã; Trường THCS Lê Văn Tám, Tiểu học Tiên Phong	Xe tải và các phương tiện tự có
	Xã Tiên Thọ	106	285	391	Nhà Văn hoá xã; UBND xã; Trường THCS Lê Ngọc Sương, Tiểu học Tiên Thọ	Xe tải và các phương tiện tự có	321	450	771	Nhà Văn hoá xã; UBND xã; Trường THCS Lê Ngọc Sương, Tiểu học Tiên Thọ	Xe tải và các phương tiện tự có
58	Xã Thạnh Bình	2.160	4.193	6.353	0	0	3.394	5.328	8.722		
	Xã Tiên An	865	1.621	2.486	UBND xã; Trường THCS Nguyễn Viết Xuân, Tiểu học Tiên An	Xe tải và các phương tiện tự có	1.145	2.034	3.179	UBND xã; Trường THCS Nguyễn Viết Xuân, Tiểu học Tiên An	Xe tải và các phương tiện tự có

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Xã Tiên Lộc	67	148	215	Trường THCS Lê Đình Chinh; Nhà sơ tán thôn 3; Trường Tiểu học Tiên Lộc	Xe tải và các phương tiện tự có	107	270	377	Trường THCS Lê Đình Chinh; Nhà sơ tán thôn 3; Trường Tiểu học Tiên Lộc	Xe tải và các phương tiện tự có
	Xã Tiên Lập	204	467	671	Trường THCS Lê Quý Đôn, Tiểu học Tiên Lộc	Xe tải và các phương tiện tự có	358	684	1.042	Trường THCS Lê Quý Đôn, Tiểu học Tiên Lộc	Xe tải và các phương tiện tự có
	Xã Tiên Cảnh	1.024	1.957	2.981	UBND xã; Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm, Tiểu học Tiên Cảnh	Xe tải và các phương tiện tự có	1.784	2.340	4.124	UBND xã; Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm, Tiểu học Tiên Cảnh	Xe tải và các phương tiện tự có
59	Xã Lành Ngọc	937	1.608	2.545	0	0	1.401	2.197	3.598		
	Xã Tiên Hiệp	268	458	726	UBND xã; Trường THCS Quang Trung, Tiểu học Tiên Hiệp	Xe tải và các phương tiện tự có	398	689	1.087	UBND xã; Trường THCS Quang Trung, Tiểu học Tiên Hiệp	Xe tải và các phương tiện tự có
	Xã Tiên Lãnh	594	976	1.570	Trường Tiểu học Tiên Lãnh	Xe tải và các phương tiện tự có	846	1.206	2.052	Trường Tiểu học Tiên Lãnh	Xe tải và các phương tiện tự có
	Xã Tiên Ngọc	75	174	249	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc, Tiểu học Tiên Ngọc	Xe tải và các phương tiện tự có	157	302	459	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc, Tiểu học Tiên Ngọc	Xe tải và các phương tiện tự có
60	Xã Sơn Cẩm Hà	1.023	1.802	2.825	0	0	1.443	2.817	4.260		
	Xã Tiên Châu	147	245	392	Trường THCS Nguyễn Trãi, Tiểu học Tiên Châu	Xe tải và các phương tiện tự có	194	360	554	Trường THCS Nguyễn Trãi, Tiểu học Tiên Châu	Xe tải và các phương tiện tự có
	Xã Tiên Sơn	164	301	465	UBND xã; Trường THCS Lê Cơ, Tiểu học Tiên Sơn	Xe tải và các phương tiện tự có	236	459	695	UBND xã; Trường THCS Lê Cơ, Tiểu học Tiên Sơn	Xe tải và các phương tiện tự có
	Xã Tiên Cẩm	98	211	309	Trường Tiểu học Tiên Cẩm	Xe tải và các phương tiện tự có	148	333	481	Trường Tiểu học Tiên Cẩm	Xe tải và các phương tiện tự có
	Xã Tiên Hà	614	1.045	1.659	Trường THCS Nguyễn Du, Tiểu học Tiên Hà	Xe tải và các phương tiện tự có	865	1.665	2.530	Trường THCS Nguyễn Du, Tiểu học Tiên Hà	Xe tải và các phương tiện tự có
61	Xã Phước Thành	335	530	865	0	0	325	560	885		
	Xã Phước Lộc	30	120	150	Trụ sở UBND thị trấn	Ô tô	20	100	120	Trụ sở UBND thị trấn	Ô tô
	Xã Phước Thành	220	310	530	Trụ sở UBND xã	Ô tô	220	310	530	Trụ sở UBND xã	Ô tô
	Xã Phước Kim	85	100	185	Trụ sở UBND xã	Ô tô	85	150	235	Trụ sở UBND xã	Ô tô
62	Xã Phước Chánh	624	573	1.197	0	0	624	648	1.272		
	Xã Phước Công	96	45	141	Trụ sở UBND xã	Ô tô	96	120	216	Trụ sở UBND xã	Ô tô
	Phước Chánh	528	528	1.056	Trụ sở UBND xã	Ô tô	528	528	1.056	Trụ sở UBND xã	Ô tô
63	Xã Phước Năng	530	573	1.103	0	0	530	873	1.403		
	Xã Phước Mỹ	265	0	265	Trụ sở UBND xã	Ô tô	265	100	365	Trụ sở UBND xã	Ô tô
	Xã Phước Năng	265	0	265	Trụ sở UBND xã	Đi bộ	265	200	465	Trụ sở UBND xã	Đi bộ
	Xã Phước Đức	0	573	573	Trụ sở UBND xã	Ô tô	0	573	573	Trụ sở UBND xã	Ô tô
64	Xã Khâm Đức	478	0	478	0	0	485	800	1.285		
	Xã Phước Xuân	215	0	215	Trụ sở UBND xã	Ô tô	215	350	565	Trụ sở UBND xã	Ô tô

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Thị trấn Khâm Đức	263	0	263	Trụ sở UBND thị và các trụ sở trường học	Ô tô	270	450	720	Trụ sở UBND xã	Ô tô
65	Xã Phước Hiệp	160	920	1.080	0	0	160	1.170	1.330		
	Xã Phước Hòa	160	0	160	Trụ sở UBND xã	Ô tô	160	250	410	Trụ sở UBND xã	Ô tô
	Xã Phước Hiệp	0	920	920	Trụ sở UBND xã	Ô tô	0	920	920	Trụ sở UBND xã	Ô tô
66	Xã Sông Vàng	623	43	666	0	0	1.247	43	1.290		
	Xã Tư	116	39	155	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	232	39	271	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
	Xã Ba	507	4	511	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	1.015	4	1.019	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
67	Xã Sông Kôn	1.083	301	1.384	0	0	2.167	301	2.468		
68	Xã Jo Ngây	391	0	391	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	782	0	782	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
	Xã Ating	292	228	520	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	585	228	813	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
	Xã Sông Kôn	400	73	473	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	800	73	873	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
78	Xã Đông Giang	1.108	301	1.409	0	0	2.219	301	2.520		
	Xã Tà Lu	163	64	227	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	327	64	391	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
69	TT Prao	479	39	518	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	959	39	998	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
	Xã Za Hung	159	82	241	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	318	82	400	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
	Xã A Rooi	307	116	423	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	615	116	731	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
70	Xã Bến Hiên	552	198	750	0	0	1.105	198	1.303		
	Xã Mã Cooih	273	13	286	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	546	13	559	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
	Xã Kà Dăng	279	185	464	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	559	185	744	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
71	Xã Việt An	1.200	2.075	3.275	0	0	1.500	2.275	3.775		
	Thăng Phước	1200	300	1500	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải, xe máy	1500	500	2000	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải, xe máy
	Quế Thọ		312	312	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		312	312	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
	Bình Lâm		840	840	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		840	840	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
	Bình Sơn		623	623	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		623	623	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
72	Xã Hiệp Đức	1.100	1.420	2.520	0	0	2.130	1.980	4.110		
	Tân Bình		750	750	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		750	750	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
	Quế Lưu	1000	550	1550	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải, xe máy	2000	1100	3100	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải, xe máy
	Hiệp Thuận		70	70	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		70	70	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
	Hiệp Hòa	100	50	150	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải, xe máy	130	60	190	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
56	Xã Phước Gia	0	673	673	0	0	0	673	673		
	Sông Trà		233	233	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		233	233	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Phước Trà		150	150	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		150	150	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
	Phước Gia		290	290	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải		290	290	Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn, Trường học	Xe tải
73	Xã Nam Trà My	420	450	870	0	0	502	550	1.052		
	Trà Mai	350	100	450	Nhà sinh hoạt CĐ PCTT	Tự túc	420	130	550	Nhà sinh hoạt CĐ PCTT	Tự túc
	Trà Don	70	350	420	Trụ sở UBND	Tự túc	82	420	502	Trụ sở UBND	Tự túc
74	Xã Trà Linh	35	490	525	0	0	57	620	677		
	Trà Nam	20	320	340	Trụ sở UBND	Tự túc	31	390	421	Trụ sở UBND	Tự túc
	Trà Linh	15	170	185	Trạm Y tế xã	Tự túc	26	230	256	Trạm Y tế xã	Tự túc
75	Xã Trà Vân	47	550	597	0	0	62	700	762		
	Trà Vân	25	300	325	Trụ sở UBND	Tự túc	33	380	413	Trụ sở UBND	Tự túc
	Trà Vinh	22	250	272	Trụ sở UBND	Tự túc	29	320	349	Trụ sở UBND	Tự túc
76	Xã Trà Tập	70	680	750	0	0	97	830	927		
	Trà Tập	50	230	280	Trụ sở UBND	Tự túc	63	290	353	Trường THCS	Tự túc
	Trà Cang	20	450	470	Trụ sở UBND	Tự túc	34	540	574	Trụ sở UBND	Tự túc
77	Xã Trà Leng	230	770	1.000	0	0	264	900	1.164		
	Trà Don	150	400	550	Trụ sở UBND	Tự túc	170	470	640	Trụ sở UBND	Tự túc
	Trà Leng	80	370	450	Trụ sở UBND	Tự túc	94	430	524	Trụ sở UBND	Tự túc
78	Xã Tây Giang	1.510	4.922	6.432	0	0					
79	Xã Hùng Sơn	174	0	174	0	0	359	108	467		
	Ch'om	50		50	Nhà sinh hoạt cộng đồng gần với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố và trường học, Trụ sở UBND xã	di chuyển bộ và xe máy	78	21	99	Nhà sinh hoạt cộng đồng gần với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố và trường học, Trụ sở UBND xã	di chuyển bộ và xe máy
	Gary	45		45	Nhà sinh hoạt cộng đồng gần với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Đồn Biên phòng	di chuyển bộ và xe máy	89	32	121	Nhà sinh hoạt cộng đồng gần với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Đồn Biên phòng	di chuyển bộ và xe máy
	Axan	42		42	Nhà sinh hoạt cộng đồng gần với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Đồn Biên phòng, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế	di chuyển bộ và xe máy	80	34	114	Nhà sinh hoạt cộng đồng gần với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Đồn Biên phòng, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế	di chuyển bộ và xe máy
	Tr'hy	37		37	Nhà sinh hoạt cộng đồng gần với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế	di chuyển bộ và xe máy	112	21	133	Nhà sinh hoạt cộng đồng gần với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế	di chuyển bộ và xe máy
80	Xã A Vương	139	0	139	0	0	211	55	266		

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Bhalêê	64		64	Nhà sinh hoạt cộng đồng gần với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế, Hạt quản lý đường bộ	di chuyển bộ và xe máy	64		64	Nhà sinh hoạt cộng đồng gần với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế, Hạt quản lý đường bộ	di chuyển bộ và xe máy
	Avuong	75		75	Nhà sinh hoạt cộng đồng gần với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm Y tế	di chuyển bộ và xe máy	147	55	202	Nhà sinh hoạt cộng đồng gần với phòng tránh thiên tai và các nhà ở kiên cố, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm Y tế	di chuyển bộ và xe máy
81	Xã Phú Ninh	5.080	3.841	8.921	0	0	0	15.666	15.666		
	Tam Dân	500	346	846	Các nhà dân kiên cố, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng		2.000	2.000	Các nhà dân kiên cố, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng
	Tam Đại	320	220	540	các nhà dân kiên cố, Nhà SHVH thôn, UBND xã	xe vận tải trung dụng		800	800	các nhà dân kiên cố, Nhà SHVH thôn, UBND xã	xe vận tải trung dụng
	Tam Lãnh	230	224	454	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng		830	830	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng
82	Xã Tây Hồ	2.800	2.299	5.099	0	0	0	9.468	9.468		
	Tam An	2.050	1.318	3.368	UBND xã, bệnh xá BĐBP, Trung tâm huấn luyện BĐBP, trường TH Nguyễn Bình Khiêm; các nhà kiên cố	Ca nô, thuyền máy, xe vận tải trung dụng		5.368	5.368	UBND xã, bệnh xá BĐBP, Trung tâm huấn luyện BĐBP, trường TH Nguyễn Bình Khiêm; các nhà kiên cố	Ca nô, thuyền máy, xe vận tải trung dụng
	Tam Phước	400	200	600	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã, trường Phan Chu Trinh	xe vận tải trung dụng		1.500	1.500	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã, trường Phan Chu Trinh	xe vận tải trung dụng
	Tam Thành	150	331	481	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã; trạm y tế	xe vận tải trung dụng		1.400	1.400	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã; trạm y tế	xe vận tải trung dụng
	Tam Lộc	200	450	650	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng		1.200	1.200	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng
83	Xã Chiên Đàn	2.080	2.310	4.390	0	0	0	8.250	8.250		
	Tam Đàn	1.200	1.300	2.500	Trường TH Võ Thị Sáu; Đình Tiên Hoàng; Nông trường Chiên Đàn và các địa điểm có địa hình cao của xã; các nhà dân kiên cố	Ca nô, thuyền máy, xe vận tải trung dụng		3.500	3.500	Trường TH Võ Thị Sáu; Đình Tiên Hoàng; Nông trường Chiên Đàn và các địa điểm có địa hình cao của xã; các nhà dân kiên cố	Ca nô, thuyền máy, xe vận tải trung dụng
	Tam Vinh	170	350	520	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã, trung đoàn 885, trường Lê Văn Tám	xe vận tải trung dụng		1.300	1.300	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã, trung đoàn 885, trường Lê Văn Tám	xe vận tải trung dụng
	Tam Thái	200	250	450	Trường tiểu học Kim Đồng; UBND xã Tam Thái	xe vận tải trung dụng		950	950	Trường tiểu học Kim Đồng; UBND xã Tam Thái	xe vận tải trung dụng
	TT Phú Thịnh	510	410	920	UBND thị trấn	xe vận tải trung dụng		2.500	2.500	UBND thị trấn	xe vận tải trung dụng
84	Xã Trà My	0	2.885	2.885	0	0	0	3.800	3.800		

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Thị trấn Bắc Trà My		725	725	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		900	900	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
	Trà Dương		500	500	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		750	750	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
	Trà Giang		500	500	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		750	750	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
	Trà Sơn		1.160	1.160	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		1.400	1.400	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
85	Xã Trà Liên	0	1.305	1.305	0	0	0	1.900	1.900		
	Trà Kót		305	305	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		500	500	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
	Trà Núi		500	500	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		700	700	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
	Trà Đông		500	500	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		700	700	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
86	Xã Trà Đốc	0	1.350	1.350	0	0	0	3.000	3.000		
	Trà Bui		800	800	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		2.000	2.000	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
	Trà Đốc		550	550	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		1.000	1.000	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
87	Xã Trà Tân	0	1.850	1.850	0	0	0	2.500	2.500		
	Trà Tân		600	600	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		1.000	1.000	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
	Trà Giác		1.250	1.250	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		1.500	1.500	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
88	Xã Trà Giáp	0	1.140	1.140	0	0	0	1.600	1.600		
	Trà Giáp		600	600	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		800	800	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
	Trà Ka		540	540	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ		800	800	Trụ sở UBND, trạm y tế các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn; xen ghép tại những nhà kiên cố	Xe thô sơ, bộ
89	Xã Thạnh Mỹ	500	1.160	3.188			4.216	3.742	7.458		
	Thạnh Mỹ	500	500	500	500	500	500	500	500	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ
90	Xã Bến Giằng	600	330	930	0	0	1.350	760	2.110		
	Cà Dy	250	140	390	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ	600	350	950	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ
	Tà Bình	200	120	320	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Xe máy, đi bộ	500	300	800	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ
	Tà Pơ	150	70	220	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	250	110	360	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
91	Xã Nam Giang	114	0	114	0	0	162	258	420		
	Chà Vài	72		72	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	80	83	163	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
	Zuôi	42		42	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	82	175	257	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng			Số người di dời xen ghép	Số người sơ tán tập trung	Tổng		
92	Xã Nam Giang	94	0	94	0	0	118	211	329		
	Đắc Pre	46		46	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	61	155	216	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
	Đắc Pring	48		48	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	57	56	113	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
94	Xã La Dêê	105	0	105	0	0	114	174	288		
	Đắc Tôi	45		45	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	50	52	102	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
	La Dêê	60		60	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	64	122	186	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
94	Xã La Êê	101	0	101	0	0	114	218	332		
	La Êê	53		53	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	62	94	156	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
	Chợ Chun	48		48	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Xe máy, đi bộ	52	124	176	Các trường học, Trụ sở các cơ quan, Nhà dân kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
Tổng cộng											

Phụ lục VI.
THÔNG KÊ SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG CỦA LŨ, NGẬP LỤT
(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn thành phố năm 2025)

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
1	Xã Thu Bồn	513	25	959	780	741	2.074	
	Duy Phú	85		85		85	160	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
	Duy Thu	75		427	603		1.215	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
	Duy Tân	78		87	138	134	269	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
	Duy Hòa	158		149		400	397	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
	Duy Châu	117	25	211	39	122	33	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
2	Xã Duy Xuyên	57		106		137		
	Duy Trinh	12		23		20		Nhà kiên cố
	Duy Sơn			20		23		Nhà kiên cố
	Duy Trung	45		63		94		Nhà kiên cố
3	Xã Nam Phước		92		546		9.697	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
4	Xã Duy Nghĩa	83		83		83		
	Duy Thành	83		83		83		Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
	Duy Nghĩa							
	Duy Hải							
5	Hội An			1.660		1.660		
	Sơn Phong							Trường học, trụ sở
	Cẩm Kim			700		700		Trường học, trụ sở
	Cẩm Nam			290		290		Trường học, trụ sở
	Minh An			250		250		Trường học, trụ sở
	Cẩm Phô			420		420		Trường học, trụ sở
6	Phường Hội An Tây			292		292		
	Thanh Hà			192		192		Trường học, trụ sở
	Cẩm Hà			100		100		Trường học, trụ sở
7	Phường Hội An Đông			742		742		
	Cẩm Châu			292		292		Trường học, trụ sở
	Cẩm Thanh			450		450		Trường học, trụ sở
8	Phường Điện Bàn	123		291		673		
	Điện Minh			57		123		
	Vĩnh Điện					123		
	Điện Phương	123		234		427		
9	Phường An Thắng			111		145	46	
	Điện An			87		49	39	Trường học, UBND, Trạm y tế
	Điện Thắng Nam			24		55	7	Trường học, UBND, Trạm y tế, phường Điện Thắng Nam
	Điện Thắng Trung					41		
10	Phường Điện Bàn Tây			104		449	83	
	Điện Phước					122	20	Nhà đa năng
	Điện Thọ			104		190	37	Trường học các cấp
	Điện Hồng					137	26	Trường MG Điện Hồng
11	Phường Điện Bàn Bắc			85		321		
	Điện Tiến					35		
	Điện Hòa							
	Điện Thắng Bắc			85		286		
12	Phường Điện Nam Đông	120	190	185	245	635	700	
	Điện Ngọc					50		Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
	Điện Dương							
	Điện Nam Bắc	120	190	185	245	290	390	Nhà văn Hoá, Nhà truyền thống khối phố Cẩm Sa, UBND phường, Trường TH Phan Ngọc Nhân, UBND phường, Trạm Y Tế, Trường TH Phan Ngọc Nhân, Nhà Văn hoá khối Phố Bình Ninh
	Điện Nam Trung					36		

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
	Điện Nam Đông					259	310	UBND phường, Trường THCS Đinh Châu, Nhà Văn hóa 7A, Đồn Công an phường, Trường CD Quảng Nam
13	Xã Gò Nổi	105		155		308	295	Trụ sở UBND xã, các trường, nhà văn hóa thôn
14	Xã Đại Lộc	325	99	474	118	706	184	
	TT Ái Nghĩa					92		Các nhà cao lứt
	Đại An	141		141		141		Các nhà cao lứt
	Đại Hiệp	51		117		192		Trường tiểu học, trường Trần Phú, trường mầm non Đại Hiệp
	Đại Hòa	43	19	48	38	102	57	Đình làng Giao Thủy, các nhà cao lứt
	Đại Nghĩa	90	80	168	80	179	127	Trường Đoàn Nghiễn, dọc Quốc lộ 14B, Núi Kính, Gò Ua, các trường, nhà văn hóa thôn
15	Xã Phú Thuận	126	179	286	821	483	865	
	Đại Chánh					139		Các nhà cao lứt
	Đại Tân				309		309	Các nhà văn hóa, nhà kiên cố, TH Đoàn Trị, UBND xã, Gò Bảy, Nông ông Nho, gò Cẩm Đôi, gò Bà Đề
	Đại Thắng	38	115	138	428	135	428	Trường Đoàn Quý Phi (cơ sở 2), nhà văn hóa thôn Xuân Đông, Phú Long
	Đại Thanh	88	64	148	84	209	128	Nhà cao lứt, nhà văn hóa thôn An Bằng, Mỹ Lễ
16	Xã Vu Gia	628	289	1.708	980	1.708	980	
	Đại Cường	173		173		173		Nhà văn hóa thôn, đình làng, các trường, trung tâm xã
	Đại Minh	20	289	1.100	980	1.100	980	Chùa Phú An, thánh thất Cao Đài
	Đại Phong	435		435		435		Nhà cao lứt
17	Xã Hà Nha	360	1.311	723	2.126	787	2.293	
	Đại Đồng	111	258	182	369	246	475	Nhà cao lứt, trụ sở UBND, các gò cao, nhà văn hóa thôn, các trường học, chùa
	Đại Hồng		610		919		980	Nhà cao lứt, trụ sở UBND, trường Nguyễn Minh Chấn, Phù Đồng, HTX Đại Hồng, Trạm y tế xã, các Chùa Dục Tịch, Lục Nam, Đông Phước
	Đại Quang	249	443	541	838	541	838	Các nhà kiên cố, UBND xã, đình làng Phương Trung, các trường học, hợp tác xã
18	Xã Thượng Đức		286		502	1.202	1.012	
	Đại Hưng					736		Nhà cao lứt
	Đại Lãnh					466		Nhà cao lứt
	Đại Sơn		286		502		1.012	Gò Cầu Phà, nhà văn hóa thôn, gò ông Ngừ, trạm y tế, cụm mẫu giáo
19	Xã Phước Thành					335	330	
	Thôn 2,4 xã Phước Thành					140	330	
	Thôn 2,3 xã Phước Kim					195		
20	Xã Phước Chánh			96	212	65	320	
	Thôn 1,2 xã Phước Công			96	45	65	153	Trụ sở UBND xã; điểm trường TH Chánh- Công, Nhà văn hóa thôn
	Thôn 1,2,3,4,5 xã Phước Chánh				167		167	Trụ sở UBND xã; điểm trường, Nhà văn hóa thôn
21	Xã Phước Năng			247	520	216	337	
	Thôn 1,2,3 xã Phước Mỹ			216	162	216	162	Trường THCS xã
	Thôn 3 xã Phước Năng			31	250		67	Điểm trường thôn, nhà làng
	Thôn 1,2,4 xã Phước Đức				108		108	Nhà Làng thôn 1; Trường Mẫu giáo Hoà Mỹ và trường TH&THCS Kim Đồng điểm thôn 2
22	Xã Phước Hiệp			22	361	22	409	
	Thôn 2 xã Phước Hòa			22	45	22	93	Trường tiểu học xã
	Thôn 1,2,3,4,5 xã Phước Hiệp				316		316	Các điểm trường, nhà văn hóa thôn trên địa bàn
23	Tiên Phước			140	1.152	956	1.912	Trụ sở UBND xã
	TT Tiên Kỳ			140	1.152	956	1.912	Di dời đến chùa Tê Nam, chùa Hữu Lạm và một số nhà dân kiên cố không bị ngập lụt, trường Lý Tự Trọng, UBND thị trấn, Phòng GD&ĐT, Trung tâm hành chính huyện, huyện đội, trung tâm hướng nghiệp, huyện ủy, trung tâm y tế huyện, trường THPT Phan Châu Trinh
24	Xã Lãnh Ngọc			95	575	507	801	Trụ sở UBND xã
	Tiên Lãnh			95	575	507	801	Trường mẫu giáo, Nhà văn hóa thôn 4,5; trường cấp 1, núi Dương Thờ và một số nhà dân kiên cố không bị ngập lụt

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
25	Xã Thanh Bình			285	180	1.055	820	Trụ sở UBND xã
	Tiên Cảnh			240	180	545	440	Trường tiểu học Tiên Cảnh, trường Lê Thị Hồng Gấm, trạm Y tế xã và Nhà sinh hoạt Văn hóa xã, trường tiểu học Tiên Cảnh 2 và một số nhà dân kiên cố không bị ngập lụt, Nhà văn hóa thôn 1, trường tiểu học Tiên Cảnh 1
	Tiên An			45		510	380	Trường mẫu giáo thôn 1, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 2, khu tái định cư thôn 1 và một số nhà dân xây dựng kiên cố không bị ngập lụt; nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 2, 3, trường THCS Nguyễn Việt Xuân, UBND xã, trường tiểu học thôn 4, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 4
26	Xã Sơn Cẩm Hà			210		820	749	Trụ sở UBND xã
	Tiên Châu			92		400	263	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và một số nhà dân xây dựng kiên cố không bị ngập lụt, trụ sở UBND xã, trường tiểu học, trường trung học cơ sở Nguyễn Trãi
	Tiên Hà			118		420	486	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và một số nhà dân xây dựng kiên cố không bị ngập lụt, trụ sở UBND xã, trường tiểu học, trường trung học cơ sở Lê Hồng Phong
27	Xã Phú Ninh	158		212		348	1.248	
	Tam Dân					136	119	Nhà văn hóa thôn Dương Lâm (cũ)
	Tam Đại						1.129	Các trường TH Thái Phiên, MG Bình Minh, HT UBND xã, Nhà SHVH các thôn Đại Hanh (cũ), Phước Thương (cũ), Đại An (cũ)
	Tam Lãnh	158		212		212		
28	Xã Chiên Đàn			470	250	2.250	750	
	Tam Dân			470	250	2.250	750	Nhà văn hóa xã; trường tiểu học Võ Thị Sáu phân hiệu 1, 2; nhà văn hóa thôn Phú Mỹ, Xuân Trung cũ
	Tam Thái							Các trường: TH Kim Đồng, THCS Phan Tây Hồ, MG Anh Đào
29	Xã Tây Hồ	97		930	87	2.244	1.019	
	Tam Thành						203	Nhà văn hóa các thôn Tú Hội, Phú Văn
	Tam An	87		920	87	2.234	816	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm, Trụ sở UBND xã, Trường TH Nguyễn Trãi, Tiểu đoàn 19-HLBĐBP, Bệnh xá Biên phòng
	Tam Lộc	10		10		10		
30	Xã Thăng Bình			225	433	325	433	
	Bình Nguyên				66		66	Trường học, UBND xã, NVH thôn
	T.T Hà Lam			50		50		Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình Phục			100		200		Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình Quý			75	367	75	367	Trường học, UBND xã, NVH thôn
31	Xã Thăng Trường			1.598	532	1.598	532	
	Bình Nam			641	318	641	318	Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình Hải			757	134	757	134	Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình Sa			200	80	200	80	Trường học, UBND xã, NVH thôn
32	Xã Thăng An			1.736	693	2.136	1.093	
	Bình Đào			343	158	343	158	Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình Minh			459	312	459	312	Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình Dương			200	223	200	223	Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình Giang					400	400	Các trường học, Nhà văn hóa thôn
	Bình Triều			734		734		Trường học, UBND xã, NVH thôn
33	Xã Thăng Điện			1.392	517	1.392	517	
	Bình Tú			236	34	236	34	Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình Trung			256	83	256	83	Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình An			900	400	900	400	Các trường học, Nhà văn hóa thôn
34	Xã Thăng Phú			100	40	100	40	
	Bình Quế				40		40	Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình Phú							Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình Chánh			100		100		Trường học, UBND xã, NVH thôn
35	Xã Đồng Dương			463	74	463	74	
	Bình Định Bắc			45	6	45	6	Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình Định Nam			14		14		Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình Trị			270	68	270	68	Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Bình Lãnh			134		134		Trường học, UBND xã, NVH thôn
36	Phường Bàn Thạch			3.277			20.454	

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
	Tân Thạnh			1537			14008	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
	Hoà Thuận			854			2660	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
	Tam Thăng			886			3786	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
37	Phường Tam Kỳ			400	186		3.888	
	Phước Hòa			260			1261	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
	An Xuân			44			312	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
	An Mỹ				186		2195	Trường: K.Đồng, CĐ nghề Asean, CĐ y.tế, H.H.Tập, công an thành phố, UBND phường, chùa Hòa Quang.
	Trường Xuân			96			120	Cụm CN Trường Xuân, Trường TH Hùng Vương, UBND phường
38	Phường Hương Trà			2.120	1.415	394	11.787	
	Hòa Hương			1928		394	1534	TTTD tỉnh, Trường Nguyễn Huệ, Trường Hồng Gấm, Trạm Y tế phường, Chùa Diệu Quang, Chùa Tịnh Độ, UBND phường, Công ty MTĐT Q.Nam,
	An Sơn			60	1415		9273	Trường: P.B.Châu, L.V.Tâm, KTKT Q.Nam, Dạy nghề nông dân, nhà thiếu nhi, Cục thuế tỉnh, TT y tế thành phố, Công ty XD và PT CSHT.
	Tam Ngọc			132			980	Nhà văn hóa thôn, Lữ đoàn 270, Trường Trần Quý Cáp, Trường Mẫu giáo xã.
39	Phường Quảng Phú			1.940	4.233	1.350	10.765	
	An Phú			112	112	1350	1350	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
	Tam Thanh			68			246	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
	Tam Phú			1760	4121		9169	Trường: L.T.Kiệt, N.V.Xuân, Anh Đào, UBND xã, Trường Quân Sự.
40	Xã Núi Thành				101		535	
	Tam Nghĩa						120	Trường mẫu giáo thôn, chùa Hòa Mỹ
	TT Núi Thành				101		101	Trường THPT Nguyễn Huệ, TH Võ Thị Sáu
	Tam Hiệp						314	Trường THCS Trần Cao Vân, THPT Nguyễn Huệ
41	Xã Tam Mỹ			141	196		777	
	Tam Mỹ Đông			141	196		82	Trường MG Hướng Dương, THCS Nguyễn Trãi
	Tam Mỹ Tây						695	Nhà văn hóa thôn, Gò Quanh, chùa Thạnh Mỹ, Gò Bò, Gò Nha, Gò Mít
42	Xã Tam Anh						3.236	
	Tam Anh Nam						493	Trường THCS Nguyễn Hiền, TH Nguyễn Hiền, THCS Nguyễn Khuyến
	Tam Anh Bắc						601	Trường TH Trần Văn Ôn, THCS Lương Thế Vinh
	Tam Hòa						2142	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, TH Trần Đại Nghĩa, TH Nguyễn Thái Bình, THCS Phan Bá Phiến
43	Xã Tam Xuân						4.233	
	Tam Xuân 1						1640	Trường TH Lê Văn Tám, THCS Lý Thường Kiệt
	Tam Xuân 2						1115	Trường THPT Cao Bá Quát, TH Nguyễn Văn Trỗi
	Tam Tiến						1478	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh, TH Ngõ Mây, THCS Nguyễn Chí Thanh, TH Phan Bá Phiến, UBND xã
44	Xã Đức Phú						92	
	Tam Thạnh						92	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai
45	Xã Tam Hải				279		949	
	Tam Hải				279		949	Nhà trú bão thôn, trường THCS Nguyễn Chí Thanh
46	Xã Trà My					790	950	
	Thị trấn Trà My					250	400	Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Trà Dương					240	300	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
	Trà Giang					150	200	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
	Trà Sơn					150	50	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
47	Xã Trà Liên					280	460	
	Trà Đông					120	160	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
	Trà Núi					120	200	Trường học, UBND xã, NVH thôn
	Trà Kót					40	100	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
48	Xã Trà Tân			20		200	350	
	Trà Tân			20		150	100	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
	Trà Giác					50	250	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
49	Xã Trà Đốc					280	300	
	Trà Đốc					150	100	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
	Trà Bui					130	200	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
50	Xã Trà Giáp					150	500	
	Trà Giáp					50	200	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân
	Trà Ka					100	300	Trường học, UBND xã, NVH thôn, Trạm y tế; nhà dân

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
51	Xã Thạnh Mỹ	262	72	250	95	394	102	
	Thị trấn Thạnh Mỹ	262	72	250	95	394	102	Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
52	Xã Bến Giằng	220	63	275	85	366	96	
	Cà Dy	192	63	240	85	321	96	Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
	Tà Bình	12		15		20		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
	Tà Pơ	16		20		25		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
53	Xã Nam Giang	107		116		135		
	Chà Vải	62		66		75		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
	Zuôi h	45		50		60		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
54	Xã Đắc Pring	53		74		83		
	Đắc Pre	32		38		42		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
	Đắc Pring	21		36		41		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
55	Xã La Dêê	84		96		102		
	La Dêê	49		51		52		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
	Đắc Tôi	35		45		50		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
56	Xã La Êê	64		97		107		
	La Êê	41		59		65		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
	Chơ Chun	23		38		42		Trường học, trụ sở cơ quan, nhà văn hóa thôn
57	Xã Hiệp Đức	500	500	1.084	1.726	2.273	3.653	
	Quê Lưu	500	500	1000	1000	1500	1500	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
	Tân Bình			69	701	202	1837	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
	Hiệp Thuận			15	25	340	216	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
	Hiệp Hòa					231	100	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
58	Xã Việt An	15	25	226	335	519	644	
	Bình Lâm						15	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
	Quê Thọ	15		71	78	219	176	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
	Bình Sơn		25		97		183	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
	Thăng Phước			155	160	300	270	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
59	Xã Phước Gia						61	
	Sông Trà						61	Nhà SHCD, trường học, UBND huyện, trụ sở cơ quan
60	Xã Xuân Phú	510	336	2000	900	3200	2100	
	Xã Quê Phú			500	200	700	500	
	xã Quê Xuân 2			400	200	1000	400	
	Xã Quê Xuân 1			600	300	1000	800	
	Thị trấn Hương An			500	200	500	400	
61	Xã Quê Sơn Trung	255	168			400	600	
	Xã Quê Mỹ							
	Xã Quê Thuận					200	300	
	Xã Quê Hiệp							
	Xã Quê Châu					200	300	
62	Xã Quê Sơn	255	168			400	500	
	Xã Quê Long							
	TT. Đông Phú					100	200	
	Xã Quê Minh					100	100	
	Xã Quê An					100	100	
	Xã Quê Phong					100	100	
63	Xã Hùng Sơn						675	
	Xã Gari						320	64 hộ - Nhà SHCD, trường học...
	xã Axan						355	50 hộ - Nhà SHCD, trường học...
64	Xã Tây Giang				292		358	Nhà SHCD, trường học, nhà văn hóa thôn
65	Xã A Vương						1.034	
	Xã Bhalêê						280	32 hộ - Nhà SHCD, trường học...
	A Vương						754	173 hộ - Nhà SHCD, trường học...
66	Phường Ngũ Hành Sơn					1055	2261	Nhà SHCD, trường học, nhà văn hóa thôn
67	Phường Cẩm Lệ					89	432	Nhà SHCD, trường học, nhà văn hóa thôn
68	Phường An Khê					349	568	Nhà SHCD, trường học, nhà văn hóa thôn
69	Phường Hòa Xuân					681	343	Nhà SHCD, trường học, nhà văn hóa thôn
70	Phường Hải Vân					195	332	Nhà SHCD, trường học, nhà văn hóa thôn
71	Phường Liên Chiểu					257	49	Nhà SHCD, trường học, nhà văn hóa thôn
72	Xã Hòa Vang					682	233	Nhà SHCD, trường học, nhà văn hóa thôn
73	Xã Hòa Tiến					1097	93	Nhà SHCD, trường học, nhà văn hóa thôn
74	Xã Bà Nà					1100	377	Nhà SHCD, trường học, nhà văn hóa thôn
75	Xã Nông Sơn	255	168	910	419	950	968	Trụ sở UBND các xã Sơn Viên, Quê Lộc, Thị trấn Trung Phước cũ, Nhà Văn hoá các thôn, các trường học trên địa bàn xã và Trụ Sở hành chính các cơ quan huyện Nông Sơn cũ
Tổng cộng								

Phụ lục VIa

**DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ CÓ NGUY CƠ NGẬP ÚNG KHI XẢY RA MÙA LỚN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

STT	VỊ TRÍ NGẬP ÚNG
I	QUẬN HẢI CHÂU (cũ)
1	Khu vực đường Đồng Đa
2	Khu vực đường Trần Phú, nút Hoàng Văn Thụ - Trần Phú
3	Nguyễn Văn Linh (Đầu mương C3 - Nguyễn Hoàng)
4	Nút Núi Thành - Tiểu La
5	Khu vực trước SN 420 Núi Thành (gần Công ty Môi trường đô thị)
6	Khu vực đường Lê Thanh Nghị
7	Khu vực đường 2/9, Tổng Phước Phổ
8	Khu vực K383 Núi Thành
9	Khu vực Hải Hồ và vùng lân cận
10	Thăng Long (KDC trước Trạm bơm chống ngập Trương Chí Cường)
11	Tổ 27 phường Hòa Thuận Tây
12	Khu vực đường Quang Trung
II	QUẬN THANH KHÊ (cũ)
1	Khu vực đường Nguyễn Văn Linh - Hàm Nghi
2	Khu vực đường Lê Duẩn (Ổng Ích Khiêm đến Hoàng Hoa Thám)
3	Khu vực đường Hà Huy Tập trước Trường Huỳnh Ngọc Huệ
4	Đường Nguyễn Đình Tựu (Từ Hồ Tương đến Nguyễn Phước Thái)
5	Đường Trường Chinh (khu vực trước trường Nguyễn Đình Chiểu)
6	Số nhà 647 Trần Cao Vân (khu vực Quán Hộ)
7	Đường Trần Cao Vân (764 đến 860); Kiệt 814 Trần Cao Vân, kiệt 814B Trần Cao Vân
8	Hà Huy Tập (Đoạn từ số nhà 88 đến số nhà 100)
9	Ngã tư Huỳnh Ngọc Huệ - Trần Xuân Lê
10	Tuyến đường Kỳ Đồng (đoạn từ Hà Đông 1 đến Nguyễn Đức Trung)
11	Khu vực kiệt 96 Điện Biên Phủ (liên quan tuyến cống Xuân Hà)
12	Cuối kiệt 246 Trần Cao Vân (liên quan tuyến cống Tam Thuận)
13	Kiệt 279 Thái Thị Bôi (K67 Hà Huy Tập đến đoạn giao K251 Thái Thị Bôi và K96 Điện Biên Phủ)
14	Khu vực kiệt 402 Lê Duẩn (từ Tịnh xá Ngọc Giảng đến Chợ Tân Chính)
15	Kiệt 384 Điện Biên Phủ
16	Mai Xuân Thưởng (khu vực bờ hồ Xuân Hòa)
17	K05 Cù Chính Lan
18	Kiệt 112 Trần Cao Vân (đoạn giáp đường Nguyễn Tất Thành)
19	Cuối kiệt 196 Trần Cao Vân
20	Cuối kiệt 236 Trần Cao Vân
21	Từ ngã tư 158 tiếp giáp với K112/137 đến K196 Trần Cao Vân
22	Cuối K272 Trần Cao Vân tiếp giáp với K01 Tôn Thất Đạm (giáp ranh phường Xuân Hà)
23	K01 Tôn Thất Đạm từ cuối K246 Trần Cao Vân K196 Trần Cao Vân
24	K390 Lê Duẩn
25	Đường Thái Thị Bôi (từ nhà số 15 đến nhà số 55), trước Chợ Chính Gián
26	Đường Phan Thanh: đoạn từ Tân Đà đến số nhà 138
27	Đường Phạm Văn Nghị: đoạn từ trước nhà số 10 đến đường Tôn Thất Tùng
28	Cuối đường Bàu Hạc 1, từ số 28-38 Bàu Hạc 1
29	Đường Đỗ Quang từ số 153 đến 191

30	Các tuyến kiệt 3m; K01, 05 Trần Tổng, K21, 25 Tôn Thất Tùng chảy ra đường Đỗ Quang
31	Khu vực 01 phường Thanh Khê Tây - Dưới chân cầu vượt Ngã ba Huế
32	Khu vực 02 phường Thanh Khê Tây - đường Bàu Trắng 6
33	Ngã ba Trần Cao Vân - tuyến đường Mẹ Nhu
34	Cuối kiệt 317 Nguyễn Phước Nguyên (Giáp KDC Phần Lãng 2 - GĐ2)
35	Cuối kiệt 325 Nguyễn Phước Nguyên (Giáp KDC Phần Lãng 2 - GĐ2)
36	Cuối kiệt 393 Nguyễn Phước Nguyên (Giáp KDC Phần Lãng 2 - GĐ2)
37	Đường Tân Hòa 1 (Trước trường THCS Nguyễn Đình Chiểu - CS2)
38	Đường Phạm Ngọc Mậu
39	Cuối đường Cầm Giuộc, Nguyễn Giản Thanh, Phần Lãng 1
40	Khu vực Khe Cạn
41	Hầm chui Điện Biên Phủ

III QUẬN LIÊN CHIỀU (cũ)

1	Khu vực cổng Khu công nghiệp Hòa Khánh
2	Khu dân cư tổ 1, 2 phường Hòa Hiệp Bắc (nay thuộc Phường Hải Vân)
3	Khu dân cư dọc sông Cu Đê
4	Liên tổ 52, 53 phường Hòa Hiệp Nam (nay thuộc Phường Hải Vân)
5	Đường Đàm Quang Trung, tổ 29 phường Hòa Hiệp Nam (nay thuộc Phường Hải Vân)
6	Đường Đàm Quang Trung, tổ 25 phường Hòa Hiệp Nam (nay thuộc Phường Hải Vân)
7	Kiệt 455, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 03 phường Hòa Hiệp Nam, khu ký túc xá sinh viên (nay thuộc Phường Hải Vân)
8	Khu vực đường Lạc Long Quân, tổ 23 phường Hòa Khánh Bắc (nay thuộc Phường Liên Chiểu)
9	Kiệt 383, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 24, phường Hòa Khánh Bắc (nay thuộc Phường Liên Chiểu)
10	Cuối đường Bùi Chát, tổ 41 phường Hòa Khánh Bắc (nay thuộc Phường Liên Chiểu)
11	Tổ 26, 27 Hòa Khánh Bắc khu vực Nguyễn Chánh giao Nguyễn An Ninh (nay thuộc Phường Liên Chiểu)
12	Kiệt 144, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 16 phường Hòa Khánh Bắc (nay thuộc Phường Liên Chiểu)
13	Kiệt 82 Nguyễn Chánh, tổ 17, 28 phường Hòa Khánh Bắc (nay thuộc Phường Liên Chiểu)
14	Kiệt 317, đường Âu Cơ, tổ 66 phường Hòa Khánh Bắc (nay thuộc Phường Liên Chiểu)
15	Đường Thanh Vinh 11, 12, tổ 70 phường Hòa Khánh Bắc (nay thuộc Phường Liên Chiểu)
16	Khu vực bộ đội 971, phường Hòa Khánh Nam (nay thuộc Phường Hòa Khánh)
17	Cầu Bà Xí, tổ 15, 35, 32 phường Hòa Khánh Nam (nay thuộc Phường Hòa Khánh)
18	Kiệt 65, 81, 109, 119, 129 Phạm Như Xương, liên tổ từ 13 đến 18 phường Hòa Khánh Nam (nay thuộc Phường Hòa Khánh)
19	Tổ 36, 37 phường Hòa Khánh Nam (nay thuộc Phường Hòa Khánh)
20	Tổ 42 phường Hòa Khánh Nam (nay thuộc Phường Hòa Khánh)
21	Trước lò mổ Đà Sơn, tổ 45 - 47 phường Hòa Khánh Nam (nay thuộc Phường Hòa Khánh)
22	Tổ 70 phường Hòa Khánh Nam, đường Phạm Thị Lam Anh (nay thuộc Phường Hòa Khánh)
23	Tổ 21, phường Hòa Minh (nay thuộc Phường Hòa Khánh)
24	Khu dân cư Trung Nghĩa, khu vực Tân Trào, Hồng Thái
25	Khu dân cư Trung Nghĩa, đường Nam Trân
26	Khu dân cư cuối đường Bàu Nắng 15, tổ 07, phường Hòa Minh
27	Tổ 113 phường Hòa Minh (nay thuộc Phường Hòa Khánh)
28	Tổ 123 phường Hòa Minh (nay thuộc Phường Hòa Khánh)
29	Tổ 3,4,5, 6 (khu vực Khe Cạn)

IV QUẬN SƠN TRÀ (cũ)

1	Bùng binh Phạm Văn Đồng - Ngô Quyền
2	Khu vực đường Nguyễn Công Trứ (số 150 - 184) (nay thuộc phường An Hải)
3	Đường Trần Hưng Đạo, khu vực đối diện Chung cư Monarchy, phường An Hải Tây (nay thuộc phường An Hải)
4	Đường Trần Hưng Đạo (giao các đường Trần Quang Diệu, Hà Thị Thân, Triệu Việt Vương)
5	Khu vực đường Vương Thừa Vũ - Trần Duy Chiến, phường An Hải Bắc (nay thuộc phường An Hải)
6	Ngã tư đường Vân Đồn - Tôn Quang Phiệt, phường Nại Hiên Đông (nay thuộc phường Sơn Trà)

7	Đường Lê Tấn Trung (Đoạn từ Phan Bá Phiến đến Hồ Ngọc Lãm)
8	Đường Ngô Quyền - An Trung Đông 6
9	Đường Lê Tấn Trung (đoạn từ Đình Công Trứ đến Nguyễn Thị Hồng)
10	Khu vực An Thuần, An Vĩnh, phường An Hải Tây (nay thuộc phường An Hải)
11	Khu vực kiệt K259/H38 đường Ngô Quyền, phường Mân Thái (nay thuộc phường Sơn Trà)
12	Khu vực kiệt K267 đường Ngô Quyền (Tổ 34, 35), phường Mân Thái (nay thuộc phường Sơn Trà)
13	Khu vực kiệt K331 đường Ngô Quyền, phường Mân Thái (nay thuộc phường Sơn Trà)
14	Kiệt 156 H70 Nguyễn Phan Vinh (tổ 72, 74, 75), phường Thọ Quang (nay thuộc phường Sơn Trà)
V	QUẬN NGŨ HÀNH SƠN (Cũ)
1	Khu vực nút giao đường Dương Thị Xuân Quý – Trần Văn Dư, phường Mỹ An (nay thuộc phường Ngũ Hành Sơn)
2	Tổ 63 phường Hòa Quý, gần giáp tường rào trường Đại học CNTT Việt Hàn, phường Hòa Quý (nay thuộc phường Ngũ Hành Sơn)
3	Kiệt 16 đường Bà Bang Nhân, phường Hòa Hải (nay thuộc phường Ngũ Hành Sơn)
4	Tổ 48- 51 (phía Đông đường Nguyễn Duy Trinh), phường Hòa Hải (nay thuộc phường Ngũ Hành Sơn)
5	Tổ 29 -30 (Khu vực Đa Mặn 10, gần cửa xả C28), phường Khuê Mỹ (nay thuộc phường Ngũ Hành Sơn)
6	Khu vực nút giao đường Hải Triều – Lê Văn Hiến, phường Hòa Hải (nay thuộc phường Ngũ Hành Sơn)
7	Một số khu vực trũng thấp thuộc các khu vực An Lưu, Thị An, phường Hòa Quý (nay thuộc phường Ngũ Hành Sơn)
8	Các vị trí thuộc các dự án đang triển khai dở dang (thuộc phường Ngũ Hành Sơn)
VI	QUẬN CẨM LỆ (cũ)
1	Đường nhánh phía Bắc và phía Nam cầu vượt Hòa Cầm, đường Trường Chinh giao đường đường nhánh phía Bắc và phía Nam cầu vượt Hòa Cầm
2	Đường Trường Sơn (gần khu vực Trường Quân sự Quân khu 5), Km21+200 QL1AB
3	Kênh Yên Thế - Bắc Sơn (Công qua đường Tôn Đức Thắng)
4	Khu vực đường Tôn Đản (từ đường Vũ Lăng đến khu lăng mộ Thái Thị Bôi và khu vực tổ 22, 25, 27
5	Khu vực Bàu Sen - Tổ 3, 4 phường Hòa Thọ Đông thuộc dự án Khu dân cư Phong Bắc
6	Khu vực Tổ 1B, 2A, phường Hòa Phát (khu vực nhà bà Huỳnh)
7	Khu vực phía Bắc đường Lê Trọng Tấn - Tổ 29, 30, 32, 34, 35, 36, 37 phường Hòa Phát
8	Khu vực Đông Nam nút giao thông Hòa Cầm (giai đoạn 1), tổ 6, 7, 8, 9, 10, phường Hòa Thọ Đông
9	Tổ 40, 42, 43, 44 phường Hòa Phát (Thuộc khu vực Khu dân cư Phước Lý 5)
10	Đường Tuyên Sơn - Túy Loan (GD1+GD2), đoạn dưới cầu Đò và cầu Đường sắt
11	Đường Nguyễn Nhân (trước khu vực Trung tâm y tế quận Cẩm Lệ)
12	Khu vực Ngã ba Huế
13	Dự án công Khe Cạn (Giai đoạn 2-Đoạn từ chợ Chiểu, phường Hoà An đến Phước Tường, phường Hòa Phát)
14	Khu đô thị sinh thái Hoà Xuân ngập cục bộ: Nút giao tuyến đường Nguyễn Hiến Lê - Phan Triêm
15	Khu vực Khe Cạn - Tổ 25-34, 43, 44 phường Hòa An thuộc Tuyến công Khe cạn thuộc dự án phát triển bên vũng (Giai đoạn 1: Đoạn từ ngã ba Huế đến Chợ Chiểu)
16	Khu vực thượng lưu Khe Cạn - tổ 29, 30, 32, 34, 35, 36, 37 phường Hòa phát (Giai đoạn 2: Đoạn từ chợ Chiểu đến Phước Tường, phường Hòa Phát)
17	Nút giao Phạm Xuân Ẩn - 29/3
18	Các tuyến đường Nguyễn Thị Sáu, Thanh Lương 20, Thái Văn Lung
VII	HUYỆN HÒA VANG (cũ)
1	Khu vực nút giao đường DT602 và đường tránh Nam hầm Hải Vân, huyện Hòa Vang
2	Ngã ba ĐT 605 - thôn Dương Sơn

Phụ lục VII.
THÔNG KÊ SƠ TÁN DÂN KHU VỰC CÓ NGUY CƠ SẠT LỖ ĐẤT
(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo từng cấp độ rủi ro trên địa bàn thành phố năm 2025)

TT	Địa phương	Khu vực nguy cơ	Số dân sơ tán (người)		Khu vực bố trí đến sơ tán
			Xen ghép	Tập trung	
1	XÃ HÙNG SƠN			271	
	Ch'Om	Thôn H'jủh		50	
		Thôn Nhung		60	
	Gari	Thôn Arooi		20	
		Thôn Ating		50	
		Thôn Dading		20	
		Thôn Pút		15	
	Axan	Thôn Ga'nil		25	
	Tr'hy	Thôn Abaanh II		15	
		Thôn Ariêu		16	
2	XÃ A VƯƠNG			453	
	Bhalêê	Thôn Adzóc		180	
		Thôn Bloóc		20	
		Thôn Ta Lang		120	
		Thôn R'cung		50	
	Avuong	Thôn Ga'lầu		35	
		Thôn Xa'oi		48	
3	XÃ TÂY GIANG		726	3.881	Hội trường UBND xã, trạm y tế, nhà Gươl
4	XÃ HIỆP ĐỨC		50	641	
	Tân Bình	KP An Nam		70	Viện KSND huyện
		KP An Tây		63	UBND huyện
	Quê Lưu	Thôn Phú Nhơn	50	100	Nhà SHCĐ thôn
	Hiệp Hòa	Thôn Trà Linh Đông		40	Nhà SHCĐ thôn
		Thôn Trà Linh Tây		120	Nhà SHCĐ thôn
	Hiệp Thuận	Thôn Tân Thuận		248	UBND xã, Trạm Y tế, Trường THCS Lê Văn Tám phân hiệu Hiệp Thuận
5	XÃ VIỆT AN		23	344	
	Thăng Phước	Thôn An Phú	23	0	Nhà dân: ông Nguyễn Văn Sáu, bà Lê Thị Thuý
	Quê Thọ	Thôn Bắc An Sơn		20	Nhà SHCĐ thôn
		Thôn Phú Bình		9	Nhà SHCĐ thôn
	Bình Lâm	Thôn An Phố		252	Nhà văn hóa thôn, Trường TH phân hiệu Lý Tự Trọng
		Thôn Ngọc Chánh		15	Nhà SHCĐ thôn
	Bình Sơn	Thôn An Phú		16	Nhà SHCĐ (thôn 3 cũ)
		Thôn Tuy Hòa		32	Nhà SHCĐ thôn
6	XÃ PHƯỚC GIA		0	512	
	Sông Trà	Thôn Trà Huỳnh		15	Nhà SHCĐ thôn
	Phước Trà	Thôn Trà Nhan		130	Nhà Rông Làng Ông Tía
		Thôn Trà Nô		65	UBND xã
		Thôn Trà Hân		42	Nhà SHCĐ thôn
	Phước Gia	Thôn Gia Cao		260	Trường Mẫu giáo Anh Dương
7	XÃ THẮNG AN		0	200	
	Bình Dương	Thôn 3		200	
		Thôn 1			UBND Xã
8	XÃ THẮNG PHÚ		0	100	
	Bình Phú	Đập Phước Hà/ thôn Phước Hà		100	Gò Đá Trắng
9	XÃ ĐÔNG DƯƠNG		0	98	
	Bình Lãnh	Đập Cao Ngạn/ Thôn 5		98	Núi Chóp Chải
10	XÃ THẮNG TRƯỜNG		0	126	
	Bình Nam	Bến Lố/Bình Nam		126	Điểm cao 21
11	XÃ TRÀ MY		1.329	529	
	Thị trấn Trà My				
	Mậu Cà	Đồi gần Nghĩa trang Liệt sỹ huyện	25	10	Nhà dân, Trụ sở TDP mậu cà
	Mậu Cà	Đường Nam Quảng Nam (điểm 1)	25	10	Nhà dân, Trụ sở TDP
	Mậu Cà	Đường Nam Quảng Nam (điểm 2)	0	0	
	Mậu Cà	Đường Nam Quảng Nam (điểm 3)	10	0	Nhà dân
	Đàng Bộ	Đường Tây thị trấn (điểm 1)	10	10	Nhà dân, TDP đàng bộ
	Đàng Bộ	Đường Tây thị trấn (điểm 2)	20		Nhà dân
	Đàng Bộ	Đường Tây thị trấn (điểm 3)	110	50	Nhà dân, TDP
	Đồng Bàu	Đồi Bảo An	200	40	Nhà dân, Trạm y tế thị trấn
	Đồng Bàu	Trạm Khí tượng	50	0	Nhà dân
	Đồng Bàu	Dọc đường Nam Quảng Nam	10		Nhà dân
	Trần Dương	Tuyến đường Chu Huy Mân	100	20	Nhà dân, TDP trần dương
	Xã Trà Giang				
	Thôn 1	Khu vực từ nhà Hạnh Nhỏ	60	10	Nhà dân, Trường Nguyễn Huệ
	Thôn 1	Khu vực nhà ông Nguyễn Thành Phương	30	5	Nhà dân, Trường Nguyễn Huệ
	Thôn 1	Khu vực nhà Đình Văn Đồi	20	10	Nhà dân, Trường Nguyễn Huệ
	Thôn 1	Khu vực Nhà ông Nguyễn Văn Công		25	NVH thôn 3 cũ
	Thôn 1	Khu vực Nhà Ông Quang - ông Thanh		35	NVH thôn 2
	Thôn 2	Khu vực Nhà ông Đình Văn Thu	100	20	Nhà dân, trường Lê Văn Tám
	Thôn 2	Khu vực nhà 7 Nhâm	60	10	Trường Lê Văn Tám
	Thôn 2	KV nhà ông Dũng PBT	10	10	Nhà dân, nhà VH thôn
	Thôn 2	Khu vực nhà ông Ngô Quang Trung	40	20	Trường Lê Văn Tám
	Thôn 2	Đầu cầu 14 (ông Hương)	4		Nhà dân
	Thôn 3	Khu vực từ nhà Ông Đỗ Văn Tạng đến nhà Ông Thị Kim Hiền	20	10	Nhà dân, nhà bán trú trường cấp 3
	Thôn 3	Khu vực từ nhà Ông Trần Văn Mạnh đến khu vực nhà Ông Trương Văn Kải	15	20	Nhà dân, NVH thôn 5 cũ
	Trà Sơn				
	Long sơn	Ngã 3 nhà truyền thống	15		Nhà dân
	Long sơn	Cổng cao sơn	0		Nhà dân
	Long sơn	Nóc ông Xô	20		Nhà dân
	Long sơn	KV nhà ông Thủy	20		Nhà dân

TT	Địa phương	Khu vực nguy cơ	Số dân sơ tán (người)		Khu vực bố trí đến sơ tán
			Xen ghép	Tập trung	
	Long sơn	Dưới chân trụ BTS	10		Nhà dân
	Long sơn	KV nhà bà Trĩ	15		Nhà dân
	L.Bình Phương	Khu gần Trung tâm xã	100	100	Nhà dân, UBND xã
	Tân Hiệp	Tổ 3 Tân Hiệp		50	UBND xã
	Xã Trà Dương				
	Dương Lâm	Bằng hằm	100	17	Nhà dân, NVH thôn 5 cũ
	Dương Trung	Khu dôi sau nhà Bà Nguyễn Thị Diệu		12	Nhà VH thôn Dương Trung
	Dương Đông	Núi Đoát	130	20	Nhà VH thôn, nhà dân
	Dương Thanh	khu vực nguy cơ sạt lở đất, giáp Thị trấn		15	Nhà VH thôn
	Dương Trung	Đốc Dám		0	
12	TRÀ TÂN		299	400	
	Trà Tân				
	Thôn 3	Ngã 3 Trà Tân-Trà Đốc		100	NVH thôn, Nông trường cao su
	Thôn 1	Nóc ông Xem (thôn 7 cũ)		30	Nhà VH thôn 7 cũ
	Thôn 3	Từ đập chính đến điểm sạt cũ (4 điểm)	0	0	
	Trà Giác				
	Thôn 1	Ngã 3 Trà Giác	4		BQL rừng Trà Giác
	Thôn 1	KV thôn 1 mới (T5 cũ)		25	UBND xã
	Thôn 1	KV khối 2 (độc TSD)	10		Nhà dân
	Thôn 1	Khu trạm gác bVR cũ		25	Điểm trường Trần Cao Vân cũ, UBND xã
	Thôn 1	Ngã 3 đi Đà Lạt		25	UBND xã
	Thôn 1	Khởi 3	50		Nhà dân
	Thôn 2	Nóc ông Diêu	10	20	Nhà dân, Trường Trần Cao Vân thôn 2
	Thôn 2	Nóc ông Đoàn	25	20	Điểm trường Trần Cao Vân thôn 2, nhà dân
	Thôn 2	Nóc ông Yên	100	25	Nhà dân, Điểm trường TCV
	Thôn 3	Dọc theo sông Y khu Nà Mít		25	Điểm trường tCV
	Thôn 4	Nóc ông Tiểu		80	UBND xã
	Thôn 4	Nóc ông Đế	30	10	Nhà dân, UBND xã
	Thôn 4	Nóc ông Ảnh	70	15	Nhà dân, UBND xã
13	XÃ TRÀ GIÁP		411	889	
	Xã Trà Giáp				
	Thôn 1	Tổ 11, tổ 12 thôn 1 cũ	76	20	Nhà dân, điểm trường TH Trà Giáp
	Thôn 1	Đôi Cáp Lu - Tổ 4 (nhà bà Hiệp)	60		Nhà dân
	Thôn 2	Tổ 11, tổ 12 thôn 3 cũ		60	Trường xã cũ
	Thôn 2	Đôi Nước Rót tổ 14 (Nóc ông Âu) trước UB xã		90	UBND xã
	Thôn 2	Tổ 13, tổ 14 kẻ nóc ông Âu		25	UBND xã
	Thôn 2	Khu ngoại thương	220	30	Nhà dân, điểm trường ngoại thương
	Thôn 3	Nóc ông giáo, nóc ông Hàm thôn 4 cũ		58	Điểm trường tiểu học thôn 4
	Thôn 3	Nóc ông Thơm	55	30	Điểm trường tiểu học thôn 5, nhà dân
	Xã Trà Ka				
	Thôn 1	Khu vực nóc Xà Nu dọc suối Riêng		35	UBND xã, Trường THCS mới
	Thôn 1	Khu trung tâm UBND xã và tổ 3,4 thôn 1 cũ nhà bà Thơm Yá Nu		135	UBND xã, Trường THCS mới
	Thôn 1	Từ nhà ông Linh đến nhà ông Tùng		60	UBND xã, Trường THCS mới
	Thôn 1	Từ ông Xuyên - ông Tường		30	UBND xã, Trường THCS mới
	Thôn 1	Từ bà Gương - Bảo Quốc MR đến ông Viên		85	UBND xã, Trường THCS mới
	Thôn 2	Trường Hoàng Văn Thụ cũ		211	UBND xã, Trường THCS mới
	Thôn 2	Khu vực nóc ông Sơn, thôn 2		20	UBND xã, Trường THCS mới
14	XÃ TRÀ ĐỐC		443	179	
	Xã Trà Đốc				
	Thôn 1	Trượt lở: Khu nóc ông Liên cũ (tổ 2)		39	Trường THCS LHPhong
	Thôn 1	Nóc ông Dẻo		55	Đồn Xã Đốc
	Thôn 2	Khu nhà ông Long đến nhà ông Thịnh		30	UBND xã
	Thôn 2	Khu nhà bà Hương-Vũ	14		Nhà dân
	Thôn 2	Khu nóc ông Bông	25		Nhà dân
	Thôn 2	Điểm sạt gần đường TĐC T3 cũ	0	0	
	Thôn 3	Nóc ông Danh (thôn 4 cũ)	13		Nhà dân
	Thôn 3	Khu nhà ông Tiến	10		Nhà dân
	Xã Trà Bui				
	Thôn 1	Tổ 4 Nóc ông Phong	66	20	Nhà dân, điểm trường nóc ông Phong
	Thôn 2	Nóc Sơ rơ	30		Nhà dân
	Thôn 3	Tổ Bà Phi	50		Nhà dân
	Thôn 3	Khu vực nhà Hồng Hà	15		Nhà dân
	Thôn 3	Khu vực dọc sông Bui (ông Dũng)	50		Nhà dân
	Thôn 3	Khu vực Nước lía	95		Nhà dân
	Thôn 5	Khu vực ông Đình Văn An	30	35	Nhà dân, NVH thôn 5
	Thôn 5	Khu vực di dời mới	45		Nhà dân
15	XÃ TRÀ LIÊN		108	593	
	Xã Trà Đông				
	Đình Yên	Khu vực nhà bà Thu	12		Nhà dân
	Đình Yên	Khu Vực vườn thơm	16		Nhà dân
	Phượng Đông	Khu vực Đá Bà		16	UBND xã
	Thanh Trước	Khu vực xóm nhà ông Đỗ Ngọc Châu (Trà Hòa An)	10	10	Nhà dân, UBND xã
	Xã Trà Nữ				

TT	Địa phương	Khu vực nguy cơ	Số dân sơ tán (người)		Khu vực bố trí đến sơ tán
			Xen ghép	Tập trung	
	Thôn 1	Khu vực nóc 2		135	UBND xã
	Thôn 1	Khu vực đồi Mô Cỏ		50	UBND xã
	Thôn 2	Khu vực đồi Hai Vú	60	100	Nhà dân, Nhà bán trú trường THCS
	Thôn 2	Khu vực thôn 3 cũ		42	Nhà bán trú trường THCS
	Thôn 2	Núi trước UB		150	Nhà bán trú trường THCS
	Thôn 2	Lở bờ kè trước UB		50	UBND xã
	Xã Trà Kết				
	Thôn 1	KV gần nhà ông Phạm Lân, thôn 1		20	Nhà VH thôn 1
	Thôn 1	KV nhà ông Ca	10		Nhà dân
	Thôn 2	Gần nhà Văn hóa thôn 5 cũ		20	Nhà VH thôn 5 cũ
16	XÃ LÃNH NGỌC		115	170	
	Tiền Lành	Sông Tum thôn 1 và thôn 5	115	170	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi
17	XÃ THANH BÌNH		292	180	
	Tiền Cảnh	Rẫy Tranh lớn thôn 1, ven chân đồi ở các thôn	178	180	Trường TH Minh Viên, Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 1
	Tiền An	Núi Đâu Voi thôn 1 và thôn 2 và các hộ ven sông	114		Khu tái định cư mới tại thôn 1 và thôn 2, trường tiểu học
18	XÃ SƠN CẨM HÀ		58	170	
	Tiền Châu	Hồ Rắn thôn Thanh Bồi	58		Trường Tiểu học tại thôn Thanh Bồi
	Tiền Hà	Các thôn dọc sông Tiên		170	Nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, trụ sở UBND, trường tiểu học
19	XÃ TIỀN PHƯỚC		0	72	
	TT Tiên Kỳ	Núi Động sinh thôn Hữu Lâm và núi đồi Cao thôn		72	Nhà sinh hoạt cộng đồng của 02 thôn
20	XÃ PHƯỚC THÀNH		0	444	
	Xã Phước Lộc	Thôn 3 (5A cũ)	0	52	Trụ sở UBND xã; Trạm y tế xã
	Xã Phước Thành	Thôn 1,2,4	0	175	Trụ sở UBND xã; Trạm y tế xã
	Xã Phước Kim	Thôn 2,3	0	217	Trụ sở UBND xã; Trạm y tế xã
21	XÃ PHƯỚC CHÁNH		0	40	
	Xã Phước Công	Chân đồi núi đá Cầu Khi	0	15	Trụ sở UBND xã; Trạm y tế xã
	Xã Phước Chánh	Đốc tá Dê thôn 1 và đốc xà riêng thôn 5		25	nhà làng thôn
22	XÃ PHƯỚC NĂNG		0	92	
	Xã Phước Mỹ	Khu dân Thôn 1		92	Trụ sở UBND xã; Trạm y tế xã; nhà làng
23	XÃ PHƯỚC HIỆP		0	40	
	Xã Phước Hòa	Chân đồi khu xóm Bà Lau thôn 2		40	Trụ sở UBND xã; Trạm y tế xã; nhà làng
24	XÃ KHÂM ĐỨC		0	215	
	TT Khâm Đức	Chân đồi E Thị trấn Khâm Đức (Tổ dân phố số 2)		215	Trường PTTH Khâm Đức
25	XÃ NAM TRÁ MY		0	64	
	Xã Trà Don	KDC Tắc Tổ, thôn 3		64	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
26	XÃ TRÁ LINH		151	25	
	Xã Trà Nam	Nóc Tắc Vinh 3, thôn 2		25	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
		KDC Long Riêu, thôn 3	96		
		KDC Long Riêu, thôn 4	55		
27	XÃ TRÁ VÂN		0	128	
	Xã Trà Vân	KDC Văn Moa, thôn 2		84	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
		KDC Lấp Lóa, thôn 2		14	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
		KDC Tu Lung, thôn 3		28	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
	Xã Trà Vinh	Thôn 3		2	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
28	XÃ TRÁ TẬP		0	6	
	Xã Trà Tập	KDC Lăng Lương, thôn 1		6	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
29	XÃ ĐỒNG GIANG		0	5	
	TT Prao	Thôn ngã ba		5	UBND TT Prao
30	XÃ SÔNG VẮNG		0	5	
	Xã Tư	Thôn Vầu		3	
		Thôn Lầy		2	
31	XÃ SÔNG KÓN		0	11	UBND xã
	Xã Jơ Ngây	Thôn Cờ Lỏ		4	
	Sông Kón	Thôn Bút Nga		7	
32	XÃ PHÚ NINH		244	1.148	
	Tam Dân	Thôn Ngọc Tú, thôn Kỳ Tân	136	119	Nhà văn hóa thôn Dương Lâm (cũ)
	Tam Đại	Đập tràn sự cổ Long Sơn		1.029	Trường TH Thái Phiên, nhà SHVH các thôn Đại Hanh (cũ), Phước Thượng
	Tam Lãnh	Thôn Phước Mỹ, An Mỹ, Bồng Miêu	108		
33	XÃ TÂY HỒ		12	0	
	Tam Lộc	Các thôn Tây Lộc, Cẩm Long (khu vực eo gió)	12		
34	XÃ CHIÊN ĐÀN		0	85	
	Tam Thái	Khu vực núi Chùa, thôn Trường Mỹ		85	Nhà văn hóa thôn Trường Mỹ, trường THCS Phan Tây Hồ
35	XÃ TAM MỸ		0	2.015	
	Tam Mỹ	Thôn Phú Trường		250	Trạm sông Mũi, Trường TH, MN, Nhà VH, UBND
		Thôn Phú Thọ		320	Trường TH, MN, Nhà VH
		Thôn Phú Tân		450	Trường THCS, TH, MN, Nhà VH, Trạm y tế, UBND
		Thôn Phú Tử		995	Trường TH, MN, Nhà VH
36	XÃ TAM HẢI		0	435	
		Tân Bình Trung		134	Trường THCS Trần Quý Cáp
		Long Thạnh Tây		301	Nhà chống bão
37	XÃ ĐỨC PHÚ		77	5	
	Tam Sơn	Các tổ đoàn kết số 1, 2, 3, 6, 7	77	5	Trường MG thôn 1
38	XÃ QUẾ PHƯỚC		0	86	
	Quế Trung	Thôn Trung An		42	Sơ tán cục bộ
	Quế Lâm	Thôn 4		44	Sơ tán cục bộ
39	XÃ THU BÓN		155	0	
	Duy Phú		80		
	Duy Thu		75		
40	XÃ DUY XUYỀN		148	0	
	Duy Sơn		117		Các nhà liên cơ, an toàn
	Duy Trung		31		Các nhà liên cơ, an toàn
41	XÃ DUY NGHĨA		0	35	
	Duy Hải			35	Trường tiểu học Duy Hải
42	XÃ ĐẠI LỘC		63	1.055	
	TT Ai Nghĩa	Phước Mỹ	63		
	Đại Hiệp	Phú Quý		147	Trường Trần Phú
		Phú Hải		146	Các nhà kiên cố, nhà thờ tộc
		Phú Trung		284	
43	XÃ THƯỢNG ĐỨC		142	38	

TT	Địa phương	Khu vực nguy cơ	Số dân sơ tán (người)		Khu vực bố trí đến sơ tán
			Xen ghép	Tập trung	
	Đại Hùng	Thôn An Tân	21		Các nhà kiên cố, an toàn
		Thôn Mậu Lâm	21		
	Đại Lãnh	Thôn Tân Hà	77		Các nhà kiên cố, an toàn
		Thôn Hà Dục Đông	23		Nhà thờ kiên cố, các nhà kiên cố
	Đại Sơn	Đông Châm		38	Gò Ngang, Cây gạo, gò cầu phà, trạm y tế xã
44	XÃ HẠ NHA		50	428	
	Đại Đồng	Vĩnh Phước	28		Các nhà kiên cố
	Đại Quang	Phước Trung		20	UBND xã
		Trường An		42	TTKT Nông nghiệp
		Sông Bình		39	
		Phước Lộc		11	
	Đại Hồng	Ngọc Kinh Tây		69	
		Lập Thuận		118	
		Hòa Hữu Đông	22	75	
		Hòa Hữu Tây		54	
45	XÃ VU GIA		22	17	
	Đại Phong	Mỹ Tân	22	17	UBND xã, nhà kiên cố
46	XÃ PHÚ THUẬN		0	47	
	Đại Tân	Mỹ Nam		47	Các nhà kiên cố
		Phú Phong		33	
47	XÃ THANH MỸ		186	76	
	Thị trấn Thanh Mỹ	Thôn Thanh Mỹ 2, Pá Dấu 2, Đồng Râm	186	76	Nhà văn hóa thôn, trường học
48	XÃ BẾN GIẢNG		224	42	
	Cà Dý	Bến Giảng	136	42	Nhà văn hóa thôn, trụ sở UBND xã
	Tả Bình	Thôn Tả Đắc	46		Các nhà kiên cố
	Tả Pơ	Thôn Vinh	42		Các nhà kiên cố
49	XÃ NAM GIANG		216	0	
	Chà Vài	Thôn Pring	84		Các nhà kiên cố
	Zuôi	Thôn Pá Rưn, Công Dôn, Pá Đì	132		Các nhà kiên cố
50	XÃ ĐẮC PRING		210	0	
	Đắc Pre	Thôn 56A, 56B, 57, 58	112		Các nhà kiên cố
	Đắc Pring	Thôn 48A, 48B, 47, 49	98		Các nhà kiên cố
51	XÃ LA ĐỀ		262	0	
	La Đề	Thôn Đắc Ốc, Đắc Rế, Công Tờ Rơn	142		Các nhà kiên cố
	Đắc Tời	Thôn Đắc Tả Ván, Đắc Rích, Đắc Ro	120		Các nhà kiên cố
52	XÃ LA Ê		264	0	
	La Ê	Thôn Pá Oai, Pá Lan, Đắc Ngol	143		Các nhà kiên cố
	Chơ Chun	Thôn A Sô, Blăng, Cón Zót	121		Các nhà kiên cố
53	Phường Hải Vân	Thôn Phò Nam; Nam Yên; An Định; Tả Lang;	0	116	Trường học, nhà văn hóa
54	Xã Hòa Vang	Thôn Phú Túc, Hòa Thọ		208	Trường học, nhà sinh hoạt cộng đồng
55	Phường Hòa Khánh	Thôn An Ngãi Tây	84	47	Trường mầm non, trạm y tế
56	Phường Liên Chiểu	Đa Phước 6 (Tổ 56); Đa Phước 1B (Tổ 64-67);	290	235	Trường học
57	Xã Nông Sơn		98	45	
	Thôn Trung An		55		Trụ sở cục Thuế huyện Nông Sơn cũ, nhà dân lân cận đảm bảo kiên cố,
	Thôn Đại Bình		43		trường học, nhà sinh hoạt thôn.
	Thôn Tân Phong			30	Hội trường thôn Tân Phong, Trường Tiểu Phạm Phú Thứ (điểm trường
	Thôn Lộc Tây			15	Trường Mẫu Giáo Hương Sen (điểm trường Lộc Tây)

Phụ lục VIII.
THÔNG KÊ SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG CỦA LŨ QUÉT
(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn thành phố năm 2025)

STT	Địa điểm	Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
1	Xã Duy Xuyên		0		0	90	0	
	Xã Duy Trung (cũ)					67		Nhà kiên cố
	Xã Duy Sơn (cũ)					20		Nhà kiên cố
	Xã Duy Trinh (cũ)					3		Nhà kiên cố
2	Xã Thượng Đức	23				11		
	Đại Lãnh (cũ)	23						Trường học, nhà văn hóa thôn
	Đại Hưng (cũ)					11		Trường học, nhà văn hóa thôn
3	Xã Hùng Sơn	0	470	0	0	0	0	
	Gari (cũ)		120					Hội trường UBND xã, trạm y tế
	Axan (cũ)		350					Hội trường UBND xã, trạm y tế
4	Xã Avuong	0	933	0	0	0	280	
	Avuong (cũ)		653					UBND xã, trạm y tế, trường tiểu học
	Xã Bhalêê (cũ)		280				280	Nhà văn hóa các thôn
5	Xã Đức Phú	62	5	62	5	62	5	
	Tam Sơn (cũ)	62	5	62	5	62	5	Trường mẫu giáo thôn 1
6	Xã Phước Thành	0	0	0	0	335	330	
	Thôn 2,4 xã Phước Thành			0	0	140	330	Hội trường UBND xã, trạm y tế
	Thôn 2,3 xã Phước Kim			0	0	195	0	Hội trường UBND xã, trạm y tế
7	Xã Phước Chánh	0	0	96	212	65	320	
	Thôn 1,2 xã Phước Công			96	45	65	153	Hội trường UBND xã, trạm y tế
	Thôn 1,2,3,4,5 xã Phước Chánh			0	167	0	167	Hội trường UBND xã, trạm y tế
8	Xã Phước Năng	0	0	247	520	216	337	
	Thôn 1,2,3 xã Phước Mỹ			216	162	216	162	Hội trường UBND xã, trạm y tế
	Thôn 3 xã Phước Năng			31	250	0	67	Hội trường UBND xã, trạm y tế
	Thôn 1,2,4 xã Phước Đức				108	0	108	Hội trường UBND xã, trạm y tế
9	Xã Phước Hiệp	0	0	22	361	22	409	
	Thôn 2 xã Phước Hòa			22	45	22	93	Hội trường UBND xã, trạm y tế
	Thôn 1,2,3,4,5 xã Phước Hiệp				316	0	316	Hội trường UBND xã, trạm y tế
10	Xã Thạnh Mỹ	162	72	250	95	394	102	
	Thị trấn Thạnh Mỹ (cũ)	162	72	250	95	394	102	Nhà văn hóa các thôn
11	Xã Bến Giằng	180	63	272	85	401	96	
	Cà Dy	152	63	240	85	321	96	Nhà văn hóa các thôn
	Tà Bình	12		15		45		Nhà văn hóa các thôn
	Tà Pơơ	16		17		35		Nhà văn hóa các thôn
12	Xã Nam Giang	107	0	116	0	135	0	
	Chà Vải	62		66		75		Nhà văn hóa các thôn
	Zuôih	45		50		60		Nhà văn hóa các thôn
13	Xã Đắc Pring	53	0	74	0	106	0	
	Đắc Pre	32		38		65		Nhà văn hóa các thôn
	Đắc Pring	21		36		41		Nhà văn hóa các thôn
14	Xã La Dêê	66	0	93	0	202	0	
	La Dêê	31		48		152		Nhà văn hóa các thôn
	Đắc Tôi	35		45		50		Nhà văn hóa các thôn
15	Xã La Ê	49	0	59	0	65	0	
	La Ê	49		59		65		Nhà văn hóa các thôn
15	Xã Tây Giang				115		361	Trường học, nhà văn hóa thôn
16	Xã Hòa Vang	578	90	578	90	578	90	Trường học, nhà văn hóa thôn
17	Xã Hòa Tiến	582	103	582	103	582	103	Trường học, nhà văn hóa thôn
18	Xã Bà Nà	1.155	377	1.155	377	1.155	377	Trường học, nhà văn hóa thôn
19	Phường Hải Vân	195	337	195	337	195	337	Trường học, nhà văn hóa
19	Phường Liên Chiểu	257	53	257	53	257	53	Trường học, nhà văn hóa
20	Phường Hòa Khánh	204		204		204		Trường học, nhà văn hóa
21	Xã Nông Sơn	250		310	290	450	629	Các Trụ sở UBND xã cũ, nhà dân lân cận đảm bảo kiên cố, trường học, nhà sinh hoạt thôn.
Tổng cộng		3.923	2.503	4.572	2.643	5.525	3.829	